

ĐẠI ĐẠO TAM KỶ PHỒ ĐỘ

Tòa Thánh-Tây Ninh



CAO ĐÀI YÊU LUẬN

Khai Tâm Quách Minh Chương
Tài liệu lưu hành nội bộ (2021)



Tòa Thánh Tây Ninh

LỜI DẪN NHẬP

Thiên thơ tiền định, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ ra đời năm 1926 theo các tiên tri của các nền tôn giáo cổ xưa, đáp ứng các sứ mạng cao cả trong thời kỳ giao thoa Hạ Ngươn Tam Chuyển, sang Thượng Ngươn Tứ Chuyển.

Đại Đạo phải thực hiện qui Tam Giáo-hiệp Ngũ Chi, thực hiện được Đệ Tam Hòa Ước ký giữa Trời và Người, không cho sanh chúng bội phản lời cam kết với Đức Thượng Đế, giữ chánh pháp Đạo Đạo Tam Kỳ không biến thành phàm giáo, bảo tồn nền văn minh tôn giáo cứu nhân loại trong bảy trăm ngàn năm, trưng cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa Đại Đồng, thực hiện Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh, hoằng dương chánh pháp Cao Đài để chúng sanh tu hành, hưởng cơ ân xá của Đức Chí Tôn.

Chúng ta biết, Đức Chí Tôn đã thấy sự bội ước của nhơn sanh trong hai thời kỳ trước trong Nhứt Kỳ Phổ Độ và Nhị Kỳ Phổ Độ, nên Đức Ngài đã quyết không giao Chánh Pháp cho người phàm, chính mình Ngài xuống cứu vớt con cái Người. Đức Hộ Pháp ngăn cản Đức Chí Tôn rời Huỳnh Kim Khuyết, tình nguyện thay Đức Chí Tôn để lập nền đạo. Điều này được minh chứng chắc chắn qua cả cuộc đời hành đạo của Đức Hộ Pháp, từ khi Đức Hộ Pháp được Đức Chí Tôn thiên phong Hộ Pháp cho đến trút hơi thở cuối cùng. Trong Tam Kỳ, Đức Chí Tôn dụng huyền diệu cơ bút để lập thành nền chánh giáo có tên là Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài.

Quyển sách “**Cao Đài Yếu Luận**” tưởng cũng là việc làm quá sức trong khi nền Chánh Pháp Cao Đài quá vô biên, vô tận và được viết trong tinh thần cố gắng, diễn theo thiên ý hạn hẹp, nên chắc chắn còn nhiều vấn đề chưa được hoàn toàn đầy đủ. Rất mong được quý vị cao minh chỉ dẫn những chỗ khiếm khuyết, để chỉnh sửa sách cho vẹn toàn hơn.

Tây Ninh, ngày mùng 15 tháng 10 năm Tân Sửu-2021

Kỷ niệm ngày Khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Khai Tâm Quách Minh Chương

CHƯƠNG I: MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VÀ THƯỢNG ĐẾ

1. Sự hiện hữu của con người.

Dưới mọi lăng kính, con người vốn được coi là sinh vật thượng đẳng trong cơ cấu linh hoạt với một khối óc chứa đầy huyền bí siêu việt. Các công trình khoa học vĩ đại tiên tiến nhất đã đi tìm nguồn gốc của quả địa cầu giữa vũ trụ bao la, nguồn gốc khai sinh ra con người. Nhưng tất cả, có lẽ chỉ là những giả thuyết, phỏng đoán mà thôi. Khoa học chỉ có thể nắm bắt được một phần nhỏ nào đó thuộc thế giới hữu hình, còn màn che vô vi vẫn mãi mãi là một ẩn số không lời đáp.

Hệ thống duy vật có vẻ chứa đầy mâu thuẫn khi người ta bị chất vấn “tại sao khối óc con người có thể tìm ra những nguyên lý tự nhiên với bao nhiêu công trình khám phá vĩ đại, như vén bức màn bí mật của cơ Tạo Đoan?”. Thật vậy, tư tưởng duy vật biện chứng có lẽ đã đến thời kỳ cần phải xem xét lại những lập luận triết học của họ.

Ở một chiều hướng nào đó, một số người đeo đuổi thuyết duy vật vẫn bảo thủ tư duy và giữ vững đời sống vô thần, cho rằng chết là kết cục sự sống. Vì thế, những học thuyết và chủ nghĩa đạo đức, tính chất nhân văn, “tam cương, ngũ thường”, “tam tòng, tứ đức”, “tử bi, bác ái” đối với họ là thứ rất “xa xỉ”, xa lạ và không cần thiết đối với họ. Những khám phá khoa học đem lại văn minh, chủ nghĩa vị kỷ thực sự trở thành “vũ khí” đe dọa đến trật tự hòa bình của nhân loại. Chính họ đã tạo trường thảm cảnh phân chia, đối nghịch trong hoàn cầu, có thể uơm mầm cho loạn lạc và chiến tranh huyết lệ.

Đối với tư tưởng triết học duy tâm, người ta tin rằng con người là sản phẩm của Đấng Tạo Hóa. Cụ thể hơn, sự sống chết của con người chịu tác động bởi toàn bộ nguyên lý thiên nhiên. Sự sáng suốt, khôn ngoan hơn các loài vật khác làm người ta tin rằng con người đã thọ một điểm Minh Quang của Thượng Đế. Nói một cách khác, con người tồn tại trong khoảng thời gian rồi già nua, chịu tử sanh-sanh tử, luân chuyển trong cơ động tịnh Âm-Dương. Người ta cho rằng dòng biến dịch đi theo một trật tự thiên nhiên rõ ràng. Cái hiện hữu là kết quả của tiền kiếp và cái sống hiện tại sẽ gieo nhân trong tương lai. Ý hướng con người phải làm sao tìm ra một nguyên tắc sống phù hợp với quy luật nhằm thánh hóa đời sống và cang thăng hoa hơn để trở về tự tánh vốn có.

Sự khác biệt giữa người này và người kia, sự đối nghịch thông minh và khờ dại của con người càng làm người ta khẳng định hơn về vai trò tồn tại của Đức Thượng Đế Ngự trị, cầm trong tay mọi sinh hoạt của nhơn loại. Mặt khác, người ta cũng tin rằng Đức Thượng Đế là nguồn cội bản lai của vạn vật càn khôn mà con người là một hiện hữu sinh tồn trong đó. Sở dĩ, con người khôn hơn các loài vật khác vì đã trải qua chu trình tấn hóa qua nhiều kiếp sanh. Người ta cũng tin rằng sự

tu tập trong nhiều kiếp sanh cho đến khi thấy Tánh thì cái diệu hữu trong bốn thân cũng sẽ trở về hiệp nhứt với bản lai diện mục.

Đấng Thượng Đế là Đấng toàn năng, toàn giác, toàn tri, toàn thiện, toàn chơn, toàn mỹ, là Đấng sáng thế vũ trụ. Thánh Nhân là người đã có cái Minh Tâm hòa huyền cùng bốn lai của Thượng Đế, thuận Thiên Lý. Con người vẫn còn lăn trôi trong vòng sinh tử vì những nghiệp duyên, vô minh, ở thế giới nhị nguyên chấp trước, đoán sau bằng nhưng tham vọng danh-lợi-quyền, mê luyến hồng trần.

Mỗi con người như một dòng suối nhỏ hiện ngự, tìm cách len lõi chảy về đại dương mệnh mông, hòa đồng cùng đại thể. Theo cách ấy, Linh Tâm là một phần trong Đại Linh Tâm, tức là Thượng Đế, cần tiến hóa và thăng hoa bằng một con đường nào đó để hòa vào Đại Thể của vũ trụ.

2. Tôn giáo đối với con người.

Đức Lão Tử nói “Không là gọi cái bản thủy của Trời Đất”. Danh từ “không” mà Đức Lão Tử nói không có nghĩa là không có gì mà là cái tồn tại, nguyên do của bản lai, thủy nguyên của Trời Đất, tức là Đạo.

Tất cả các tôn giáo của nhơn loại từ xưa nay đã phát về con đường trở về bản thủy của Trời Đất. Con người có một Phật Tâm, Linh Tánh, Bản Lai, Chủng Tử, Linh Hồn có cùng tự tính với Thượng Đế. Nên Đức Phật Thích Ca mới nói “nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật Tánh”.

Con người đang nằm tại điểm thứ tư của con đường thiêng liêng hằng sống vì con người thuộc trong Bát Hồn gồm, kim thạch hồn, thảo mộc hồn, thú cầm hồn, nhơn hồn, Thần hồn, Thánh hồn, Tiên hồn, Phật hồn. Vì vậy, sự sáng suốt vốn có của con người đang giục tấn và phải làm sao đồng nhất với Bản Lai của Thượng Đế mới mong thoát khỏi chốn sanh sanh-tử tử.

Tôn giáo là một sợi dây tương thông giữa thế giới nhị nguyên với thế giới nhất nguyên, là một con đường cho chúng sanh trau sửa thân tâm, tự tánh để tìm con đường giải thoát. Các tôn giáo ra đời tuy có khác nhau về hình thức, nhưng mục đích tối hậu vẫn đồng đẳng nhau, tức là giúp con người học hỏi, có đời sống thánh thiện, tâm thanh tịnh, tình phải tịch lặng để trở về Tánh.

Con người mang nhục thể, thọ cái Tánh linh mà sanh ra hiếu, đê, trung, tín, lễ, nghĩa, liêm, sỉ, từ bi, bác ái vô ngã thuần chơn. Nếu để hiển hiện cái tánh hòa vào chân thường thiên lý tức là đắc tánh, đắc tánh là đắc đạo vậy. Người thấy được tánh tức là thấy chân đạo.

Vì vậy, mọi tôn giáo đều mô tả một con đường riêng theo kiến giải của các Bậc Giáo Chủ Tôn Giáo, làm sao môn đồ biết cơ cứu rỗi, tu luyện thân tâm, thực hiện các tôn chỉ Bồ Tát Hạnh hạnh nhằm hóa giải vô minh, liễu giác đạo pháp.

Cho nên, Đức Thượng Đế vì yêu ái con cái của Người, nên luôn cho các bậc Giáo Chủ tôn giáo lâm phạm, lập mỗi đạo để cứu vớt con cái Ngài trở về hiệp nhất với Ngài. Đức Ngài không thể dùng phép để đưa con người về ngôi Tiên, phẩm Phật vì há như thế chẳng phải hạ thấp giá trị phẩm vị thiêng liêng sao! Nên, con người phải ra tự đi bằng đôi chân của mình, cầu chứng đạo pháp chính bằng đời sống của mình để đạt con đường giải thoát.

Vũ trụ quan của tôn giáo nêu lên Đạo là khởi nguyên của vạn hữu. Vạn hữu cũng phải từng lý thiên nhiên để trở về nguồn cội tức là Đạo. Có Đạo mới sinh biến vạn linh trong trời đất, vạn linh cũng phải từng Đạo để trở về bản lai diện mục của nó.

3. Đạo Trời qua các thời kỳ.

Đạo là chân nguyên, là chân lý để soi đường dẫn lối cho chúng sanh “minh tâm kiến tánh”, “tồn tâm dưỡng tánh”, “tu tâm luyện tánh”. Tuy nhiên, các Đấng Thiêng Liêng xuống thế phải bày pháp giới cứu độ nhưng tùy theo cảnh giới, căn cơ, chủng tánh của chúng sanh mà thị hiện.

Các pháp môn, phương thức ấy lại hình thành Giáo Hội có tổ chức hữu hình để điều hành, duy trì các cách thức tu tập cho môn sinh. Giáo Hội có hình thức, sắc thái tức là cái Thể của Đạo vô vi ứng hiệp, để nhơn sanh dần dần thấm nhiễm cái Thể ấy mà tìm về cái Dụng của Đạo vô vi.

Theo Cao Đài giáo, thế gian này đã trải qua hai thời kỳ mà Đức Thượng Đế đã cho Tam Giáo xuống thế để thức tỉnh, cứu độ chúng sanh.

Tam Giáo nhứt kỳ gồm: Đức Nhiên Đăng Cổ Phật lập Phật Giáo ở Ấn Độ. Đức Thái Thượng Đạo Tổ mở Tiên Giáo ở Trung Hoa. Vua Phục Hy mở Nho Giáo ở Trung Hoa. Thánh Moise mở nền Thánh Giáo ở nước Do Thái.

Đến Nhị Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo tiếp tục ra đời: Đức Phật Thích Ca mở Phật Giáo tại Ấn Độ để chấn hưng nền Phật Giáo. Đức Lão Tử mở Tiên Giáo tại Trung Hoa. Đức Khổng Tử mở nền Thánh Giáo ở Trung Hoa. Sau, Đức Chúa Jesu mở Thánh Giáo ở vùng Châu Âu.

Hoạt động tôn giáo là thi hành phận sự cho đại thể cầu chứng giáo pháp. Từ Đạo mà có tôn giáo hữu vi, tức là từ vô sắc biến ra cội sắc giới. Cho nên, phương thức truyền giáo và bảo tồn triết lý cứu cánh là một vấn đề trọng hệ cho mọi tầng đồ trên con đường tu tập cá nhân, cũng lại để bảo tồn chánh pháp không cho lộn lẫn văn minh lẫn át, làm thất kỳ truyền.

Đạo thế gian mà một màu sắc biểu thị chơn lý vô vi. Người chơn tu đạt huệ thì hiển lộ Bồ Đề Tâm mà thấy vạn pháp, thấy cái chơn và giả, không nhầm lẫn giữa phương tiện và cứu cánh. Ngược lại vì một lý do nào đó, người hành giả lấy

chơn thay giả, ngộ lý và pháp thì con đường mê mờ, bóng đêm bao phủ, huệ giác không chỉ vệt lối chông gai mà tỏ ngộ chơn lý, trở về tự tánh.

Trong nhứt kỳ phổ độ, chơn truyền chánh pháp cũng phổ bày hầu cứu rỗi chúng sanh. Nhưng đến một khoảng thời gian, giáo pháp thất kỳ truyền. Đức Thượng Đế lại cho các vị Giáo Chủ mở Tam Giáo chấn hưng trở lại trong nhị kỳ phổ độ. Đến nay, niên đại của Tam Giáo của nhị kỳ phổ độ cũng đã rơi vào trạng thái thất sách.

Vì sự thất truyền đã hai lần do chánh pháp trong tay phạm, nên Đức Chí Tôn mới quyết định lập nên Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, gọi tắt là Đạo Cao Đài mà chính mình Đức Ngài vì chủ nền tôn giáo, quy lương sanh lại làm một, tức là quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi trọn trong thánh đức của Đức Ngài, mong đưa đàn con trở về bến giác.

“Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ-chi Đại-Đạo là: Nhơn-Đạo, Thần-Đạo, Thánh-Đạo, Tiên-Đạo, Phật-Đạo.

Tùy theo phong-hóa của nhân-loại mà gây chánh-giáo, là vì khi trước Càn vô đức khản, Khôn vô đức duyệt, thì nhơn-loại tuy có hành đạo nội tư-phương mình mà thôi.

Còn nay thì nhân-loại đã hợp-đồng càn khôn dĩ tận thức, thì lại bị phần nhiều Đạo ấy mà nhân-loại nghịch lẫn nhau, nên Thầy mới nhứt-định quy-nguyên phục-nhứt.

Thầy nhứt-định đến chính mình Thầy độ rồi các con chẳng chịu giao chánh-giáo cho tay phạm nữa” [TNHT, Q.1]

CHƯƠNG II: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

1. Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài.

Các Đạo Giáo đã nêu rõ về vũ trụ quan riêng trong một hình thái ngôn ngữ thế gian nhưng có nhiều tính chất huyền bí trong những dẫn giảng của các vị Giáo Chủ xưa nay. Từ các hệ thống đó, con người vẫn tin rằng có một quyền lực thiên nhiên cao cả nào đó đang điều hành và vận chuyển vũ trụ và chắc chắn đó sẽ là Bản Nguyên tiên khởi của Trời Đất.

Triết lý Đạo Cao Đài đã nêu rõ từ thời hồng mông hỗn độn, mờ mờ mịt mịt, chưa có chi trong càn khôn vũ trụ, Khí Hư Vô mới phát sanh ra tiếng nổ và từ nơi đó mới xuất hiện nguồn sống đầu tiên, gọi là Thái Cực, tức là Trời, là Thượng Đế, là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, là Phật, là Đạo, là Chân Lý, là Đức Chí Tôn. Đạo mới sanh nhị, hóa tam, biến tứ, nảy ra bát mới có cả tinh cầu địa tú, ngân hà, thiên

hà, thái dương, vàn vàn thế giới, cõi trời, cõi người...và muôn vàn vật chất sanh linh, không có chi tồn tại đi ngoài nguồn gốc của Thượng Đế.

“Thầy đã nói với các con rằng: Khi chưa có chi trong càn-khôn Thế-Giới thì khí Hư-Vô sanh ra có một Thầy và ngôi của Thầy là Thái-Cực.

Thầy phân Thái-Cực ra Lưỡng-Nghi, Lưỡng-Nghi phân ra Tứ-Tượng, Tứ-Tượng biến Bát-Quái, Bát-quái biến-hóa vô cùng, mới lập ra Càn-Khôn Thế-Giới. Thầy lại phân tánh Thầy mà sanh ra vạn-vật là: vật-chất, thảo-mộc, côn-trùng, thú-cầm, gọi là chúng-sanh” [TNHT, Q.2].

Đây là vũ trụ quan cơ bản nhất của Đạo Cao Đài. Vì vậy, ngôi Thái Cực là ngôi vị đầu tiên. Ngài mới phân ra là Lưỡng Nghi tức là Âm Dương. Đức Chí Tôn làm chủ Dương Quang, Đức Phật Mẫu chủ Âm Quang. Đó là thời Tiên Thiên. Từ hai quyền năng điển lực Âm Dương này mới sinh biến ra vạn vật trong càn khôn, Đức Phật Mẫu nắm quyền định đạo, dùng pháp hóa vận hành cơ sáng lập.

Trong khái niệm của Đạo Cao Đài đã tỏ rõ cả bí mật Trời Đất cùng vạn vật, cho thấy Tam Giáo và Ngũ Chi nằm trong đại thể nhất lý của Đức Chí Tôn để phát huy diệu pháp độ dẫn chúng sanh quy ngưỡng Phật-Pháp-Tăng. Đức Chí Tôn ngự trị ngay ngôi Phật, Đức Phật Mẫu thuộc khí Pháp, vạn vật thuộc Tăng. Đức Chí Tôn chủ trương cả Phật-Pháp-Tăng. Những dịch biến tương quan trên càng bộc lộ tính chất cơ quan hữu hợp biến sanh hình tướng.

Đức Chí Tôn ngự ngay ngôi Thái Cực khi tiếng nổ phát ra, tức là Đấng chủ tể càn khôn nghi “hóa dục”. Tiếng vang bao trùm càn khôn do tiếng nổ phát sinh, là ngôi lập địa do Đức Phật Mẫu chủ trương quản. Từ ngôi chủ tể càn khôn, mới phân tánh giáng sanh ra chư Thần, Thánh, Tiên, Phật. Cứ theo nguyên lý thượng thăng, các chủng tánh của bản nguyên theo lực hút và sự sáng suốt trong mỗi tiêu Linh Tánh hiện hữu trong mỗi sinh vật đã đưa trở về hiệp nhất cùng Nhất Thể, tức là Đức Chí Tôn. Đạo Cao Đài càng khẳng định hơn sự hiện hữu của Chí Linh trong Vạn Linh vì Vạn Linh là hình ảnh của Chí Linh. Đức Chí Tôn nói:

*“Vì vậy mà các con phải bỏ xác trần, mà bông trái thiêng-liêng các con sanh hoá chơn-thần; chơn-thần lại biến hằng muôn thêm số tăng lên hoài. Ấy là Đạo. Bởi vậy một chơn-thần Thầy mà sanh hoá thêm chư Phật, chư Tiên, chư Thánh, chư Thần và toàn cả Nhơn-loại trong Càn-Khôn Thế Giới; nên chi **các con là Thầy, Thầy là các con**” [TNHT, Q.1].*

Vũ trụ quan của đạo Cao Đài đi thẳng vào chữ Đạo. Đạo là chơn lý, sinh một là Thái Cực, rồi sanh hoa nở trái, biến hóa vô cùng tận từ các hệ tinh cầu, cho đến các sinh vật nhỏ bé nhất hay vật chất, ấy là Bát Hồn, là hình ảnh sống của Đạo. Con người phải nương Đạo mà Tu để trở về nhất nguyên, tức là giải thoát, đoạt đạo, vĩnh sanh, hòa hợp với Đức Chí Tôn.

Cao Đài luận còn khẳng định rằng Bạch Ngọc Kinh là tòa ngự của Đức Chí Tôn, dưới có Tam Thập Lục Thiên, Tứ Đại Bộ Châu, Tam Thiên Thế Giới, Thất Thập Nhị Địa Cầu. Theo kinh Phật, cứ một ngàn Thế giới, thì gọi là một Tiểu Thiên Thế giới, một ngàn Tiểu Thiên Thế giới hay một triệu Thế giới, thì gọi là một Trung Thiên Thế giới, một ngàn Trung Thiên Thế giới thì gọi là một Đại Thiên Thế giới hay còn gọi Tam Thiên Đại Thiên Thế giới. Như vậy, một Đại Thiên Thế giới gồm một ngàn triệu thế giới.

“Như kẻ bên Phật Giáo hay tặng Nhiên-Đăng là Chưởng-Giáo; Nhiên-Đăng vốn sanh ra đời Hiên-Viên-Huỳnh-Đế. Người gọi Quan-Âm là Nữ-Phật-Tông, mà Quan-Âm vốn là Từ-Hàng-Đạo- Nhân biến thân. Từ-Hàng lại sanh ra lúc Phong Thần đời nhà Thương. Người ta gọi Thích-Ca-Mâu-Ni là Phật-Tổ. Thích-Ca vốn sanh ra đời nhà Châu. Người ta gọi Lão-Tử là Tiên-Tổ-Giáo, thì Lão-Tử cũng sanh ra đời nhà Châu. Người gọi Jésus là Thánh-Đạo Chưởng-Giáo, thì Jesus lại sinh nhằm đời nhà Hôn. Thầy hỏi vậy chớ ai sanh ra các Đấng ấy? Khí-Hư-Vô sanh có một Thầy. Còn mấy Đấng Thầy kể đó, ai sanh? Ấy là Đạo. Các con nên biết.

Nếu không có Thầy thì không có chi trong Càn-Khôn Thế-Giới này; mà nếu không có Hư Vô chi khí thì không có Thầy. [TNHT, Q.1].

Đạo Cao Đài cho biết Trời có Nhứt-Nguyệt-Tinh, Đất có Thủy-Hỏa-Phong, con người có Tam Bửu là Tinh-Khí-Thần. Thần là Linh Hồn, là Bồn Lai, Phật Tánh, Chơn Như, Bồ Đề Tâm và nhiều danh xưng khác nhau trong các tôn giáo khác, duy chỉ khác nhau trên văn tự. Còn bản chất vẫn là một Diệu Tánh do Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế ban cho. Khí là Chơn Thần, là đệ nhị xác thân của con người do Đức Phật Mẫu ban. Tinh là thể xác, thuộc vật chất tạo thành. Con người hai năng lực Khí-Thần phải nương dựa vào Tinh để đào luyện tu tâm, luyện tánh để Tinh-Khí-Thần hiệp nhất, tức là kiến Tánh, hồi quang phản chiếu, đắc đạo, đoạt cơ mầu nhiệm vĩnh sanh trong con đường thiêng liêng hằng sống.

2. Nguyên nhân xuất hiện Đạo Cao Đài.

Nhứt Kỳ Phổ Độ có ba ngươn hội, Thượng Ngươn, Trung Ngươn và Hạ Ngươn. Đức Chí Tôn là Cha của linh hồn vạn linh, chủ cả Phật-Pháp-Tăng và chư Thần, Thánh, Tiên Phật, nên không khi nào tình thương ấy mất đi. Ngược lại, Đức Chí Tôn không ngồi yên tọa vị, tìm đủ mọi phương pháp thức tỉnh chúng sanh để tu hành, trở về hội hiệp cùng Đức Ngài. Vì vậy, các Đấng Giáo Chủ trong Tam Giáo và Ngũ Chi luôn luôn thay mặt Đức Ngài xuống thế mở đạo, cứu vớt chúng sanh.

“Trung - Con biết rằng Thầy thương yêu hơn-loại là đường nào chưa? Những điều ngăn trở đều do nơi tiền-khiên của cả chúng sanh. Đã vào trợn một thân mình nơi ô trược thì Thầy đây cũng khó mà rửa với một gáo nước mà đựng

trong sạch. Nhơn loại đã thâm nhiễm vào tình luyến ái tà mị trên mười ngàn năm, thì thế nào cõi Thánh-Đức trong một lúc chẳng tới một năm cho trọn lành đặng” [TNHT, Q.1].

Đến khi con người trong địa cầu tu tiến lên, dựa vào học thuyết Trời ban mà tu học, nhiễm dần dần thì trí khôn khai mở, văn minh do chính con người phát triển do khối linh tâm đào tạo. Hễ càng văn minh vật chất càng tiến triển, con người sanh ra mê mẩn, càng xa lìa đạo đức tinh thần của Tam Giáo, Ngũ Chi mà càng làm cho phai nhạt triết lý giải thoát. Con đường trở về với Đức Chí Tôn càng xa vời vợi.

Bí pháp chơn truyền một khi mất, còn người nhiễm luyến ái dục, chìm đắm trong vô minh, lăn trôi trong danh-lợi-quyền, cánh cửa vô vi càng khóa chặt. Nên Đức Chí Tôn tiếp tục cho các Đấng Thiêng Liêng gây dựng học thuyết cứu cánh, chấn chỉnh Tam Giáo, Ngũ Chi, tức là thời Nhị Kỳ Phổ Độ, hầu ban một giọt nước ân huệ ma ha cho chúng sanh tâm phương thoát khổ khỏi chốn sông mê.

Những giai đoạn đầu của chánh pháp, đã giúp con người gội rửa chơn thân tinh anh, hườn tánh hiệp nhứt, viên giác, đôn ngộ mà hồi quang phản chiếu. Mấy ngàn năm qua, giáo pháp lưu truyền dần phai nhạt theo thời gian, nhiều nhánh, nhiều chi mà làm cho các giáo pháp càng xa với chơn lý. Đó là hệ lụy của việc chánh pháp trong tay phàm mà có cố sự.

Hơn nữa, văn minh nhân loại chưa đến mức phải kết thông để đảm bảo sự truyền bá chánh pháp, đạo hầu như chỉ truyền bá tư phương mà thôi. Lại nữa, dưới phàm nhãn thường làm cho con người dễ nhận thấy sự dị biệt trong chơn lý giải thoát. Đức Chí Tôn giảng về vấn đề này như sau:

“Vốn từ trước Thầy lập ra Ngũ-chi Đại-đạo là Nhơn-Đạo, Thần-Đạo, Thánh-Đạo, Tiên-Đạo, Phật-Đạo. Tùy theo phong-hóa của nhân-loại mà gây chánh-giáo, là vì khi trước Càn vô đắc khán, Khôn vô đắc duyệt, thì nhơn-loại duy có hành đạo nội tư phương mình mà thôi. Còn nay thì nhân-loại đã hiệp-đồng, Càn Khôn dĩ tận thức, thì lại bị phân nhiều Đạo ấy mà, nhơn-loại nghịch lẫn nhau; nên Thầy mới nhứt-định quy-nguyên phục nhứt” [TNHT. Q.1].

Các Đấng Giáo Chủ của tôn giáo vẫn tùy theo căn cơ, văn hóa, sự tiến bộ của nhơn sanh, tùy vùng mà lập ra các triết thuyết cứu cánh cho phù hợp. Ngày nay, nhơn loại đã đạt đến một trí thức tinh thần cao rộng, có thể hiệp đồng cùng nhau. Tuy nhiên, sự văn minh ấy lại là rào cản cho các tư tưởng hiệp nhứt triết lý “nhìn đạo Trời là một” mà trở nên nghịch lẫn nhau, chê bai, kích bác nhau, trở thành một mâu thuẫn tôn giáo trên phương diện triết lý hữu hình và khái niệm vô vi.

Lượn văn minh ô ạt, cuốn con người ta vào vòng xoáy của hưởng thụ, đắm đầu vào những hình thể vật chất, làm tha hóa đạo đức con người. Mặt cho những lời kêu gọi hòa bình của các vị lãnh đạo tinh thần liên tôn, con người giẫm đạp trên mọi hình thức, coi nhẹ giá trị đạo đức tinh thần, tha hồ phô diễn sức mạnh vũ trang và sẵn sàng cho những cuộc thánh chiến đẫm lệ để thể hiện sức mạnh vô đạo đức.

Con người đã từng tạo ra những oan khiên tiền nghiệp, nào sát hại đồng chủng, tương tàn tương sát, sát sanh thú cầm để thụ hưởng món ngon, vật lạ, thỏa chí tham vọng của miệng lưỡi. Nào dè, đó là nghiệp nặng, là máu huyết tanh hôi và lại là đồng chủng đào lộn. Đó cũng là những lý do trong muôn vàn nguyên nhân của sự cộng nghiệp toàn thể nhơn loại.

Đạo Cao Đài đã cho biết 100 ức Nguyên Nhân đã lâm phạm để cứu vớt Hóa Nhân nhưng khi xuống trần vì phạm hóa, không phương trở về cựu vị. Đức Phật Tổ đã hóa độ được 6 ức nguyên nhân, Đức Lão Tử cứu được 2 ức. Nên vẫn còn 92 ức chưa thể quay hồi đặng.

Chính những lý do đó, Đức Chí Tôn đau lòng mà toan rời ngôi Huỳnh Kim Khuyết để chính mình Ngài xuống độ rồi con cái của người, quyết không giao Chánh Pháp cho tay phạm nữa. Đức Ngài lập nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để tất cả con cái của Người nhìn nhận Đạo Trời là một, tái lập và quân bình tâm lý cho thế giới đại đồng, quy Tam Giáo, hiệp Ngũ chi trong một Giáo Pháp, toàn thể chúng sanh sẽ không còn phân chia, nghịch lẫn nhau mà đồng tu hành.

Nền Đạo Cao Đài là cơ tận độ kỳ ba, tức là Tam Kỳ Phổ Độ, một ngành dương, một bình tịnh thủy cam lồ mà Đức Chí Tôn rưới khắp nhơn gian, hầu gội rửa con cái Ngài trong thời hạ ngươn mật pháp, chuyển qua thượng ngươn Tứ Chuyển.

“Vậy Thánh Ý của Chí Tôn khai mở Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, Tam Giáo Quy Nguyên, Ngũ Chi Phục Nhứt là muốn dung hòa tâm lý toàn cả con cái của Người để cứu vãn trọn 92 ức nguyên nhân, vì thế mà phải bị sa đoạ nơi đây. Chí Tôn đã đại từ đại bi chỉ rõ căn nguyên và ban ơn cho ta, dạy dỗ cho ta để đạt đạt ngôi vị là phải trau luyện cho Tinh hiệp với Khí, Tinh Khí hườn Thần là cơ huyền bí để mà đắc Đạo vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1 bài 17].

Vì thiên thơ tiền định, tu nhiều thành ít. Con người có tam thể xác thân, Tinh-Khí-Thần. Tu phải cần trau luyện thuận thiên lý mà làm hiệp nhứt ba thể. Cho nên Thần lại khiêm khuyết, không chi hiệp nhứt cùng Tinh và Khí. Nên việc tu hành của con người trở nên mắc mớ, khó khăn khi các giáo pháp Tam Giáo bế pháp. Luật lệ tu hành hằng con nguyên thủy nhưng sự hiệp nhứt của tam thể không đặng.

“Phẩm vị Thần, Thánh, Tiên Phật từ ngày bị bẻ Đạo, thì luật lệ hồi còn nguyên, luyện pháp chẳng đổi, song Thiên-Đình mỗi phen đánh tảng "Thần" không cho hiệp cùng "Tinh-khí" [TNHT, Q.1].

Con người có ai tỏ thấu luật Thiên Đình, hiểu những bí mật cơ Tạo Doan và hiểu cơ mâu nhiệm, duy Thánh Cơ Đức Chí Tôn cho hay “đạo bị bẻ”, cổ luật luyện pháp chẳng dời đổi, nhưng hại thay Thiên Đình đánh tảng Thần không để hiệp cùng Tinh-Khí nên cơ siêu phàm nhập Thánh hầy còn là điều xa vời đối với chúng sanh.

“Thần là khiếm khuyết của cơ mâu-nhiệm từ ngày Đạo bị bẻ. Lập "Tam-kỳ Phổ-độ" này duy Thầy cho Thần hiệp Tinh-khí đặng đủ "Tam Bửu" là cơ mâu-nhiệm siêu phàm nhập Thánh” [TNHT, Q.1].

3. Tại sao Việt Nam được sở hữu nền văn minh Đại Đạo?

Việt Nam là một trong những đất nước nhỏ bé trên bản đồ thế giới. Một dân tộc xưa nay chịu đàn áp của ngoại bang, từng chịu ngàn năm đô hộ của giặc Tàu. Dân tộc mang dòng dõi “con rồng, cháu Tiên” nhưng từng bị thống khổ, bị ức hiếp do các cường quốc ngoại lai. Âu cũng là luật nhân quả, vay trả theo luật tạo hóa.

Dẫu là dân tộc nhỏ bé, Việt Nam luôn luôn lấy tư tưởng duy tâm, có một truyền thống tâm linh của Tổ Phụ ông bà để lại. Khi các nền văn minh tôn giáo như Phật Giáo, Lão Giáo, Khổng Giáo, Gia Tô Giáo du nhập vào Việt Nam, dân tộc ta đã tiếp đón nguồn sinh khí tinh hóa và coi như báu vật, rồi hòa quyện vào bản sắc dân tộc thành một trong những tư tưởng tâm linh đặc thù. Vừa vẫn giữ giáo pháp không mất đi tính chất nguyên thủy, vừa phải bảo tồn nền văn minh truyền thống. Đó là cái hay của tổ tiên ông bà người Việt Nam.

Thật vậy, đất nước Việt Nam nằm ở một vị thế có thể tiếp các luồng văn minh khoa học, cũng như những tín ngưỡng tâm linh Đông Tây cổ kim. Hơn bốn ngàn năm văn hiến, dân tộc anh liệt kia vẫn giữ bờ cõi non sông đi đôi với bảo tồn tín ngưỡng tâm linh Trời Đất trong lòng mỗi người con đất Việt. Dẫu có theo tôn giáo nào hay không, nhà nhà đều chọn một chỗ tốt lành chánh giữa trước nhà thờ “bàn Thiên” và đốt nhang hàng ngày. Trong nhà, nơi trung tâm lại chọn nơi kang trang để thờ phụng, cúng tổ tiên ông bà. Đây là một nét đặc sắc trong văn hóa Việt Nam đôi khi đối chiếu với tín ngưỡng tôn giáo thuần túy.

Mở nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tức là khai mạch sống và một ân huệ lớn lao cho nhơn loại thời kỳ này, một luồng thoại khí sanh quang giúp nhơn sanh có thể lau xả tặc, định hồn quốc thể để nhơn loại hưởng một hồng ân vô biên từ ơn cứu rỗi kỳ ba. Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế cho “tu nhất kiếp, ngộ nhất thời”, có thể lập công quả mà hiệp hội, đắc quả Thiên vị tùy vào công quả của mỗi người, tùy vào công trình phổ độ nhơn sanh và phụng sự đạo pháp.

“Vì vậy mà Thầy hằng nói cùng các con rằng: một trường thi công-quả, các con muốn đến đặng nơi cực lạc thì phải đi tại cửa này mà thôi. Thầy lại khuyên nhủ các con rằng: Thầy đã đến chung cùng với các con, các con duy có tu mà đắc đạo; phải đoái lại bá thiên vạn ức nhơn-sanh còn phải trầm luân nơi khổ ải, chưa thoát khỏi luân hồi, để lòng từ bi mà độ rồi” [TNHT, Q1].

Đức Chí Tôn đã đến một cách lặng lẽ, bằng huyền diệu cơ bút tiên gia, Đức Ngài làm chủ mỗi Đạo. Ngài lại quy hợp phần tử thiện căn để thay Đức Ngài trong cơ quan hữu hình, lập Thánh Thể thay thế hình ảnh Ngài để thực hiện các sứ mạng cứu vớt sanh linh. Tôn Giáo Cao Đài không phải chỉ dành riêng cho dân tộc Việt, mà phải cứu độ toàn thể các sắc dân trên thế giới, không phân biệt chủng tộc, giống nòi, màu da tôn giáo trên nguyên tắc “Thiên Đạo công bình giải thoát” và một “Thế Đạo nhơn nghĩa đại đồng”.

Đức Ngài lại chọn nước Việt Nam để làm đất Thánh, mở chơn truyền Đại Đạo. Việt Nam là đất nước đặt nặng tín ngưỡng tâm linh nên khi các nền tôn giáo du nhập vào, dân tộc đã hấp thụ và truyền thừa những thánh tâm, một lòng thờ kính, hòa hợp các tôn giáo. Ngày nay, đất nước Việt Nam đã trở thành tâm điểm, thừa hưởng di sản thiêng liêng của Đức Chí Tôn, ban cho một nước nhỏ nhen khai mở nền Chánh Giáo tam kỳ, nên Việt Nam trở thành Thánh Địa và làm mô phỏng để tiến khai đến một xã hội đại đồng. Đức Chí Tôn đã tuyên ngôn:

*“Quốc Đạo kiêm triều thành Đại Đạo,
Nam Phong thử nhật biến nhơn phong”*

Quả thật, đây là một hồng ân vô cùng to lớn thiêng liêng đối với dân tộc. Tuy nhiên để “nam phong” trở thành nhơn phong, mỗi người con dân tộc phải làm phần tử tốt đẹp, hiểu trọn sứ mạng trọng yếu cho nền nhơn phong hoàn vũ để mới biến quốc thể làm tiền đề, chuẩn mực cho sanh chúng theo truyền ngôn của Đức Chí Tôn.

4. Những tiên tri về hiện tượng của nền Đại Đạo.

Con người luôn luôn sống dưới bầu trời có vầng Nhật-Nguyệt, tức là hai nguồn sống bền lâu của càn khôn sáng soi dẫn chân hướng thượng của toàn thể chúng sanh. Dù vô đạo hay hữu đạo, con người đều có một Phật Tâm linh diệu, một thể tánh thường tại tự hữu, đồng bản nguyên của Trời Đất. Cho nên Đức Phật nói “nhứt thiết chúng sanh giai hữu Phật tánh”, nghĩa là mỗi người đều có một chân như Phật tánh như nhau. Đức Phật còn tuyên phán “Ta là Phật đã thành, chúng sanh là Phật sẽ thành”.

Tất cả chúng sanh đều đang đi trên cơ động tịnh Âm-Dương, đang học những bài học khổ đau, tấn tuồng khổ hay vui đều do sự tác động của luật nhân quả thăng tiến. Học để hiểu, trải nghiệm các trạng thái “hữu-vô”, “thăng-đọa” hầu

dần tiến đến con đường thiêng liêng hằng sống, tức là giải thoát. Nói như thế không có nghĩa là con đường trở về tự tánh là một hành trình giản đơn. Chính vì những phàm ái, vô minh luôn bao phủ, con người ngụp lặn giữa sông mê, bến khổ khó mong quán tâm, luyện tánh hườn hư nên Đức Chí Tôn mới khai các nền tôn giáo để chỉ đường cho vạn hữu trực chỉ tu tâm, luyện tánh, dưỡng lòng mà hướng đến con đường đạt đạo.

Chánh Pháp ra đời để dẫn dắt con người thuần hành tu tập, quán niệm để đắc nhất. Khi vị Giáo Chủ tôn giáo nhập tịch, tất cả các môn sinh đều thương tiếc và sợ sau này không ai dìu dắt con đường thiện hạnh của mình. Dầu thế, các Đấng cao cả ấy vẫn có những dấu chỉ, tiên tri về con đường cứu cánh tương lai cho chúng sanh biết trước. Đạo Cao Đài là một tôn giáo ra đời năm 1926 tại Việt Nam, cũng được các Đấng tiên tri về sự hiện hữu.

Phật Giáo vẫn truyền tụng một dữ kiện quan trọng mà Thầy Thích Thông Lai nói Đức Phật Thích Ca cho hay:

“Chừng nào có một đạo ra đời, lấy y phục toàn màu trắng làm chuẩn cho cơ bản của đường tu và tất cả các đạo cũng đều nhìn nhận để cùng mặc toàn là đồ màu trắng thì lúc đó sắp có Long Hoa Đại Hội. Khi nào có đạo ấy ra đời, các con sẽ đem xá lợi của ta và cây bồ đề của ta đến hiến cho đạo ấy, vì đạo ấy có ta ở đó, ngày Long Hoa Đại Hội sẽ có mặt ta, các con nhớ vậy”.

Đức Phật Thích Ca cho biết đạo mặc toàn đồ trắng là Đạo Cao Đài, còn tiên luận về cuộc Đại Hội Long Hoa sẽ diễn ra trong Đạo Cao Đài. Ngài nói sẽ có một Đấng Chúa Tể phổ truyền nên chọn đạo vinh diệu.

“Ta chẳng phải vị Phật đầu-tiên hay vị Phật cuối cùng, mà sau Ta vào thời-kỳ cuối cùng của đạo-pháp (mạt-pháp) sẽ có một Đấng lớn hơn Ta xuất-hiện, Đấng Chí-Thánh Đại-giác độc-nhất vô-song, cực-kỳ cao-thượng. Đấng Chúa-Tể cả Thần Thánh và nhân-loại. Đấng đó sẽ phổ-truyền một nền Đạo vinh-diệu lúc sơ-khai, vinh-diệu lúc thịnh-hành và vinh-diệu cả buổi chung cuộc”.

Phật Giáo Ngũ Chi cũng qua các huyền cơ tiếp xúc với các Đấng Phật Tiên cõi vô hình, cũng đã dự ngôn về sự xuất hiện của nền Cao Đài qua hai câu thi:

*“CAO như Bắc-khuyết nhân chiêm-ngưông,
ĐÀI tại Nam phương đạo thống truyền”.*

Hai chữ đầu của hai câu thi ráp lại là “Cao Đài”. Như vậy, sự loan báo của các Đấng rất rõ về sự ra đời của nền đạo sẽ được mở tại Nam phương. Các tăng đồ của Ngũ Chi Phật Giáo rất tin tưởng về huyền cơ và chờ ngày nền đạo Cao Đài ra đời và giao kinh cho nền tôn giáo mới này. Đó là bài Niệm Hương Kinh và Khai Kinh.

Khi nền Lão Giáo lớn mạnh nhờ sự hòa đồng tư tưởng “Lão-Trang”, hệ thống tín ngưỡng càng khuếch trương và giữ vững vai trò trong quan niệm tâm pháp và vũ trụ quan một cách đặc sắc. Thanh Tịnh Kinh của Đức Lão Tử cũng tuyên phán người có công quả vẹn tròn sẽ thọ hưởng phép tu đơn, người có Thiên mạng nên hoằng dương nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ:

“Công viên quả mãn chỉ thọ đơn thơ.

Thiên-mạng phương khả truyền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ”.

Đối với Thánh Giáo Gia Tô, Đức Chúa Jesu cũng tuyên ngôn trong sau hai ngàn năm Đạo của Ngài, sẽ có một nền Đạo đầy quyền năng và vinh quang. Như vậy, chỉ trong vòng một ngàn chín trăm hai mươi sáu năm [1926], đạo Cao Đài đã ra đời như lời Ngài tiên tri. Đức Ngài cho hay rất rõ ràng, Ngài sẽ giáng lâm lần nữa.

“Chừng đó sẽ có những điềm trên mặt trời, mặt trăng và các vì sao. Các quyền-lực trên trời bị lay chuyển. Dưới đất muôn dân sẽ lo-lắng hoang-mang trước cảnh biển gào song thét, hải-hùng đón nhận những tai-wrong giáng xuống địa cầu. Bấy giờ thiên-hạ sẽ thấy con người đầy quyền năng và vinh-quang ngự trong đám mây mà đến.... Ngày ấy đến một cách bất thần, như mẻ lưỡi chộp xuống trên mọi dân cư khắp trên mặt đất... Một cách bất thần như kẻ trộm ban đêm. Lúc ấy tai-họa sẽ thành-linh ập xuống cho mọi kẻ tội lỗi”.

Lời tiên tri của Đức Chúa Christ hoàn toàn trùng hợp với triết lý Cao Đài Đại Đạo. Thời kỳ mạt pháp đã đến, cơ sàn lọc, chọn hiền sĩ vào bảng phong vị của Đức Di Lạc Vương Phật hầu cận. Đức Chí Tôn đã đến với chúng sanh “như kẻ trộm ban đêm”, tức là huyền diệu cơ bút các Chức Sắc khai Đạo cầu cơ vào ban đêm thuở sơ khai và đúng như lời Thánh Cơ Đức Chí Tôn giáng:

“NOEL 1925

***Ngọc-Hoàng Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát
Giáo Đạo Nam Phương***

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
Đạo mâu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.*

Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày của ta xuống trần dạy Đạo bên Thái-Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà thấy đệ-tử kính mến ta như vậy. Nhà này sẽ đầy ơn Ta”.

Như vậy, Nhơn sanh đã hưởng được mùi đạo vị trong Tam Giáo xưa, lại được cho biết tương lai, Trời sẽ mở nền Đại Đạo để chúng sanh ân hưởng. Kinh sách cổ vẫn còn đó, các thiên ngôn vẫn còn văng vẳng bên tai để chào đón nền Ân Xá Tam Kỳ-Đạo Cao Đài. Hơn nữa, trước khi giảng khai nền Đạo, Đức Chí Tôn đã cho chư Thiên báo trước về sự hiện thế của nền Đại Đạo Tam Kỳ cùng khắp năm châu.

5. Thương Đế đến bằng huyền diệu cơ bút sáng lập nền Đạo.

Vào tháng 07 năm 1925, quý Ngài Cao Quỳnh Diêu, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang thực hiện cuộc xây bàn đầu tiên. Ngày đầu không mang hiệu quả, đến ngày thứ hai thì có tiến triển. Vì kết thông được, Ngài lấy làm niềm vui hơn hờ. Kể từ ngày ấy, tâm chí chỉ để nơi việc xây bàn mà thôi. Ngoài thời gian đi làm, Ngài nôn nao về đêm để xây bàn, tiếp các nguồn điển vô vi.

Từ sự mơ hồ về việc xây bàn tiếp xúc với cõi hư linh, nay chút ít nắm được cánh cửa vô vi, nên ba Ngài vững tâm dùng chìa khóa đức tin vô tận trong bản thể để đi thẳng tận hằng sông vô vi. Việc xây bàn ban đầu khó khăn lắm đôi vì có rất nhiều vong linh đến ghi tiếng Anh, Pháp, Hoa..., các Ngài vẫn không nản, có khi các Ngài xây bàn đến tận 1-2 giờ sáng. Đến khi công việc đem lại thành công, các Ngài lấy làm vui, phấn khởi. Ban ngày làm bận rộn nhưng trông về đêm để thưởng lãm thú tao nhã, họa thi với các nữ thi sĩ có bút pháp rất tài hoa. Dần dần, tình mến mộ của các Ngài với các Đấng vô hình trở nên gắn kết, không còn xa lạ.

Ngay sau đêm thứ hai nhằm ngày 26 tháng 07 năm 1925, ba Ngài lại xây bàn đúng 24 giờ, có một vong linh nhập bàn, gõ chữ ráp thành bài thi bát cú Đường luật như sau:

*“THI
Ly trần tuổi đã quá năm mươi,
Mi mới vừa lên ước dặm mười.
Tổn mến lời khuyên bên mộ chép,
Tình thương căn dặn gắng tâm đời.
Bên màn đôi lúc trên hồn phách,
Cõi thọ nhiều phen dặm dặm thanh thai.
Xót nỗi vợ hiền còn lụi lụi,
Gặp nhau nhẩn nhủ một đôi lời.
Ký tên Cao Quỳnh Tuân”*

Cao Quỳnh Tuân là thân phụ của Ngài Cao Quỳnh Cư, qua đời đã 25 năm, đặc vị Xuất Bộ Tinh Quân. Thấy ký tên như vậy, các Ngài lấy ngậm ngùi, xúc động vì thơ mang đậm tình thân cúc dục. Từ đây, các Ngài càng có lòng tin, càng tinh tấn và ham công việc tiếp cận vô hình này như một thứ tiêu dao không thể thiếu.

Việc xây bàn càng thuận lợi hơn. Sau đó, nhằm ngày 30 tháng 04 năm 1925, bà Đoàn Ngọc Quế là Thất Nương Diêu Trì cung giáng thi. Bài thi xuất chúng, văn thơ tao nhã làm cho cảm hứng của các Ngài càng thích hơn nữa.

Hàng đêm, việc xướng họa diễn ra và cứ thế tiếp nối. Đến ngày 15 tháng 08 năm 1925, bà Đoàn Ngọc Quế mới kết nghĩa huynh đệ muối. Ngài Cao Quỳnh Cư là trưởng ca. Ngài Phạm Công Tắc làm nhị ca. Ngài Cao Hoài Sang làm tam ca. Bà Đoàn Ngọc Quế sau xưng là Thất Nương nơi Diêu Trì Cung, lại chỉ các Ngài sử dụng cơ bút. Chính phương pháp Bà Thất Nương chỉ dạy, nên việc thông công và trao đổi trở nên dễ dàng bội phần. Sau, Bà lại cho các Ngài hay rằng, trên cõi thiêng liêng có chín vị Tiên Nương hầu Đức Cửu Thiên Huyền Nữ, tức là Đức Diêu Trì Kim Mẫu. Muốn được tiếp xúc với Đấng này, các Ngài phải chay tịnh ba ngày và phải sử dụng ngọc cơ mới câu được.

Ngày 14 tháng 8 năm Ất Sửu [1925] theo lời dạy, các Ngài chuẩn bị trang hoàng nhà cửa, sắm sửa và làm một buổi yến tiệc để tiếp đón Đấng Cửu Thiên Huyền Nữ và Cửu Nương. Tất cả đại tịnh và Đức Cửu Thiên Huyền Nữ tức là Đức Phật Mẫu về chào mừng. Chín vị Cửu Nương cũng cho thi cảm mến và nói rằng có Ngọc Cơ này, tiện bề cho Diêu Trì Cung dạy việc.

Sau này, khi đạo trở nên thiết tướng, buổi lễ đó gọi là Hội Yến Diêu Trì Cung, buổi lễ trang nghiêm tổ chức hằng năm rằm tháng tám tại Tòa Thánh, chứa đầy bí pháp Đại Đạo, một ân huệ lớn lao gìn giữ cổ pháp, buộc các đảng chơn hồn phải về cõi Diêu Trì Cung dự hội bàn đạo, ăn đạo tiên, uống tiên tửu mới nhập vào cảnh thiêng liêng hằng sống. Nhưng bí pháp tận độ thời kỳ này, Đức Chí Tôn cho bày trước mắt tại trần thế, cho con cái Người chung hưởng.

Sự kiện đầu tiên là Diêu Trì Cung đến nâng đỡ tinh thần các Ngài, hình tượng Đức Phật Mẫu cũng đã bộc lộ sự tương liên, dẫn dắt Ngài Phạm Công Tắc mê mẩn trong tình tiêu dao thi ca và những chỉ dạy của cõi thượng thiên.

Sáu ngày sau, tức nhằm ngày 21 tháng 08 năm 1925, một Đấng vô hình đến với tự xưng là A, Ẫ, Ầ đến làm bầu bạn cùng tam vị, giảng giải, khuyên nhủ nhiều điều. Đầu tiên, thi của Đấng A, Ẫ, Ầ rất lạ và theo một kiểu cách dị thường làm cho các Ngài vừa ngỡ, vừa sợ, vừa vui.

Từ sự ẩm đôi thi thơ, cho đến tâm sự hàn huyên, nhưng có ngờ đâu Đấng A, Ẫ, Ầ là Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế bấy lâu ẩn danh để, trương cờ chiêu sinh, chọn lọc con cái Người để mở đầu cho công cuộc khai nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“THI

*Ớt cay cay ớt găm mà cay,
Muối mặn ba năm muối mặn dai.*

*Túng lúi đi chơi nên tấp lại,
Ấn bòn chẳng chịu tấp theo ai.
A-Ấ-Ấ”*

Ngài Phạm Công Tắc nghe bài thi lạ, lấy làm khó chịu trong lòng. Sau đó, Ngài Cao Quỳnh Cư hỏi Đấng A-Ấ-Ấ mấy tuổi, tên họ là gì. Ông gõ bàn hoài không ngừng, thấy vậy Ngài Phạm Công Tắc không hỏi nữa. Ngài Phạm Công Tắc hỏi ông ở đâu thì được cho bài thi:

*“THI
Trời trời mình không mới thiệt bản,
Một nhành sen trắng nấu nướng thân.
Ở nhà mượn đám mây xanh kịt,
Đỡ bước nhờ con hạc trắng ngàn.
Bố hóa người đời gây mối Đạo,
Gia ân đồ đệ dựng nền nhân.
Chừng nào đất dậy trời thay xác,
Chư Phật, Thánh, Tiên xuống ở trần”.*

Đấng này ra điều kiện nếu muốn được dẫn dạy:

“Muốn cho Bản Đạo đến thường, xin chư vị nạp lấy mấy lời yêu cầu của Bản Đạo như sau đây: Một là, đừng kiêu và biết Bản Đạo là ai. Hai là, đừng hỏi Quốc sự. Ba là, đừng hỏi đến Thiên cơ”.

Đấng quyền năng cao trọng là Bạc Chí Tôn, Ngọc Hoàng Thượng Đế tá danh A, Ấ, Ấ để bầu bạn, chuyện xưa nay hiếm có. Sau này, khi Đức Phạm Hộ Pháp nhắc đến, Đức Ngài tả sự rụt rè, sợ sệt.

“Đoạt đăng đức tin phi thường ấy, năm Ất Sửu tức nhiên năm một ngàn chín trăm hai mươi lăm (1925), Đức Chí Tôn đến với chúng ta, nhưng Ngài đến với một tình bạn mà thôi, đến với một danh hiệu, giờ phút này Bản Đạo không dám nói. Ngài đến cũng làm bạn Thượng Phẩm và Hộ Pháp. Tháng 12 năm ấy, Ngài dùng cơ bút huyền diệu của Ngài, Ngài dạy vọng Thiên Bàn cầu Đạo (điều mà chúng ta không thể tưởng tượng đây là một cử chỉ) ai cũng lấy làm lạ, nhiều người muốn tầm Đạo phải để một dấu hỏi, hỏi tại sao buổi ấy Thượng Phẩm và Hộ Pháp có một đức tin vững vàng nghe theo lời Ngài vọng Thiên Bàn cầu Đạo. Điều mà chúng ta không thể tưởng tượng, đây là một cử chỉ chung chứ không phải cá nhân Thượng Phẩm hay Hộ Pháp mà lời huấn giáo của Ngài cốt yếu để cho toàn thể nhưn loại nơi mặt địa cầu này nhứt hơn hết là nòi giống Việt Nam chúng ta” [Thuyết Đạo của ĐHP, Bí Pháp, bài 13].

Chủ Dương Quang là Đức Chí Tôn đến nhưng ẩn danh. Nay bà Đoàn Ngọc Quế dạy phải dùng Ngọc Cơ và chay tịnh, có đủ hoa, rượu trà tinh khiết, thanh

sạch mới cầu được Đấng Phật Mẫu, tức là chủ Âm Quang. Có thể nói, quyền năng sứ mạng đã định, sự thôi thúc trong lòng và ham văn thi cũng như muốn tìm chơn tướng cõi hư không, các Ngài cũng không nản lòng, tìm mọi cách thỏa mãn để được hội diện các Đấng vô hình.

Cửu Nương về cho từng bài thi giáng mừng. Sau Đức Diêu Trì Kim Mẫu cũng đến. Các Ngài vui đờn theo yêu cầu của các Đấng. Buổi lễ diễn ra theo sở vọng và tinh thần mến thi văn, đạo đức vì thơ Tiên tuông trào theo từng dòng, làm các Ngài khoái húng và hưởng được không gian ấm áp giữa tình liên đới hữu hình và vô vi. Đức Phật Mẫu ban thi, và mỗi vị Tiên Nương ban một bài thơ kỷ niệm.

Sau này, chính ngày này là ngày Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung mà đạo Cao Đài hàng năm tổ chức đêm ngày 14 tháng 08 Âm Lịch hàng năm. Đại Lễ có cô Tiên, giữa là Đức Diêu Trì Kim Mẫu, dưới có Cửu Vị Tiên Nương cầm bửu pháp theo hầu, đi vòng qua Tòa Thánh Tây Ninh và trở về Báo Ân Từ và thái hiến lễ.

Cửu Nương dạy thêm: *“Từ đây có Ngọc Cơ rồi thì tiện cho Diêu Trì Cung đến dạy việc”*. Điều này cho thấy nguồn đạo sắp hiện tướng, các Đấng vô hình tiếp tục dẫn dắt các Ngài vào vai trò và sứ mạng lập giáo.

Đến đêm Noel năm 1925, Đấng A, Ǻ, Ȧ mới tiết lộ thực sự cho các tông đồ của Ngài biết, Ngài ẩn danh nhằm dẫn dắt và mở nền tôn giáo, đưa các vị thay Ngài lập một cây cờ bảo sanh-nhơn nghĩa-đại đồng, tức là nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

***“Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế Viết Cao-Đài
Tiên Ông Đại Bồ-Tát Ma-Ha-Tát
Giáo Đạo Nam Phương***

*Muôn kiếp có Ta nắm chủ quyền,
Vui lòng tu niệm hưởng ân Thiên
Đạo mầu rưới khắp nơi trần thế,
Ngàn tuổi muôn tên giữ trọn biên.
Đêm nay, 24 Décembre phải vui mừng vì là ngày của ta xuống trần dạy Đạo
bên Thái-Tây (Europe). Ta rất vui lòng mà thấy đệ-tử kính mến ta như vậy.*

...
*CHIÊU KỲ TRUNG độ dẫn HOÀI sanh,
BẢN đạo khai SANG QUÍ GIẢNG thành;
HẬU ĐỨC TẮC CƯ Thiên Địa cảnh.
HUỒN MINH MÂN đảo thủ đài danh.
(Mười hai chữ lớn trong ba câu trên là tên của mười hai người môn đệ trước
hết là của Đức Ngọc-Hoàng-Thượng-Đế, còn ba chữ xiêng lớn trong câu
chót là tên ba vị hầu đàn)” [TNHT, Q.1].*

Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế đã cho các Ngài biết là Đấng Toàn Năng do khí Hư Vô sanh ra và là chủ của Phật, Pháp Tăng. Nền Đại Đạo với chủ thuyết quy Tam Giáo, hiệp Ngũ Chi, đem bí pháp giải thoát tận độ cho các bậc Nguyên Nhân và Hóa Nhân đoạt pháp, thực hiện được Đệ Tam Hòa Ước ký giữa Trời và Người, không cho sanh chúng bội phản lời cam kết với Đức Thượng Đế, giữ chánh pháp Đạo Đạo Tam Kỳ không biến thành phàm giáo, bảo tồn nền văn minh tôn giáo cứu nhân loại trong bảy trăm ngàn năm, trưng cây cờ Bảo Sanh-Nhơn Nghĩa Đại Đồng, thực hiện Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh.

Như vậy, giai đoạn phôi thai của nền tôn giáo Cao Đài, Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu cùng đến để nâng diu, dạy dỗ con cái Người, chuẩn bị kiến tạo nền giáo pháp mới. Hai Đấng Chúa Tể để một cách âm thầm, lặng lẽ như “kẻ trộm”, tức là qua huyền diệu cơ bút để xây dựng một nền Đại Đạo, rưới giọt cam lồ, đem người xuôi đạo pháp nơi quả cầu 68 này.

CHƯƠNG III: TRIẾT LÝ TÂN KỲ CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

1. Mục đích Đạo Cao Đài.

Đức Chí Tôn xuống thế gian qua huyền diệu cơ bút, xưng là danh là “Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát”, buộc con cái Người phải tu Nhơn Đạo đại đồng và Thiên Đạo giải thoát.

Về **mục đích** của đạo, giáo lý Cao Đài cho rằng tất cả chúng sanh đều có cùng từ một nguồn gốc bản lai, là Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế. Nên tất cả ai vào trường Cao Đài phải dụng “từ bi-bác ái” mà đối xử cùng nhau thì sẽ dựng nên một xã hội **đại đồng**, một nền hòa bình chân thật toàn nhơn loại.

“Cao thượng Chí Tôn Đại Đạo hoà bình dân chủ mục.

Đài tiền Sùng bái Tam Kỳ Tam Kỳ cộng hưởng tự do quyền”.

Đây là hai câu liễn trước cửa chánh môn Tòa Thánh Tây Ninh và các Thánh Thất địa phương. Cơ bản, sự sống chung hòa, bảo bọc, thương yêu, quý trọng lẫn nhau, tròn phận sự lẫn nhau tức là thực hiện nền Thế Đạo để đơn vị gia đình yên vui, xã hội bình an, thế giới an lạc, mới có thể hướng đến nền đại đồng thực sự miên viễn.

Đề đi trên con đường Thiên Đạo, người tín đồ phải phụng sự đạo pháp và chúng sanh, nghĩa là thực hành Tam Lập Đức Hộ Pháp truyền dạy, hầu giải quả tiền khiên, tạo âm chất, phước và huệ song hành theo con đường của giáo pháp Cao Đài đã lập ra để thực hiện “Thiên Đạo công bình giải thoát” và “Thế Đạo nhơn nghĩa đại đồng”.

2. Tôn chỉ của Đạo Cao Đài.

Về **tôn chỉ**, chỉ vì “vạn giáo nhất lý” mà tùy theo phong hóa, thời kỳ mà Đức Thượng Đế cho xuống thế để tế độ chúng sanh. Nên Đạo Cao Đài ngoài thờ Đấng Ngọc Hoàng Thượng Đế, còn tượng trưng thờ các vị Giáo Chủ đại diện cho Tam Giáo và Ngũ Chi xưa nay để tưởng nhớ công ơn.

Cổ luật Tam Giáo hẳn còn uyên nguyên, người tín đồ phải giữ Tam Cang-Ngũ Thường, Tam Tòng Tứ Đức, Ngũ Giới Cấm và thêm vào Tứ Đại Điều Quy theo Thánh Giáo, phải hướng đến việc trường dưỡng Tinh-Khí-Thần trong sáng để dâng cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu theo Tiên Giáo, phải giữ trau luyện tâm tánh để đạt đến vô biên vô tận “từ bì-bác ái”, tức là theo Phật Giáo.

Đối với Ngũ Chi, nếu muốn trở về với Đức Chí Tôn, người tín đồ phải tròn năm phận sự: làm hiền nhân quân tử theo Nhân Đạo. Làm nghĩa vụ đối với dân tộc, chủng nòi và chúng sanh, là Thần Đạo. Phải bỏ phàm chất, nâng cao đời sống đạo cho ra thánh chất, tức là Thánh Đạo. Phải trường dưỡng và luyện Tinh-Khí-Thần, tức là theo Tiên Đạo. Phải thực hành từ bi, bác ái, tham thiền, nhập định, tức là theo Phật Giáo.

Mỗi người tín đồ hiểu rõ tôn chỉ và mục đích lập giáo của Đức Chí Tôn, thì hành thiết phận theo những điều trên thì có lẽ Địa Ngục vô giá trị, con đường đại đồng thế giới không phải chỉ tồn tại trên học thuyết mà thôi, nhơn loại bình trị lại trật tự điều hòa, tiến thẳng vào đời Thượng Ngươn Thánh Đức.

3. Giá trị của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Đức Chí Tôn đến thời “tam kỳ” để cứu độ chúng sanh còn chơi vui nơi biển khổ. Đức Ngài đến để gom con cái của Người lại, chọn những người ưu tú, lập Thánh Thể đại diện cho Ngài để điều hành nền tôn giáo.

Có lẽ trên bình diện từ ngữ của hai chữ “Đại Đạo” sẽ có rất nhiều ngộ nhất trong lý tính mang tính chất rào đoán và khối suy luận.

Đạo vốn vô hình, vô ảnh vì đó là Pháp vận chuyển càn khôn vũ trụ, đào độ, biến sanh, thúc đẩy sự tiến triển không cùng tận đối với vạn linh. Nên tôn giáo là nền tảng được phàm hóa đạo lý siêu nhiên.

Đạo và “tự nhiên” là một. Đạo là tự nhiên vì ngoài đạo ra, không còn cái chi đi ngoài cái đạo. Sự biến duyên, dịch chuyển, vận hành dù hữu vi hay vô vi, đều từ nguyên lý đạo chi phối. Cho nên, đạo làm phép tắc cho trời, cho đất, cho mọi vạn vật.

Đạo không xa lìa con người, con người chẳng thể bỏ đạo mà thành tự vì đạo là con đường đào tạo con người đi trong đường hướng mẫu mực, tích cực làm thánh hóa đời sống con người trong từng bậc thang. Con người có thể sống theo đường lối của Đức Nhiên Đăng, Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử, Đức

Chúa Jesu hay bất cứ Thánh Nhân nào mà mình thấy phù hợp với hoàn cảnh mình. Đó gọi là “vạn pháp tùy duyên”.

Đạo được hữu vi hóa thành con thuyền cứu độ chúng sanh, mà các con đường gom lại tức là Đại Đạo. Cho nên hai chữ “Đại Đạo” là con đường rộng rãi minh mông cho chúng sanh tùy nghi thích hợp. Một đại thể lớn lao của thế giới phải trong tính chất đại đồng, tôn trọng bạn đồng sanh. Sợi dây kết chặt tình người và người mới có thể tạo thành một đại thể trường tồn, vững mạnh. Nếu người ta phá bỏ trật tự tôn nghiêm, hố ngăn giữa người và người, xã hội và xã hội, quốc gia và quốc gia sẽ đi đến hiềm khích, mâu thuẫn, dẫn đến chiến tranh, đại loạn.

Người sống theo chơn lý Đại Đạo phải thương yêu tha nhân như thương chính mình. Đức Hộ Pháp dạy phải thương yêu vô tận, tức là phát triển khối thánh tâm có sẵn đến vô bờ bến. Tình thương và tương nhượng hòa ái để trọn khối thánh tâm phụng sự nền chơn giáo, tô vẽ non sông sẽ không còn màu hơn thua, dị biệt trong những khái niệm nhị nguyên.

Cho nên, Đại Đạo sẽ là con đường chứa đựng, bao quát mọi lý-thể, một phương án trung hòa cho toàn nhơn loại, là con đường chung cho tất cả nhơn sanh, cho những ai muốn liễu cầu đạo pháp.

4. Khái niệm “Đại Đạo-Tam Kỳ-Phổ Độ”.

“Đại Đạo” là tính chất căn bản phổ dụng của Cao Đài giáo, là tổng hợp tinh hoa của các học thuyết chánh giáo cổ kim. Hai chữ này thường đưa người đọc hướng đến hai cách suy nghĩ dựa vào thái độ tiếp cận nguồn minh triết khác nhau của từng người. Một, nhìn nhận giáo thuyết dựa vào tính nhị nguyên, tức là cái thấy của phàm ngã. Hai, giáo thuyết đưa người đến cánh cửa hư vô minh triết hệ thức nhất nguyên của Đạo Trời bất dịch. Theo cách hai này, chúng ta có thể học lại lời dạy của Đức Chí Tôn:

“Các con là Thầy, Thầy là các con”.

Chính hai chữ này thường tiếp nhận các luồng tư tưởng phê phán về Cao Đài giáo vì họ cho rằng nền tôn giáo mang tính độc tôn, nhận mình là nền tôn giáo lớn. Vì thế, cái nhìn của hành giả thường chủ quan qua lăng kính nhị nguyên trong hình tướng hữu hình, qua hình thức tổ chức và giáo lý do thông công mang tính chất duy linh. Trong tình cảnh đó, Cao Đài giáo tự trả lời rằng “Đại Đạo” do Thiên ý lập ra, là sự biến hình vô vi huyền diệu vào cõi hữu hình hạ giới qua bàn tay con người.

Trong tinh thần đó, “Đại Đạo” tức là “con đường lớn” không nói lên chủ nghĩa độc tôn hay tự tôn mà là Cao Đài giáo vốn mang triết thuyết “Tam Giáo Đồng Nguyên”, tự bản thể đã nói lên tính chất nhất nguyên của chơn lý, tức nói lên hình thái dung hòa tư tưởng và hình thái hữu sắc cũng như xiển dương tính đồng

nguyên của cả hệ thống giáo lý đã có từ trước do thiên khai, hầu cứu vớt chúng sanh lánh tục, tìm chơn hòa vào bản thể vũ trụ.

Về “Tam Kỳ”, thời gian vũ trụ hình thành theo thuyết Cao Đài chia lịch trình tấn hóa nhân loại theo con số 3 của Trời Đất, tức Thượng-Trung-Hạ. Nhất Kỳ gồm 12.000 năm có Thượng Ngươn, Trung Ngươn, Hạ Ngươn. Nhị Kỳ biến dịch cũng vậy. Nhơn loại hiện sống trong Hạ Ngươn tức là đã trải qua 36.000 năm, chuẩn bị đóng Hạ Ngươn Tam Chuyển để bước sang Thượng Ngươn Tứ Chuyển. Tinh thần nhơn loại luôn luôn phát triển bằng cách học những bài học khổ đau để tấn hóa đến chí linh, chí thiện. Tuy nhiên, vô minh và phàm ngã vẫn thường thắng thế nên các vị Giáo Chủ thường giáng trần lập giáo để truyền bá giáo pháp tân tiến phù hợp với sắc dân, tinh thần tiến hóa của từng văn hóa vùng miền. Trong Nhứt Kỳ có giáo chủ của Tam Giáo ra đời để dìu độ nhơn sanh đi trên đường tấn hóa thánh thiện để trở về hòa hợp cùng đại thể bản nguyên.

Nhơn loại đang bước trên bánh xe tấn hóa của Hạ Ngươn Tam Kỳ, Đức Thượng Đế mở đạo tiếp tục cứu vớt nhơn loại bằng cơ ân xá, phổ độ. Học thuyết Tam Giáo vẫn làm căn bản của giáo lý Cao Đài, kết hợp những giáo điều, tân luật truyền dạy qua cơ bút do các Đấng Thiêng Liêng cao trọng giáng điển. Trong Cao Đài, chúng ta sẽ không thấy hiện thân bằng xương thịt của Tam Vị giáo chủ mà duy thấy sự sùng lạy Tam Vị Giáo Chủ Tam Giáo: Đức Thích Ca tượng cho Phật Giáo, Đức Lão Tử tượng cho Tiên Đạo, Đức Khổng Thánh tượng cho Thánh Đạo. Chúng ta vẫn phải chấp nhận tín lý đạo pháp của vũ trụ rằng các vị Giáo Chủ không liệt kê vào Kỳ nào hay Ngươn Hội nào mà là hiện thân của Thượng Đế, thực hiện sứ mạng truyền giáo đạo Trời, giúp nhơn sanh tấn hóa tìm nguồn cội linh thiêng vốn có, giục tấn không ngừng trên đường thiêng liêng hằng sống bất tận. Đức Thượng Đế đã cho biết:

“Thầy chưa giáng cơ lập Đạo tại nước Nam, chớ chư Thần; Thánh, Tiên, Phật dùng huyền diệu này mà truyền đạo cùng chư Vạn-Quốc” [Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển I].

“Phổ Độ” nghĩa là bày ra để độ rồi. Học thuyết Cao Đài mang tính “Đại Đạo” cả về hình thức ngoại dung lẫn tương quan nội dung. Về ngoại dung, chủ xướng “Tam Giáo quy nguyên” và “Ngũ Chi phục nhứt”, tức là tư tưởng đại đồng huynh đệ, hướng đến một đời sống xã hội trên ý thức viên mãn, nội lý nhất nguyên, đồng tính chất trên tín ngưỡng giáo điều. Về nội dung, Cao Đài Đại Đạo là cơ “phổ độ” của Đức Ngọc Hoàng Thượng Đế, bày Đạo Pháp vô vi, chấp nhận các quy luật thuộc về Pháp mà con người đã, đang mang ý thức tín ngưỡng mà các tôn giáo trước đây đã gieo vào loài người suốt tiến trình tấn hóa. Nói một cách dễ hiểu, giáo pháp của Cao Đài là một giọt từ bi rửa oan khiên, tiền nghiệp của con người, bửu

pháp bày ra để chúng sanh thấy cái Một bất diệt đang nuôi sống cả mạch sống càn khôn trong từng sát na. Ngày 08 tháng 04 năm 1926, Đức Thích Ca giảng cơ dạy:

“Tam-kỳ Phổ-độ là gì? Là Phổ-độ lần thứ ba, sao gọi là Phổ-độ? Phổ-độ nghĩa là gì? Phổ là bày ra. Độ là gì? Là cứu chúng sanh”.

5. *Đệ Tam Thiên-Nhơn Hòa Ước.*

Bản Thiên-Nhơn này được dựng vẽ tại Tịnh Tâm Đài trước tiên ở Tòa Thánh Tây Ninh, sau được áp dụng vẽ cho tất cả các Thánh Thất địa phương. Bản này còn gọi là “Tam Thánh ký hòa ước”. Tam vị Thánh Nhân là Đức Thanh Sơn Đạo Sĩ-Trạng Trình Nguyễn Bình Khiên, Đức Nguyệt Tâm Chơn Nhơn-đại thi hào người Pháp Vitor Hugo và Đức Tôn Trung Sơn-nhà cách mạng Trung Hoa, ba vị thuộc Bạch Vân Động.

Bản hòa ước được viết thành hai thứ tiếng, hai thứ tiếng là Hán Văn và Pháp Ngữ. Bên trên là Thiên Thượng-Thiên Hạ. Bên dưới là Bắc Ái-Công Bình. Khi hoàn thành bức chân dung này, Đức Hộ Pháp thiết lễ nghiêm trang, xông hương khử trừ và trấn thần. Đức Hộ Pháp phải thông công để tiếp diễn các Đấng ấy nhập bửu ảnh. Các Đấng này là đại diện của Hội Thánh Ngoại Giáo, có sứ mạng truyền đạo ngoại quốc nên được đặt tại Hiệp Thiên Đài để tượng trưng tiếng kêu gọi cho toàn chúng sanh thức giác, nhập vào trường thánh đức Đại Đạo theo chủ nghĩa Đại Đồng của tôn giáo Cao Đài.

Trong quá khứ, nhân loại đã từng ký hai hòa ước với Thượng Đế nhưng đều phản bội. Ngày nay, Đức Chí Tôn cho thực hiện đệ tam hòa ước, Trời-Người đồng ký để thực hiện chủ nghĩa Bắc Ái-Công Bình trong cơ ân xá quy hiệp toàn thể tín ngưỡng Nhơn loại trong một học thuyết tân tiến nhất, phù hợp với sự đòi hỏi tiến hóa của Nhơn loại về mặt triết lý và tinh thần để dụng nạp học thuyết “thế giới đại đồng”.

Rõ ràng chúng ta thấy, đã hai lần con người đã giao ước với Thượng Đế nhưng các nền tôn giáo đã theo thời gian, chánh pháp thất sách, Ngọc Hư bác cổ, tu nhiều nhưng đắc đạo chẳng bao nhiêu. Đức Chí Tôn vì lòng đại từ, đại bi, đại ái mà lập chủ nghĩa cứu độ ân xá, lập nền Đại Đạo Tam Kỳ để xá độ chư chúng sanh quy hiệp trong một con đường. Đức Ngài buộc chúng sanh phải ký bản hòa ước thứ 3 này trong thời Hạ Ngươn hầu mãi, để tiến đến cuộc điểm đạo Đại Hội Long Hoa.

Theo bản hòa ước trên, Thượng Đế đã hứa với Nhơn Loại và ngược lại. Nếu chúng sanh thực hiện theo cam kết Đệ Tam Thiên-Hòa Ước thì phải vào cửa Đại Đạo, tụng Luật Pháp Tam Kỳ, lo khắc kỷ phục lễ, thực hiện cho ra chơn tướng bốn chữ Bắc Ái-Công Bình. Nhơn loại tu theo Tân Luật thì phải thực thi **Luật Thương Yêu** và **Quyền Công Chánh** để phổ độ cho toàn thể chúng sanh. Lấy mặt công

chánh, chẳng nghiêng chẳng lệch, phải công bình thiên đạo và phải thương yêu cả vạn linh theo khuôn khổ của Đức Chí Tôn. Chỉ như thế, con người mới thực hiện trọn vẹn lời cam hứa cùng Đức Đại Từ Bi.

Ngược lại, khi nhơn loại thực hiện bản hòa ước này hoàn toàn, Đức Chí Tôn ân xá, chắc hẳn Đức Chí Tôn sẽ ban ân tứ, thoát khỏi luân hồi, nhập vào cửa Thiêng Liêng Hằng Sống bằng các phẩm vị thiêng liêng tương xứng với công nghiệp tu hành. Trong bản ký trên, Đức Chí Tôn vì quá thương nhơn loại nên đã cho phép con người hưởng một đặc ơn ân xá “tu nhất kiếp, ngộ nhứt thời” để trở về nước hằng sống.

Việt Nam kể từ năm 1926, đã trở thành đất Thánh Địa, sở hữu một nền Đại Đạo, đón nhận không biết bao nhiêu Thánh điển thiêng liêng để dạy nhiều điều huyền vi bí nhiệm. Đó không phải là sự ngẫu nhiên mà là luật thiên nhiên vốn đã định, khi quả kiếp gần mãn và lòng sùng ngưỡng giáo pháp đã làm cho Việt Nam được đặc ân vô biên đó. Mặt khác, Việt Nam phải làm môi giới kiến tạo một hình thái tâm linh, hòa đồng tín lý Đại Đạo với Nam Phong để cho nền Cao Đài trở nên như câu Đức Chí Tôn dạy “Nam Phong thử nhứt biên nhơn phong”. Tướng diện của nền giáo pháp mới phải đủ năng lực làm phương thuốc hườn sinh cho tất cả các sắc dân trên thế giới. Vì vậy, ân huệ của Việt Nam lớn lao, trách nhiệm của Việt Nam cũng chẳng hề nhỏ. Khi nào, toàn thể quốc dân Việt Nam biết đến giá trị Tam Thiên-Nhơn Hòa Ước và thực hiện nó một cách trọn vẹn, ngày đó Việt Nam sẽ là nước tuy nhỏ nhoi nhưng “làm chủ mới là kỳ” trên toàn cầu.

“Thầy đến độ rồi các con là lập thành một Trường Công đức cho các con nên đạo. Vậy đắc đạo cùng chẳng là tại nơi các con muốn cùng chẳng muốn. Nếu chẳng đi đến Trường Thầy lập mà đoạt thủ địa vị mình thì chẳng đi nơi nào khác mà đắc đạo bao giờ” [TNHT].

Cổ luật buộc con người phải Phước Huệ song tu. Tu phước là phụng sự nền đạo và toàn thể chúng sanh. Chẳng khi nào con người phụng sự mà có thể tạo thành phước và công đức để huệ tâm từng sáng. Để theo lời cam kết của Đức Chí Tôn giúp chúng sanh đắc đạo, con người phải đi trên con đường phụng sự. Ấy vậy, phụng sự là con đường tiếp diễn song hành cùng tu huệ. Con đường đó chưa hề vắng bật Luật Thương Yêu, Quyền Công Chánh vì Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ dui dắt tâm lý nhơn sanh vào mặt luật tối cao là Quyền và Luật ấy. Chơn Pháp Cao Đài mang ý nghĩa tối cao cũng nằm tại nghĩa lý ấy.

“Vì lòng bác ái từ bi, Đức Chí Tôn đến ký Hòa ước thứ ba nữa để trong Luật điều. Chúng ta thấy các Đấng Thiêng liêng chỉ tám tượng Tam Thánh biểu nhơn loại tín ngưỡng: Thiên thượng Thiên hạ, về Luật có Bác ái, Pháp có Công bình, ngoài ra dầu luật pháp muôn ngàn hình tướng, Hội Thánh Đạo Cao Đài dui

dẫn tâm lý nhơn sanh, chỉ dẫn họ vô mặt luật tối cao là Luật Bác ái và vô một nền Chơn pháp tối trọng là Pháp Công bình” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2].

6. Phẩm Thiên phong.

Khi Đức Chí Tôn và Đức Lý đã thu gom một số Chơn Mạng thì Đức Chí Tôn làm lễ Thiên phong cho các vị, tức là phẩm vị do Trời ban cho để thi hành phận sự trong cửa Đại Đạo, thực hiện các tôn chỉ nền Đạo, phổ độ chúng sanh.

Từ xưa nay, các nền tôn giáo chưa hề có hiện tượng cơ bút thiên phong. Ngày nay Đạo Cao Đài khai sáng, Đức Chí Tôn và Đức Lý chọn lựa các vị trọn thánh để phong phẩm, thi hành phận sự trong tổ chức Giáo Hội đạo Cao Đài, còn gọi là Hội Thánh, tức là Thánh Thể của Đức Chí Tôn. Đức Chí Tôn không xuống thế gian bằng xương bằng thịt, Ngài phải quy lương sanh, gom hợp con cái của Ngài lại để phú thác sứ mạng thiêng liêng “Tam Kỳ Phổ Độ”.

Chúng ta hoàn toàn thấy được sự liên thông giữa quyền năng thiêng liêng và bàn tay con người, chứng minh tính chất “Thiên-Nhân hiệp nhưt”. Các phẩm Thiên phong trong giai đoạn đầu được Đức Chí Tôn phong. Sau này, tất cả đều do Đức Lý phong và chấm phái.

Chức Sắc Thiên Phong là người phải có trách nhiệm cầm phướn chiêu hồn, dìu dắt chúng sanh thoát khổ, đem rải hồng ân của Thượng Đế khắp nơi. Đòi hung bạo, nên Đức Chí Tôn mở Đạo để độ rỗi. Nếu đòi thánh thiện, không phải nhọc công nhọc lòng đến Thượng Đế và các Đấng Thiêng Liêng. Vì vậy Chức Sắc Thiên Phong đã được chọn lựa để hóa chuyển con người vô minh, miệt thị, coi thường nền Đạo, chạy theo văn minh vật chất, chẳng hề chú trọng tâm linh tinh thần, mãi mê say đắm nơi chốn sông mê, đưa đời đến trường tranh đấu thảm cảnh.

Cả chư Chức Sắc Thiên Phong của Hội Thánh, dầu cơ quan Hiệp Thiên Đài, cơ quan hành chánh Cửu Trùng hay cơ quan phổ tế Phước Thiện cũng phải thực hiện bảo tồn nền chánh Giáo của Đức Chí Tôn, đi trong khuôn luật đã có Pháp Luật. Đạo Cao Đài sản xuất do một chơn lý cao trọng tối thượng, nên phẩm Thiên Phong phải biết con người trông đạo như hạn trông ngóng mưa trong mùa hạn hán, như cá trông nước, như khát khao giọt nước Cam Lồ của Thiêng Liêng để giải cái thảm cảnh, khổ nạn tâm hồn nhơn sanh. Chức Sắc Thiên Phong phải thực hiện hoàn toàn đúng giá trị của phẩm Thiên Phong để nền đạo thiết hiện.

Phẩm Thiên Phong là hình ảnh của Đức Chí Tôn, Đức Ngài cậy nhờ bàn tay Thiên Phong để nuôi đói, nuôi khát, bảo trợ kẻ nghèo cô độc, nên phận sự của Thiên Phong trong Hội Thánh vừa cứu khổ thể xác vừa tâm hồn, trong đạo lẫn ngoài đạo, vượt biên giới vô tận đến toàn thể nhơn sanh quả địa cầu.

Hàng phẩm Thiên Phong do chính Đức Chí Tôn, Đức Lý Giáo Tông vô vi và các Đấng Thiêng Liêng phong khi đạo tượng mặt thể, là hình ảnh mô phỏng cho

phẩm hạnh đáng giá để nền Đạo mai sau nương theo khuôn khổ mực thước và hành tàng để làm môn đệ yêu dấu của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Ngược lại, đã được ân huệ Đức Chí Tôn phú thác gửi gắm nơi mình một phận sự đặc biệt trong Hội Thánh, nhưng nếu gương mẫu cho toàn nền đạo không thành thì cái tội cũng chẳng phải là nhỏ.

Lịch sử Đạo Cao Đài đã ghi lại biết bao nhiêu Chức Sắc Thiên Phong phải chịu phong trần, nương mây, gửi gió, đem thân “tứ đại giai không” nhập vào trường Thánh Thể, đã phải chịu những khổ nạn đao binh, bệnh chướng sát hại, tù tội ngục hình, kiệt sức vì trường chay khổ hạnh nhưng vẫn sống cùng thời gian. Nếu chẳng đáng phẩm Thiên Phong, có lẽ cái nạn kia không chỉ trường tồn mà tiếp tục quyền hành của Thiên Phong trong Hội Thánh.

“Nếu hiểu đặng thì Thánh Thể cũng vậy, Hội Thánh, chư Chức Sắc Thiên Phong Nam, Nữ hay toàn thể Tín Đồ cũng vậy, lãnh Thiên mạng đảm nhiệm trách vụ thiêng liêng Chí Tôn phú thác lập giáo, tức nhiên phải có phẩm giá, trật tự đẳng cấp” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1, bài 39].

7. Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Hễ có phẩm Chức Sắc Thiên Phong thì có phẩm lớn nhỏ, cao thấp tạo thành Giáo Hội. Giáo Hội đó tức là Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, là một phần tử ưu tú được Thiên Liêng chọn lọc, dạy dỗ, un đúc khỏi tâm ái trước hết để thi hành phận sự hành đạo.

Hội Thánh là một chánh thể của đạo, được quy định từ hàng Giáo Hữu đồ lên hoặc các phẩm tương đương, làm Thánh Thể của Đức Chí Tôn, tức là hình hài xác thịt của Đức Thượng Đế. Một Chức Sắc Thiên Phong là một phần tử của Thánh Thể, nên phải làm sao vừa làm hình ảnh tượng trưng sống động, vừa làm Cha, vừa làm Thầy cho nhơn sanh. Vai trò và trách nhiệm là Cha, làm Thầy là một trọng trách rất lớn lao, phải xứng đáng, mẫu mực, tinh thần cao trọng, đủ quyền năng giáo hóa theo địa vị của Hội Thánh mà Đức Chí Tôn phú thác.

Đức Chí Tôn dùng huyền diệu Tiên cơ mà giảng trần, giáo đạo, lập nền chơn giáo, rồi toan gửi gắm nơi Hội Thánh một **Quyền** hạn ngang bằng Đức Ngài. Nhưng Đức Ngài buộc Hội Thánh phải thi hành **Luật**. Nói rõ ra, đó Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh, tức là hai mặt như in, song hành để bảo tồn nền chơn giáo, vừa để bảo toàn con cái Ngài, tức là Hội Thánh thi thố trong nhiệm vụ thiêng liêng.

“Nếu nói từ nay Đức Chí Tôn đến tạo dựng Thánh Thể của Ngài thì thật sự là Pháp Chánh, nhưng chỉ có tạo Thánh Thể của Ngài ở dưới thế này mà thôi, chớ quyền công chánh của Ngài là đã đào tạo Thánh Thể thiêng liêng của Ngài, còn về mặt luật là do Hội Thánh lập thành chớ không phải Ngài định luật.

Ấy vậy, nếu chúng ta nói Tân Luật là phạm, thì quả thật nó là phạm, còn Thiên Luật của Chí Tôn là thương yêu mới là Thánh mà thôi. Hỏi vậy, chớ Bàn Đạo nói đây có quá lời chăng?” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 36].

Đức Hộ Pháp còn cho hay rằng nếu toàn Thánh Thể Đức Chí Tôn nếu biết, thì nắm quyền luật thiên nhiên ấy. Đến khi nào thiên hạ yêu thương nhau nồng nàn, giờ ấy Quyền Đạo sẽ là quyền tối thượng nơi mặt thế này.

Vì quyền của Hội Thánh là quyền thiêng liêng của Đức Chí Tôn trao nơi tay, nên tất cả chư tín đồ dĩ chí cho đến Chức Sắc cao cấp cũng phải tùng mạng lệnh Hội Thánh Đại Đạo. Do Hội Thánh là quyền thiêng liêng, nên đạo Cao Đài là một nền tôn giáo mang tính chất lạ nhất từ xưa tới nay trong lịch sử tôn giáo của nhơn Loại. Chính vì thế, ai có tư tưởng và hành động nhằm phân chia, sẽ bị luật Thiên Điều tiêu diệt, cửa Phong Đô rộng mở đón rước.

Lịch sử đạo Cao Đài cũng đã ghi nhận rất nhiều trường hợp các phần tử Thiên Phong nằm trong Hội Thánh nhưng đối đầu với Hội Thánh. Những bài học đó rất quý báu cho toàn thể chúng ta chiêm nghiệm về giá trị Hội Thánh Đại Đạo và Thiên Luật nằm trong Hội Thánh.

Đạo Cao Đài đến thế gian này do quyền năng của Đức Chí Tôn ngự trị, Chánh Pháp không giao cho người phạm mà Đức Ngài lập đại nghiệp thiêng liêng Đại Đạo bằng cách đưa hình ảnh và quyền năng vào Hội Thánh.

Cơ cấu của Hội Thánh được chia làm ba quyền năng Bát Quái Đài và hai Hội Thánh hữu hình là Hiệp Thiên Đài và Hội Thánh Cửu Trùng Đài, theo quy luật “Tinh-Khí-Thần”.

*** Bát Quái Đài**

Bát Quái Đài là nơi Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế ngự trị, chương quản và điều khiển càn khôn vạn vật. Bên dưới có vàn vàn Chư Phật, Tiên, Thánh, Thần theo phò tá để vận chuyển và lo cơ quan giựt tắn toàn thể trong vũ trụ càn khôn.

Về hình thể, Bát Quái Đài là “**thần**”, tức là hồn của đạo, vì chủ toàn bộ các quyền năng của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Mọi giáo pháp và kinh điển cũng như luật pháp cũng do Bát Quái Đài phê chuẩn và xây dựng. Quyền năng Bát Quái Đài tuy vô hình nhưng luôn luôn đóng vai trò chủ đạo trong vấn đề xây dựng kiện toàn giáo hội Hội Thánh lưỡng đài.

*** Hội Thánh Hiệp Thiên Đài.**

Hiệp Thiên Đài tượng trưng cho “**Khí**” của Đạo, là cơ quan bán hữu hình, làm trung gian giữa hữu hình và vô vi, tức làm cho tính chất “Thiên-Nhân hiệp nhứt” được thực hiện trọn vẹn. Hiệp Thiên Đài là cơ quan tư pháp lãnh trách nhiệm

thông công với Bát Quái Đài để nhận tín chỉ thiêng liêng, là cơ quan bảo tồn chánh pháp, cầm giữ luật pháp chơn truyền của Đạo, không để biến thành phàm giáo.

Nếu nói đến nghĩa lý “sở dụng”, Hiệp Thiên Đài luôn luôn là cơ quan giữ nhiệm vụ thiêng liêng vì Hội Thánh đã hứa cùng quyền năng Bát Quái Đài khi xuống thế lập giáo thay Đức Chí Tôn. Cơ quan này lại là nơi Đức Chí Tôn Ngự và Giáo Tông đến thông công với vô vi.

“Do để giữ quyền Thiêng Liêng nên mới có 12 vị Thời Quân, Thập Nhị Địa Chi, tức là cảnh Thiêng Liêng vô hình của chúng ta. Tôi tưởng tán tuông tôi đã làm trọn và làm nơi cõi vô hình. Ngày kia về thiêng liêng các bạn sẽ thấy hình tôi đại tối thiểu. Phận sự tôi đối với các bạn nó có thâm tình vô hạn, vì đồng tâm, đồng chí, một mực đề xướng cả thầy đều nghe chịu một hoàn cảnh, Bản Đạo làm không hết, số là tại Bản Đạo và các bạn Hiệp Thiên Đài đã hứa với Chí Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.1, bài 9].

Đối với sở dụng phàm trần, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài mang trọng trách lập pháp và tư pháp, đi trong khuôn viên đã định, để gìn giữ mỗi đạo truyền lưu thất ức niên.

Đứng đầu Hội Thánh Hiệp Thiên Đài là Hộ Pháp, tả hữu có Thượng Phẩm Thượng Sanh phụ tá. Cơ quan có chia làm ba Chi, Chi Pháp do Đức Hộ Pháp chương quản, Chi Đạo do Đức Thượng Phẩm chương quản, Chi Thế do Đức Thượng Sanh Chương Quản. Ngoài ra, có Thập Nhị Thời Quân được chia đều ba Chi để hỗ trợ. Khai Pháp, Hiến Pháp, Tiếp Pháp, Bảo Pháp thuộc chi Pháp. Khai Đạo, Hiến Đạo, Tiếp Đạo, Bảo Đạo thuộc chi Đạo. Khai Thế, Hiến Thế, Tiếp Thế, Bảo Thế trực thuộc chi Thế.

Sau này có các cơ quan khác dưới quyền lãnh đạo của Đức Hộ Pháp cùng quyền năng thiêng liêng lập ra. Hàn Lâm Viện gồm 12 vị học sĩ là Bảo Huyền Linh Quân, Bảo Thiên Quân, Bảo Địa Lý Quân, Bảo Học Quân, Bảo Cô Quân, Bảo Sanh Quân, Bảo Phong Hóa Quân, Bảo Văn Pháp Quân, Bảo Y Quân, Bảo Nông Quân, Bảo Công Quân, Bảo Thiên Quân để bảo tồn văn hóa Cao Đài và thực hiện những sứ mạng phát huy trong nền Đại Đạo.

Hội Thánh Hiệp Thiên Đài còn lập ra 08 phẩm Chức Sắc Hiệp Thiên Đài tiêu cấp là Luật Sự, Sĩ Tải, Truyền Trạng, Thừa Sự, Giám Đạo, Cải Trạng, Chương Ấn, Tiếp Dẫn Đạo Nhơn để gánh vác thêm công việc của Thập Nhị Thời Quân thi hành nhiệm vụ Pháp Chánh Đại Đạo.

Để mở rộng trường thánh đức cho con cái của Đức Chí Tôn lập vị, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài còn lập Ban Thế Đạo nhằm chiêu hiền mộ sĩ. Dẫu người tài thuộc văn hay võ khi vào đạo, sẽ được mùi Đạo thâm nhiễm mà trở thành những người phụng sự đắc lực cho Hội Thánh Hiệp Thiên Đài nói riêng, Hội Thánh Đại Đạo nói chung.

chung. Ban Thế Đạo gồm 04 phẩm, Hiền Tài, Quốc Sĩ, Đại Phu, Phu Tử trực thuộc quản lý của chi Thế.

Phạm Môn là một cơ quan khá đặc biệt do Đức Hộ Pháp lập ra do theo Thánh Ý Đức Chí Tôn, là cửa tu chơn dành cho toàn thể sanh chúng, không nương áo mào, hình tướng, chỉ chú trọng vào tạo ra của cải vật chất nuôi đạo và đời và chú tâm vào con đường tâm pháp **tu chơn** mà thôi. Tuy nhiên, do những yếu tố thời cuộc mà cơ quan này đã trở thành tiền thân của **Hội Thánh Phước Thiện** với “thập nhị đẳng cấp thiêng liêng” gồm Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử và Phật trực thuộc chi Đạo thống quản.

Hội Thánh Phước Thiện do một vị Thời Quân chi Đạo quản. Các phẩm Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn thì lo cứu khổ ban vui khắp trong Đạo lẫn bên ngoài Đạo để làm mô phỏng cho toàn thể nhơn sanh thấy được giá trị cây cờ nhơn nghĩa. Các phẩm Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử và Phật lại thuộc Hiệp Thiên Đài để thi hành phận sự bảo tồn chánh pháp Đại Đạo. Hội Thánh Phước Thiện lại có Cứu Viện như Cứu Trùng Đài, mỗi viện có một vị Thượng Thống đứng đầu điều hành viện đó.

Hiệp Thiên Đài còn có Tòa Đạo, là cơ quan xét xử những Chức Sắc và Tín Đồ phạm luật Đạo, bảo thủ chơn truyền, gìn giữ luật pháp của nền Đạo, chăm nom từ tín đồ và Chức Sắc không phạm luật, lại chở che và bảo vệ những người cô thế không cho bị ức hiếp, là một cơ quan hỗ trợ làm cho Hành Chánh, Phước Thiện, Phổ Tế mạnh mẽ thêm lên.

Tóm lại, Hội Thánh Hiệp Thiên Đài mang nhiều trách vụ quan trọng, là cơ quan lập pháp, cơ quan tư pháp, bảo thủ chơn truyền Đại Đạo, ban vui cứu khổ, thi ân tế chúng quảng đại, phổ thông chơn đạo chung trong vai trò của Hội Thánh Đại Đạo.

*** Hội Thánh Cứu Trùng Đài.**

Đây là cơ quan tượng cho “Tinh” của Đạo tức là phần xác, cơ quan hành pháp, thực hiện cơ phổ độ của Đức Chí Tôn.

Về cơ cấu, Đức Chí Tôn lấy diệu pháp Tam Giáo biểu hiệu mà phong tước trong thời kỳ tịch đạo Thanh Hương. Đức Chí Tôn chọn Nhứt Phật-Giáo Tông, Tam Thiên-ba vị Đầu Sư, Tam Thập Lục Thánh-36 vị Phối Sư, Thập Thập Nhị Hiền-72 Giáo Sư, Tam Thiên Đồ Đệ-3.000 Giáo Hữu.

“Diệu pháp Tam Giáo” tức là Ngài thị hiện trong ba màu sắc phục của Chức Sắc. Phái Thái bện áo vàng thuộc Phật, Phái Thượng áo xanh thuộc Tiên, Phái Ngọc áo đỏ thuộc Thánh. Tuy phân ra Phật-Thánh-Tiên chớ quyền hành và phẩm

tước như nhau. Theo tịch đạo, nam lấy chữ “Thanh” nên có Thánh Danh rõ. Ví dụ, ông A được Thiên phong Giáo Hữu phái Thái, Thánh danh là Thái A Thanh.

Cửu Trùng Nữ Phái không chia theo “Tam Thanh”, đạo phục toàn hàng trắng hết. Thánh Danh theo tịch đạo, lấy chữ Hương. Ví dụ, bà A thọ thiên phong phẩm Giáo Hữu, có thánh danh là Giáo Hữu Hương A.

Tổng luận, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là Thánh Thể tại thế của Đức Chí Tôn. Ai đứng vào hàng Thánh Thể, đó là một vinh hạnh to lớn, hồng ân thiên điển chiếu soi mà phải thi thố vai trò trách nhiệm hết sức, để tô điểm màu sắc Đại Đạo cho thiết tướng. Hội Thánh là một tổ chức kiện toàn, hoạt động theo khuôn mực Luật Pháp. Luật thì có Tân Luật, Pháp thì có Pháp Chánh Truyền do quyền năng Bát Quái Đài phê chuẩn.

8. Ý nghĩa thờ Quả Càn Khôn.

Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ tọa lạc tại huyện Hòa Thành, tỉnh Tây Ninh, còn gọi là vùng Thánh Địa, có Tòa Thánh Tổ Đình thờ Đức Chí Tôn. Những năm đầu phôi thai của Đạo, chưa có nơi thờ tự Đức Chí Tôn, nên Đức Lý dạy mua đất và Đức Hộ Pháp xây dựng Tòa Thánh vĩ đại. Nơi đại điện Bát Quái Đài, có thờ Quả Càn Khôn.

“Quả Càn Khôn” của Đạo Cao Đài đã tượng lý đạo học, dịch lý biến dịch của Đạo Pháp. Càn là Dương, Khôn là Âm, tức là hai nguyên lý sản sinh và cảm mạng sống của toàn thể các thực thể trong vũ trụ. Quả Càn Khôn là một vũ trụ thu nhỏ có thờ Thiên Nhân, vẽ đủ 3.072 ngôi sao, Thiên Nhân lại vẽ trên ngôi sao Bắc Đẩu.

Thiên Nhân là Thần Ánh Sáng tượng Đức Chí Tôn chủ quyền ngự trị Phật-Pháp-Tăng. Đức Chí Tôn giảng cơ giảng dạy:

Bính! Thầy giao cho con lo một Trái Càn Khôn, con hiểu nghĩa gì không? Cười... Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kính tâm 3 thước 3 tấc (3m30), nghe con, lớn quá, mà phải vậy mới đáng, vì là cơ mẫu nhiệm Tạo Hoá trong ấy, sơn màu xanh da trời, cung Bắc Đẩu và Tinh tú vẽ lên Càn Khôn ấy.

Thầy kể Tam thập lục Thiên, Tír Đại Bộ Châu ở không không trên không khí, tức là không phải Tinh tú, còn lại Thất thập nhị Địa và Tam thiên Thế giới thì đều là Tinh Tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai (3072) ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ.

Con giở sách Thiên văn tây ra coi mà bắt chước. Tại ngôi Bắc Đẩu, con phải vẽ hai cái bánh lái cho đủ và sao Bắc Đẩu cho rõ ràng. Trên vì sao Bắc Đẩu, vẽ Con Mắt Thầy, hiểu chăng? [TNHT].

Từ ngày khai đạo cho mãi về sau, Đạo trải qua nhiều nguy biến, Quả Càn Khôn cũng một lần phát cháy, duy Thiên Nhân còn giữ nguyên vẹn. Nhân sự kiện này, Đức Chí Tôn giảng cơ cho thánh thi năm 1932:

*“Chẳng phải Tây Ninh chịu nạn nghèo,
Cuộc đời luân chuyển thế cheo leo.
Trời còn đất lở tang thương biến,
Ruộng rẫy phố phường lộ mốc meo.
Sắc tướng âm thanh tua giảm bớt,
Mở đường công quả chúng làm theo.
Văn chương đâu rõ thông cùng lý,
Tận thế hưng vong đã thấy vèo”.*

Đạo Cao Đài hình thành vẫn do hai năng lực Thiên-Nhân. Thiên thuộc siêu nhiên, còn Nhân thuộc phàm chất. Nên Đức Lý giảng dạy:

“Về Quả Càn Khôn, Thánh giáo Đức Lý Giáo Tông có dạy: Quả Càn Khôn cũng vậy, khi tháo rời ra rồi ráp lại y như vậy. Khi tháo ra phải cầu Lão đưa Thần một đổi, rồi mới đặt tay người vào, nghe à!”

Xét theo tính chất thường tình, Quả Càn Khôn là nơi Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, Tam Trấn, Tam Giáo và các Đấng trọn lành ngự trị để điều hành guồng máy vũ trụ càn khôn. Đó chẳng phải chỉ là đất cát, vật dụng mà là khối tín ngưỡng vô biên của toàn thể môn đệ Cao Đài đặt để, gửi gắm nơi đó.

Xét về tính chất triết lý tâm linh, Tòa Thánh tượng trưng cho Bạch Ngọc Kinh tại thế, nên Đức Chí Tôn giảng tại Bát Quái Đài mỗi đàn cúng thì, toàn thể môn sinh được hưởng ân huệ thiêng liêng ban cho, giúp tinh thần an định, trí khai, thần ổn, để thi hành phận sự của mình trên con đường đạo pháp.

“Qua đứng trên Ngai, Qua thấy trên Nê Hoàn Cung của mấy em, nếu định tâm, thì có một hào quang xung lên đều đều, mọi người đều có cả hào quang đó, có một vị Phật ôm hết đem vào Bát Quái Đài, hiệp với đạo hào quang trong quả Càn Khôn đoạn đem trở ra bao trùm chỗ ngồi của mấy em, mà mấy em không thấy được, cho nên khi mấy em hầu lễ, nếu biết hưởng cái ơn Thiêng Liêng ban cho đó, thì tinh thần được an tịnh, hạnh phúc biết bao, nếu biết thọ hưởng cái hồng ân đó...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2, bài 6].

Như vậy, Quả Càn Khôn đã tượng lý Đạo dịch biến và Đức Ngài thường ngự trị nơi Bát Quái Đài khi, cần thiết ban nhận đạo hào quang của chúng sanh dâng kính, rồi trả ngược lại bằng phương pháp ban phép lành cho con cái Đức Cao Đài.

9. Ý nghĩa thờ Thiên Nhân.

Đạo Cao Đài đã được Thiêng Liêng chỉ dạy thờ phụng bằng Thiên Nhân làm tâm điểm. Nhìn thấy Thiên Bàn có Thiên Nhân, người ta đã nghĩ ngay đó là đạo Cao Đài. Thiên Nhân nguyên ban sơ Ngài Ngô Minh Chiêu được khai thị thấy Thiên Nhân hiện trước mặt 03 lần và Ngài đã thọ nhận làm môn đệ đầu tiên và vẽ Thiên Nhân thờ.

Đến khi Đạo phát dương rộng rãi theo thánh truyền, Thiên Nhân đã phát vẽ trên quả Càn Khôn tại Tòa Thánh Tây Ninh. Thờ Thiên Nhân tức là thờ Đấng tối cao, toàn giác đang bàn bạc khắp nơi, đang dõi về sự tiến hóa của vạn linh trong càn khôn.

“... Chưa phải hỏi các con biết tại sao vẽ Thánh-Tượng "Con Mắt" mà thờ Thầy, song Thầy nói sơ lược cho hiểu chút đỉnh.

*Nhân thị chủ tâm
Lưỡng quang Chủ Tế.
Quang thị Thần,
Thần thị Thiên,
Thiên giả, Ngã giả.*

Thần là khiếm khuyết của cơ mẫu-nhiệm từ ngày Đạo bị bế. Lập "Tam-kỳ Phổ-độ" này duy Thầy cho Thần hiệp Tinh-khí đặng đủ "Tam Bửu" là cơ mẫu-nhiệm siêu phàm nhập Thánh” [TNHT, Q.1].

Con mắt có hào quang chiếu diệu là Thiên Nhân, là mắt của Đấng Thượng Đế. Hai nguồn “lưỡng quang” đã ngự trị, chủ tế lập nghi hóa dục, định vị cả pháp giới biến tướng trong bầu càn khôn vũ trụ này. Ánh sáng từ đôi mắt, mắt lại biểu thị cho Tâm, “Quang” là Thần chúa tế, tức là “Thiên”, tức là Đấng Thượng Đế hằng ngự trị muôn loài và đó chính là Đức Cao Đài Tiên Ông Đại Bồ Tát Ma Ha Tát trong cửa Đại Đạo này.

Đối với sự thờ phụng Thiên Nhân, ngoài tôn kính nguồn cội vạn linh, chúng ta còn thấy thêm nguyên lý, “tiểu Quang” là “tiểu Thần” hiện hữu trong mỗi sanh linh. Cho nên thờ Đấng tối cao, bản lai của vạn hữu mà còn lại thờ cái **linh tánh** của mỗi con người. Mỗi tiểu linh quang là một phần, đóng góp vào sự hiện hữu trong toàn thể vũ trụ càn khôn. Vì:

“Thầy là các con, các con là Thầy”

Cho trọn vẹn, thì con người phải dụng phép khép mình nơi cửa của Đức Chí Tôn, sùng ngưỡng chánh pháp, thực hiện con đường “tam quy thường bộ pháp giới” để trở về con đường giải thoát.

Thánh Giáo Đức Chí Tôn giảng trên đã cho chúng ta thấy sự khiếm của “thần” từ ngày đạo bị bế, tu nhiều nhưng thành ít, “thần” bị đánh tản mỗi khi hiệp

cùng Chơn Thần, nên ngày nay Đạo Cao Đài được Đức Chí Tôn ân xá, lập thờ Thiên Nhân mỗi nhà để hưởng hồng ân, thánh uy ấy, cũng là biểu thị cái lý thiên thơ cho hiệp Tinh-Khí-Thần trong thời kỳ này.

Từ một Nhất Nguyên, Đức Chí Tôn phân tánh ra vạn loại. Để trở về hiệp cùng Đức Thượng Đế, con người phải đốt cháy “ánh sáng trí huệ” trong tâm mỗi mỗi, để ngưng thần, tụ khí, hiệp với nguyên lý thăng hoa để tự tánh bừng sáng. Cho nên Thiên Nhân vừa là thờ Bản Nguyên của Đạo, vừa biểu thị tính lý pháp chơn thần của mỗi cá thể phải làm sao hiệp hòa cùng Chơn Thần của Đấng Chí Linh.

Theo luận giảng trên, thờ Thiên Nhân là Trời, là Thờ nguyên lý dịch chuyển Pháp Giới và thờ chính cái thiên lương của con người, như thế ấy, Thờ Thiên Nhân tức là kính cả Phật-Pháp-Tăng cùng một lúc. Con người cần quy y Tam Bảo Phật-Pháp-Tăng. Vừa phải kính Phật, tụng Pháp, phụng sự Tăng trên con đường trở về với Đức Chí Tôn. Thờ Thiên Nhân bao hàm cả pháp và lý đủ để con người tỏ ngộ trong minh triết Cao Đài, tụng luật pháp Đại Đạo ngỏ hầu tìm ánh sáng chiếu soi tự tâm, ngọn linh đấng bừng sáng giữa một bình minh đẹp đẽ.

10. Thánh Thể thường tại của Đức Thượng Đế.

Thánh Ngôn Hiệp Tuyển quyển 2 có đoạn:

“Các con đủ hiểu rằng: Chi chi hữu sanh cũng do bởi chơn linh Thầy mà ra, hễ có sống ắt có Thầy. Thầy là cha của sự sống”.

Ngự trị ngôi Thái Cực, Đức Chí Tôn hóa sanh vạn hữu, Ngài là Cha của Thần, Thánh, Tiên, Phật. Từ một “Thần” Chí Linh mà biến sanh ra Bát Hồn, kim thạch, thú cầm, con người, Thần, Thánh, Tiên, Phật. Nên Đức Ngài “Thượng chương Tam thập lục thiên, Tam thiên thế giới. Hạ ốc Thập thập nhị địa, Tứ Đại Bộ châu”. Do vậy theo triết lý Đạo Cao Đài, dầu chưa quyện đồng cùng Đại Ngã Chí Linh, tất cả dầu sống hay chết vẫn nằm trong “thánh thể thường tại” của Đức Chí Tôn.

“Dưới thế gian này loài người phân chia nòi giống, họ hàng, tông tổ, chia vật hình, chia sắc da chơn linh của chúng ta không phân biệt tộc phái nam nữ nòi giống gì cả, thoát khỏi hình thể này rồi ta vào Thánh Thể thường tại của Chí Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP Q.1].

Con người vì vô minh, chưa kèm thút được thất tình, lục dục, chưa tu lòng, luyện tánh nên chưa thể vào “thánh thể thường tại” vô vi mà vẫn còn lạc trôi giữa dòng đời vạn biến, chịu tác động của sinh-lão-bệnh-tử đáo đầu. Đạo Cao Đài là trường thi thổ do Đức Chí Tôn lập ra để đưa con cái Người nhập vào “thánh thể thường tại” bất biến ấy. Đó là một hồng ân, điển thiêng liêng rưới cho quả địa cầu 68 này.

Còn Hội Thành Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ là một tổ chức hữu hình nhưng được Thánh hóa do quyền năng Thiêng Liêng điều khiển và Thiên Phong để làm Thánh Thể của Đức Chí Tôn tại thế, thi hành những phận sự đặc biệt của Đại Đạo. Cho nên, Thánh Thể Đức Chí Tôn thị hiện phạm gian bằng sự quy lương sanh, thành một tổ chức giáo hội chặt chẽ, có giáo quyền và hoạt động theo Tân Luật-Pháp Chánh Truyền lập ra do Bát Quái Đài phê chuẩn.

Nhận biết mọi giá trị của Thánh Thể của Đức Chí Tôn, dầu nam hay nữ cũng phải lấy làm vinh dự vô biên khi đứng vào cơ thể Tạo Đoan để truyền những thông điệp yêu thương và triết lý tu hành giải thoát cho nhơn loại. Bất kể những ý niệm và hành động của cá nhân hay tổ chức đi ngược lại dòng Đại Đạo, tác động đến Thánh Thể, làm manh mún, đó là việc làm đưa đến sự tiêu diệt không chi chối cãi.

11. Nghi thức lạy trong Cao Đài.

Cúng lạy là tỏ vẻ cung kính đối với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu và các Đấng Thiêng Liêng nơi vô hình. Như cổ luật, Đạo Cao Đài vẫn khẳng định dụng tâm kính lễ các Đấng hầu gần thiên điển các Đấng mà chơn thần được trong treo, xóa dần những vô minh tà mị, để có thể nhìn rõ pháp giới của Đạo Cao Đài phổ bày mà thi hành cho trúng. Không phải cúng lạy để mua cầu, chát lợi, tráo đổi, ra điều kiện với các Đấng, ấy là lầm tưởng rất lớn trong bí pháp cúng lạy của Đạo Cao Đài.

Người Cao Đài khi hành lễ phải “bất ấn tý” để thủ lễ trước Thiêng Liêng. Tay trái thuộc Dương, tay phải thuộc Âm, Âm Dương tương hiệp là Đạo. Thể Pháp Đạo Cao Đài trong bất ấn tý cũng thị hiện lý pháp vận chuyển của càn khôn.

“Tả là Nhứt, hữu là Nguyệt, vị chi Âm-Dương; Âm-Dương hiệp nhứt phát khởi Càn-Khôn, sanh sanh hóa hóa. Tức là Đạo” [TNHT, Q.1].

Lời Đức Chí Tôn đã minh định nguyên lý Âm Dương đã ẩn tàng trong việc bất ấn tý để hiển lộ lên các Đấng và cùng là một nguyên lý đạo học đã thị hiện trong thể pháp, nhắc nhở mỗi người phải tự chủ và quyết đoán sự giựt tần, không xa lìa chân lý đạo Trời.

Đạo Cao Đài càng phân rõ cách lạy. Lạy người sống hai lạy để tượng cho nguồn cội lưỡng hiệp Âm-Dương, tức là nguồn cội của Đạo. Lạy vong phàm phải bốn lạy nghĩa là hai lạy thuộc phần sống, hai lạy để kính Thiên và Địa. Lạy Thần, Thánh thì ba lạy để tượng cho các Đấng đứng vào hạng thứ ba của Trời và cũng là Tinh-Khí-Thần. Lạy Tiên và Phật phải chín lạy vì tượng cho Cửu Thiên Khai Hóa. Lạy Đức Chí Tôn phải 12 lạy, thì Đức Chí Tôn không cho biết, đó là huyền vi bí mật mà con người không hiểu thấu nên Ngài không thổ lộ.

Điều cần yếu của con người là quy Phật, tùng Pháp, phụng sự Tăng, nhập vào trường thánh đức của Đức Chí Tôn theo Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.

Cung kính tứ thời nhật tụng để tâm trọn vẹn nơi Giáo Điều, Triết lý để thuần hành tu tập, thực hiện “ngũ nguyện Đại Đạo” cho thiết hiện. Như thế ấy, sự lay mới có giá trị đích thực và lễ dâng hiến quý báu lên Đức Chí Linh.

Ngoài ra, nghi thức Đại Đạo còn có “dâng Tam Bửu” tức là Tinh-Khí-Thần hay đệ nhứt xác thân-đệ nhị xác thân-đệ tam xác thân, thể xác-chơn thần-chơn linh. Lấy sắc hoa tươi thắm, tượng cho Tinh. Lấy sự mạnh mẽ của rượu tượng cho Khí. Lấy chất vị ngọt ngào sáng sủa tinh khiết của trà tượng cho Thần.

Người Cao Đài nguyện thực hiện nghi thức ấy để dâng lên quyền năng Bát Quái Đài, nguyện rằng “Tam thể xác thân này của Thầy Mẹ đào tạo, xin dâng hình hài, trí não và linh hồn cho Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu tùy nghi sử dụng”. Đây là một bí pháp trong nghi thức cúng lạy của Đại Đạo. Ngày giờ nào, ba thể ấy do quyền trọn định của hai Đấng Chí Linh, tức là ngày đó con người vô tội. Muốn vậy, người Cao Đài phải giữ thể xác tinh anh, không tái phạm tội tình, từng khuôn viên luật pháp của nền Đạo mà tu thân, lập đức. Thường ngày phải cúng, định tâm, định trí, định thần để minh quang, đốt ngọn đuốc huệ quang soi dẫu Cao Đài trong nguồn thánh ân vô tận.

“Hôm nay chúng ta luận một việc cần phải luận cùng nhau, nếu chúng ta tin chắc chắn rằng: Đức Phật Mẫu là Mẹ sanh chúng ta, ta phải để đức tin nơi Người, theo ý Bần Đạo tưởng cái gì thuộc về xác thịt này đều do Phật Mẫu đào tạo cả, Đức Đại Từ Phụ duy làm cha của chơn linh chúng ta mà thôi, như cha mẹ phạm này Ông cha duy nhứt điểm chơn linh, còn huyết khí do nơi bà mẹ đào tạo mà có...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 23].

Cho nên nghi thức cúng lạy của Đạo Cao Đài đặt nặng tính chất quan trọng của Tinh-Khí-Thần đối với người Cao Đài trong chơn luật thăng tiến, hội hiệp với Đức Chí Tôn. Nguyện làm con tể vật để thi hành mạng lệnh làm cho Đại Đạo hoàng khai, phổ độ chúng sanh, cầu cho thiên hạ thái bình, thanh trị, an ninh, hạnh phúc, hát câu quốc thới dân an, âu ca lạc nghiệp vì nương theo Luật Thương Yêu và Quyền Công Chánh trong nền Đại Đạo.

12. Giá trị của Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.

*** Tân Luật.**

Tân Luật là luật tu hành của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, tức là đạo Cao Đài, đã có sự sửa đổi và bổ sung. Cựu luật vốn đã không còn bắt nhịp với thời kỳ văn minh trí thức tinh thần và do nơi Ngọc Hư Cung bác luật, Lôi Âm Tự phá cổ. Để đáp ứng dòng tiến hóa của nhơn loại, cần có một bộ luật mới để phù hợp với thời Tam Kỳ Phổ độ của Đức Chí Tôn. Song, những điều căn bản của cổ luật vẫn được duy trì.

“Thí dụ như có kẻ hỏi: Sao Thầy không dùng Cựu Luật trong Tam giáo đã có sẵn rồi, lại lập chi Tân Luật nữa, mà buộc nhơn sanh phải yểm cựu nghinh tân vậy?”

Ta lại đáp rằng: Chính Thầy đã giảng cơ nói: Ngọc Hư Cung bác luật, Lôì Âm Tự phá cổ; ấy vậy, Cựu Luật thì Ngọc Hư Cung đã biếm bác, còn Cổ pháp thì Lôì Âm Tự đã phá tiêu, vậy thì ngày nay, Cựu Luật và Cổ pháp chẳng còn ý vị chi hết.

Những bực tu hành mà tưởng lầm phải từng Cựu Luật hay là Cổ pháp thì trái hẳn với Thiên điều của ĐĐTKPD thể Thiên hành chánh. Bởi có ấy nên Chí Tôn đã cấm Ngũ Chi phái Ngọc dùng Cổ luật mà mê hoặc nhơn sanh nữa.

Hễ từng Cựu Luật tức phải từng Thiên điều, mà hễ từng Thiên điều thì khó lập vị mình đặng” [Trích PCT chú giải].

Luật lệ mới tuy thay đổi và bổ sung nhưng Tân Luật gồm trọn Tam Giáo, nghĩa là ba cổ luật thành một Tân Luật Đại Đạo. Hơn nữa chúng ta phải hiểu rằng trước khi bước qua thời kỳ lập Thượng Tứ Chuyên, Đức Chí Tôn đã cho con người ký Đệ Tam Hòa Ước, chính mình Đức Chí Tôn giảng phàm qua điệu huyền tiên cơ mà lập Đạo, mở một cơ đại ân xá, cho chúng sanh “tu nhưt kiếp, ngộ nhưt thời”, bao nhiêu quả duyên oan trái đều phải nhờ nghiệp để tấn bộ, nương nơi giáo luật mới mà trở về với Đức Ngai, lẽ nào Tân Luật lại khắc khe và đau khổ hơn so với cựu luật. Đức Chí Tôn giảng cơ khẳng định rằng:

“Vì vậy mà Thầy phải phế hết Bạch Ngọc Kinh, Huỳnh Kim Khuyết, giảng trần độ rồi các con, chớ chi Thầy đến mà làm cho giảm sự khổ não các con chẳng đặng nữa thì thôi, lẽ nào còn lập Tân Luật ràng buộc các con thêm nữa...”

Vì thế, Tân Luật đề làm giảm khổ não cho con cái Người, độ rồi sanh chúng khi các tôn giáo cổ kim đã thất sách, hết phương đưa con cái Người trở thoát biển sông mê. Đó chẳng phải là phương thức yểm cựu nghinh tân theo như thể phàm suy nghĩ.

Tân Luật gồm có Tịnh Thất Luật, Đạo Pháp Luật, Thế Luật do Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ lập ra, Đức Lý giảng sửa, Đức Hộ Pháp nhận và Đức Chí Tôn phê chuẩn. Do vậy, Tân Luật là bộ luật Thiên Điều của đạo Cao Đài. Nếu có chỉnh sửa cho phù hợp với từng thời kỳ tiến hóa thì phải cầu quyền Bát Quái Đài định đoạt, phê chuẩn.

Khi Hội Thánh lập luật, cùng dâng lên Đức Lý xem xét, chỉnh đốn theo lời dạy của Đức Lý Giáo Tông, sau Đức Hộ Pháp than phiên thì Đức Chí Tôn đã giảng cơ cho hay trong:

“...mắc Tiên vị của Thái Bạch còn ở dưới Thích Ca, Khổng Tử và Lão Tử, bằng chẳng vậy thì Bộ Luật cũng đi ngang qua đầu các Đấng ấy nữa, vì nó là Thiên điều đó con”.

Đức Lý giảng:

“Cười... Cái giá trị của Tân Luật dường đó mà cả Hội Thánh coi rẻ rúng chẳng kể, làm cho Lão phải từ ngôi Giáo Tông dặng lấy Thiên điều khảo tội. Ôi thôi! Biết bao kẻ bị đọa lạc vào Phong đô vì đó”.

Bằng một dòng trải nghiệm thời khắc dâng bộ Tân Luật lên Đức Lý xem xét, Đức Chí Tôn phê chuẩn, chúng ta đã thấy được giá trị Tân Luật Đại Đạo đã nắm vai trò quan trọng như thế nào trong nền triết lý tân kỳ của Đức Chí Tôn. Đức Lý giảng dạy ba vị Chánh Phối Sư cầm luật phải đủ 06 bàn tay không cho hờ dưng lên cho ba vị Đầu Sư. Ba vị Đầu Sư cũng làm y vậy dâng lên cho ba vị Chương Pháp. Ba vị Chương Pháp lại cũng y thế mà dâng lên cho Đức Lý. Luật ấy được dạy phải đưa qua đầu Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Khương Thái Công, Đức Chúa Jesus nữa. Người Cao Đài mỗi người sẽ cảm thấu giây phút thiêng liêng về lời dạy của Đức Chí Tôn. Luật ấy lẽ ra phải dâng qua đầu Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Khổng Tử vì đó là Thiên Điều.

Bộ Luật được đề nơi đại diện cho Đức Lý xem xét, chỉnh sửa nội một ngày một đêm. Đức Lý cho biết Luật Thiên Điều màu nhiệm ấy còn thiếu sót lắm.

“Lão tâu cùng Đại Từ Đại Bi xin thêm vào Luật những điều bí mật yếu trọng. Ấy vậy, chư Hiền hữu cũng phải cầu khẩn với Lão, nội hạ tuần tháng này thì khởi nguyện, dẫn các Thánh Thất, các Đạo hữu phải để lòng thành khẩn, hiệp sức làm một với Lão mà nài xin Thánh Luật, nghe à!” [Đức Lý giảng cơ].

Sự bại nhược vô minh của chúng sanh khinh thường giá trị của Thiên Điều Tân Luật làm Đức Lý khảo tội, đưa vào cõi phong đô. Như vậy, bộ Tân Luật là Thiên Điều do Hội Thánh lập thành, chuyển qua Hiệp Thiên Đài phê chuẩn rồi dâng cho Đức Lý xem xét, xin Đức Chí Tôn đưa một số Thánh Luật vào cho trọn vẹn rồi mới phê chuẩn thành Thiên Điều.

Luật trọng thì toàn thể Thánh Thể của Đức Chí Tôn trọng. Bộ Luật lập thành để làm khuôn khổ cho nền Đạo cải thế tạo đời, hợp nhơn trí, dịu dặt cả chúng sanh theo con đường bác ái và công bình.

*** Pháp Chánh Truyền.**

Đạo Cao Đài phải có Pháp Luật. Luật thì có Tân Luật, Pháp thì có Pháp Chánh truyền để kiện toàn pháp chánh nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ. Pháp Chánh Truyền được Đức Chí Tôn giảng ban sau khi tổ chức lễ khai đạo tại chùa Gò Kén, để làm căn bản tổ chức Hội Thánh, điều hành nền Đại Đạo.

Pháp Chánh Truyền là bộ luật mang giá trị quan trọng vì Thiên Điều bất dịch, nên Đức Lý giảng cơ giao Đức Hộ Pháp trách nhiệm chú giải tường tận nghĩa lý cho rõ để ban hành. Pháp Chánh Truyền có Pháp Chánh Truyền Hiệp Thiên Đài được Đức Chí Tôn ban hành ngày 12 tháng 01 năm Đinh Mão [1927], Pháp Chánh Truyền Cửu Trùng Đài Nam do Đức Chí Tôn giảng ban ngày 16 tháng 10 năm Bính Dần [1926]. Pháp Chánh Truyền Nữ Phái được Đức Lý giảng ban vào ngày 09 tháng 01 năm Đinh Mão [1927].

Buổi đầu, Đức Chí Tôn muốn phê Pháp Chánh Truyền Nữ Phái nhưng con cũng đông con, bao nhiêu nam thì cũng bấy nhiêu nữ. Nhưng Đức Ngài lại giao cho Đức Lý lập Pháp Chánh Truyền Nữ Phái. Do vậy, nữ phái chỉ đến phẩm Đầu Sư là tối vị.

Về Pháp Chánh, Đức Chí Tôn giảng dạy:

“Thầy tưởng chẳng cần nói, nếu ai là đạo đức, đọc đến cách lập pháp của Thầy mà chẳng mừng giùm cho nhơn loại” [TNHT].

*** Sơ luận.**

Cách lập Tân Luật đã trải qua các giai đoạn được hình thành từ Hội Thánh Đại Đạo, xem xét, chỉnh sửa, rồi dâng lên Đức Lý thay đổi, bổ túc, cầu nơi Đức Chí Tôn ban thêm Thánh Luật nơi đó và Đức Chí Tôn phê chuẩn rồi cho thi hành. Hiên nhiên, Tân Luật đã trở thành Thiên Điều. Nếu ngày kia trong phương truyền giáo và biến hóa của nhơn sanh mà hà khắc làm cho sự phổ độ khó khăn đối với phong hóa nhơn loại, Tân Luật có thể xin Bát Quái Đài chế giảm, thay đổi tùy theo tính chất thời gian và phong hóa biến đổi.

Đối với Pháp Chánh Truyền, đây là nền tảng Thiên Luật do Đức Chí Tôn và Đức Lý lập ra hầu làm căn bản quy chuẩn để lập Đại Đạo, tổ chức và điều hành mỗi chơn truyền của Đức Thượng Đế lưu truyền đến thất ức niên.

13. Luật Đạo đã thể lòng từ bi của Đức Chí Tôn.

Đại Đạo vẫn có Luật Pháp Chơn Truyền để đưa người đi trong khuôn phép, bảo tồn trật tự và điều hòa, là phép định những quy tắc cho môn sinh. Cựu Luật hình thành trong Tam Giáo xưa. Ngày nay mở Đại Đạo, Đức Chí Tôn đã cho con người lập Tân Luật để áp dụng bộ quy tắc mới trong đường lối tu hành ân xá của Đức Chí Tôn.

Đức Chí Tôn là Đấng đại bi, đại ái chẳng muốn hành phạt một ai vì tất cả đều là con cái của Ngài. Những luật định của Tam Giáo cổ xưa cũng do hội chư Thần, Thánh, Tiên, Phật lập luật rồi dâng lên cho Đức Chí Tôn chuẩn phê. Ngày nay, Tân Luật ra đời cũng do Hội Thánh lập Tân Luật rồi dâng lên cho Đức Lý xem xét, xin Đức Chí Tôn một số yếu luật bí nhiệm rồi Đức Chí Tôn phê chuẩn y

hành. Nên Tân Luật của Đại Đạo vốn là Thiên Điều, người phạm thế không chỉ cải sửa đặng. Vì ý nghĩa của Tam Kỳ Phổ Độ, nên Đức Chí Tôn cho phép lập Tân Luật cho nhơn sanh tu hành. Do vậy, Tân Luật sẽ một đặc ân rất to lớn cho nhơn sanh thời nay:

Một, Cỗ Luật **buộc** con người phải tu hành và nâng phẩm hạnh mình với địa vị thiêng liêng là Thần, Thánh, Tiên, Phật. Còn đối với Đại Đạo, Đức Chí Tôn hạ mình xuống cùng nhơn sanh để dắt dìu chúng sanh lên địa vị thiêng liêng, **mở** con đường cho nhơn sanh dễ bề thoát hóa. Luật buộc thì luôn khó, luật mở thì nói lỏng.

Hai, luật công bình của Tạo Hóa lập ra để tô điểm địa vị người xứng đáng phẩm thiêng liêng, lại vừa chế răn những người phạm luật. Nay cơ ân xá mở ra, Tân Luật định các hình phạt cho chư Chức Sắc dĩ chí xuống tìn đồ để cho con cái Đức Chí Tôn chịu hình luật hữu hình, tức là trị theo Tân Luật, không bị Thiên Điều trừng trị. Đây là đặc ân của Đức Đại Từ Bi ban cho nhơn sanh hầu gìn giữ phẩm vị thiêng liêng của con cái Người.

14. Ý nghĩa Tam Giáo và Ngũ Chi trong nền Đại Đạo.

Đức Thượng Đế vốn đã lập ra Tam Giáo và Ngũ Chi trong lịch sử tu tiên để nhơn loại nương tựa những nguồn giáo pháp ấy mà mà tu hành. Thánh Giáo của Đức Chí Tôn có đoạn:

“Vốn từ trước Thầy đã lập ra Ngũ chi Đại Đạo là Nhơn đạo, Thần đạo, Thánh đạo, Tiên đạo, Phật đạo. Tùy theo phong hóa của nhơn loại mà gây thành chánh giáo...” [TNHT].

Xem ra, hai chữ “Đại Đạo” đã được Đức Chí Tôn đã sử dụng trước đó với những phương pháp cứu thế tùy theo phong hóa từng sắc dân và sự tân bộ tâm linh mà phổ bày giáo pháp cho phù hợp.

Đối với địa hạt “Tam Giáo quy nguyên” và “Ngũ Chi phục nhứt”, chúng ta đã tiếp cận với triết lý hết sức nổi bật vì đó là tính chất hiệp nhứt và tinh thần hòa hườn trong các giáo pháp nơi cửa Cao Đài. Người ngoại giáo khó có thể chấp nhận tín lý này, tuy nhiên giáo pháp tân kỳ Đại Đạo mà Đức Chí Tôn tạo dựng kỳ thực nó đã bao hàm vạn tượng để con người không còn có những khái niệm nhị nguyên phân chia mà trực thẳng vào con đường Đại Đạo, dung hòa miên viễn với cùng một trạng thái triết lý duy hợp của Đức Chí Tôn.

“Đạo Cao Đài là một tôn giáo do Lương tâm vi bốn, lấy cả triết lý toàn cầu đặng làm căn bản hầu làm trung gian cho các tư tưởng hiệp đồng đặng dìu dắt nhơn sanh hồi thiện” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Triết lý toàn cầu mà Đức Hộ Pháp muốn nói là những cánh cửa từ thế gian hữu hình tiếp diễn vào thế giới vô vi, hiệp hòa cùng bản lai. Mọi sách lược và

phương pháp phô diễn mang tính chất hữu thần có một hình thái phù hợp với từng giai đoạn tiên hóa của nhân sinh dù thô sơ hay phức tạp, miễn hoạt động tâm linh đưa các dòng suối chảy về bể đại dương mệnh mông, tức là trở về tự tánh vĩnh sanh của Đức Thượng Đế. Lương Tâm là một ánh linh quang chiếu diệu trong mọi thời gian và không gian khi đủ điều kiện. Cho nên, Đại Đạo là một “hiện tượng” bao hàm triết lý hoàn vũ, như một hiện hữu căn bản vốn có sẵn trong lòng mỗi người trên khắp hoàn cầu, hướng đến một sự hiệp đồng, đưa dẫn nhơn sanh hướng thiện.

Đức Chí Tôn vì tình thương chúng sanh mà tùy phương nâng đỡ tâm linh con người. Đó là sự chịu đựng, là cách thức cứu rỗi xưa nay của Người. Nhưng ngày nay vì “càn khôn dĩ tận thức”, những phát triển về trí thức tinh thần con người càng phát triển, các chủ thuyết không thể bị đóng băng trong khuôn khổ cổ xưa. Khi con người “tận thức”, những sự cọ xát về hình thái và tư tưởng sẽ mang lại một hiện tượng mang tính “đị biệt” do sự nhận thức bằng phàm nhãn.

Tự thân các nền tôn giáo đã gánh vác một giá trị tâm linh duy lý, cùng một đích điểm để quay về tự tánh, tu sửa thân tâm để đón nhận một nguồn linh khí thiêng liêng giải thoát khỏi biển trần khổ. Tuy nhiên, những triết lý tự thân đã khép kín trong khuôn viên. Đức Chí Tôn đến để “quy hiệp”, làm cho con người gạt bỏ những khoảng cách vốn do tự thân con người tạo ra. Đức Ngài phổ bày chánh pháp một cách rõ ràng, từ hạ thừa sơ đẳng cho đến trung thừa và thượng thừa viên đốn đạo pháp. Con đường Đại Đạo là con đường đã hàm chứa mọi chủ thuyết của Tam Giáo-Ngũ Chi. Chẳng phải bằng một tấm “sớ cầu đạo” tức thì con người vào Đại Đạo mà mọi người đã từng đi trên những căn nguyên của Đạo. Đức Chí Tôn đến để hóa giải sự “nhị nguyên” hình thành từ tâm thức con người. Người Cao Đài chấp nhận mọi khuôn phép tu thân của các giáo pháp như một hệ thức cần và đủ trong phương pháp tu thân theo tinh thần Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ, do chính Đức Thượng Đế xuống khai nhip mọi tinh lực thành một con “đường lớn” với những ân xá, điển lành, sự độ rỗi để con cái Người có thể bước trên con thuyền Đại Đạo bơi về với Đức Chí Tôn.

Trên bình diện khác, nếu mọi liên kết Tam Giáo-Ngũ Chi được hình thành, thì ý thức hệ của tín đồ Cao Đài phải hiểu “Nho, Thích, Đạo” mang tính tượng trưng bởi “vạn giáo nhất lý”, cùng biểu thị con đường trở về với Đại Thể. Ngôn ngữ thế gian và những liệt kê cơ bản của Nhị Kỳ và Nhất Kỳ chỉ mang tính ước lệ trong hình thức và mô phỏng. Người Cao Đài phải hiểu tất cả những nhip cầu làm tương thông trong con đường trở về Bản Thể là một trong những phương pháp tồn tại trong hai chữ “vạn lý”.

Theo phương thức phụng thờ của Đạo Cao Đài, Tam vị Giáo Chủ, Đức Thích Ca, Đức Lão Tử, Đức Không Tử tượng cho Tam Giáo, đã thể hiện tính chất

“Tam Giao Quy Nguyên”, mang giá trị cứu rỗi đồng đẳng. Có thể, người ta sẽ phản bác về việc đồng hóa này vì con người vốn luôn luôn tìm những hình thái, mặt thị hiện để xếp loại, phân chia, đánh giá sự hơn thua dựa trên ý thức hệ nhị nguyên. Thực tế, mọi tôn giáo trên hoàn cầu đều đem giá trị độ rỗi, giáo pháp để con người trở về coi Thiên Thai, Thiên Đàng, Niết Bàn, Động Bích. Cõi giới đó chỉ có một, không có hai, có khác chẳng chỉ do ngôn ngữ biểu tả của mỗi giáo pháp. Đức Chí Tôn tuyên phán:

“Các con là Thầy, Thầy là các con ” hay “Các con là chư Phật, chư Phật là các con”.

Hình thức phổ độ của Đức Chí Tôn đưa xuống thế dầu có xưng Giáo Chủ tôn giáo hay không, miễn đạt được cứu cánh độ rỗi, đưa chúng sanh về bờ bỉ ngạn, giải thoát khỏi nhơn quả luân hồi, hiệp hội cùng Đức Chí Tôn, đều được xem là một giáo pháp cứu rỗi hữu hiệu, đạt đến giá trị cốt lõi của Đạo. Tôn giáo với một triết lý quy tụ hàng giáo phẩm nhiều, không có nghĩa là đó là đạo cao, mang tính độc tôn và chỉ có giá trị duy nhất đối với Đức Chí Tôn. Đứng trước chân lý đạo Trời, chỉ có con đường giải thoát mà thôi, chẳng hề có sự cách biệt khác nhau. Chân lý Đạo Trời là một đại dương vô thủy, vô chung, mênh mông, Tam Giáo và Ngũ Chi cũng chỉ là những con sông lớn nhỏ chảy về bể cả mà thôi.

Đạo hẩn chứa trong lòng mỗi con người vì Đức Thượng Đế đã ban cho một chơn linh diệu tánh để tiên trình khai ngộ tâm thức trải dài trên dòng thời gian và nó vượt lên trên mọi cái “sở” của tôn giáo hữu hình, tùy vào cảnh ngộ, môi trường nhưng làm sao để thoát nhiên đại ngộ đi đến đích điểm. Theo chiều dọc của nghi thức thờ phụng, chúng ta thấy nghi thức Ngũ Chi là 07 cái Ngai tượng cho Nhơn Đạo. Đức Khương Thượng tượng cho Thần Đạo. Đức Chúa Jesus tượng cho Thánh Đạo. Đức Lý Thái Bạch tượng cho Tiên Đạo. Đức Thích Ca tượng cho Phật Đạo. Nên mọi hình thức có thể biến dịch, ví dụ Nhơn Đạo được tượng bằng 07 cái Ngai thờ tại Tòa Thánh và chay xuyên về đến Nhứt Nguyên là Quả Càn Khôn có Thái Cực Thiên Nhân, thì dòng vận hà văn của Ngũ Chi Đại Đạo và đó vốn chỉ là tượng lý mà thôi.

Vì vậy Đạo Cao Đài đã đến và quy hiệp các hệ tín ngưỡng, những con đường giải thoát mang tính chất riêng, thành một nền Đại Đạo. Người Cao Đài là những người phải thực thi làm sao giải quyết những phương án để tối ưu hóa con đường tiến hóa đến vô cùng tận. “Nội tâm” và “biểu hiện” của hiện tượng hoàn toàn rất khác xa nhau vì biểu hiện chỉ là màu sắc thị hiện qua cái nhìn và nhận thức, trong khi nội tâm là chính là dòng suối vô tận trong trẻo có thể hòa nhịp cùng với đại dương mênh mông không bến bờ.

Ánh sáng của Thái Cực Thiên Nhân vẫn bao trùm cả càn khôn và mọi con đường đi cho con cái Đức Chí Tôn giựt tắn, thẳng bước đến con đường thiêng liêng

hàng sống. Bí pháp siêu phàm nhập thánh của con người là quyền năng diễn lực của mỗi người, không chịu thút phục bởi những hình trạng biểu hiệu bên ngoài nào thuộc thể gian tính, dầu đó là quyền lực nào đó cao rộng đi nữa cũng không trói buộc được tâm thức, miễn chơn thần hội tụ mọi phép tiếp diện với ánh Linh Quang thì thủ cơ đoạt pháp.

15. Cơ ân xá tận độ của Đức Chí Tôn trong thời Tam Kỳ.

Biết bao nhiêu các Đấng Thiêng Liêng tình nguyện lâm phạm lập giáo, khuyên nhủ, giáo dạy, lập con đường cứu khổ cho chúng sanh giác ngộ, thoát sông mê biển khổ. Nhưng Cửu Nhị Úc Nguyên Nhân còn bị đọa lạc chốn hồng trần không phương trở về cựu vị. Đức Chí Tôn quyết chính mình Ngài lập giáo, cứu độ các bậc Nguyên Nhân và siêu rỗi Hóa Nhân.

“Ngài tìm phương pháp để tận độ chúng sanh, cơ tận độ ấy chưa thành tựu, họ còn bị kẹt vào vòng tội lỗi tại thế này cửu nhị úc nguyên nhân, Ngài đến gom về hết trong thời kỳ ân xá thứ ba này...” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 38].

Cơ tận diệt hầu kè, Đức Chí Tôn phải dùng đến cơ tận độ cho con cái của Người bớt đau thảm. Đức Ngài lại lập một Thánh Thể, rồi phó thác một sứ mạng thiêng liêng thay Ngài dẫn dắt, khuyên dạy chúng sanh nương ngọn phước chiêu hồn để bảo tồn con cái của Ngài. Lập cơ quan cứu khổ là nền Đại Đạo Tam Kỳ của Đức Chí Tôn đề:

“Khai cơ tận độ, cửu tuyên diệt vong” [Kinh Thiên Thế Đạo].

Kể từ Đức Thượng Đế gõ cơ xung A, Ẫ, Ầ, Đức Ngài đã xuống thế qua huyền diệu tiên bút để khai mở cơ tận độ cho toàn chúng sanh, lập Tân Luật và Pháp Chánh Truyền Thiên phong cho chúng sanh. Ấy là phương mầu nhiệm và ân huệ thiêng liêng, một giọt cam lồ rưới toàn thể quả địa cầu này vậy.

Chúng ta tin vào những tín lý trên nhưng phải hiểu đúng ý nghĩa của nó một cách chính xác. Đức Chí Tôn vì lòng thương xót, lập cơ ân xá và tận độ, đóng cửu tuyên không có nghĩa là Đức Ngài bỗng ẵm con cái của Người về nước hàng sống. Đức Ngài đến để giáo hóa, độ rỗi, lập giáo, cho “tu nhứt kiếp, ngộ nhứt thời”, có Tân Luật, có Pháp Chánh Truyền là khuôn luật Thiên Điều, Ngài buộc phải thực thi theo bản Thiên-Nhơn Hòa Ước đã ký, buộc phải thực hiện Bác Ái-Công bình, làm tiêu chuẩn cho nhơn phong để cơ phổ độ của Đức Chí Tôn thành thiết hiện nơi hoàn cầu, thì Đức Ngài mới ban phong thưởng phẩm xứng vị. Bằng không, những việc làm trái nghịch lại nền Chơn Pháp, chính con người phải đứng trước luật Thiên Điều do nghiệp quả gây ra.

CHƯƠNG IV: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

1. Đại Lễ Đức Chí Tôn.

Đại Lễ Đức Chí Tôn được thiết lễ đại đàn tại Tòa Thánh và các Thánh Thất địa phương vào ngày mùng 09 tháng giêng hàng năm. Đây là một nghi tiết rất quan trọng của nền Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

Với nội lý bao hàm vạn tượng, Đạo Cao Đài đã dung nạp, hòa hườn các tín lý cổ kim với một giáo pháp mang tính “nhất nguyên”. Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là chủ thể ngôi Thái Cực, là bản nguyên tự khởi trong cơ sáng thể và định vị, ngự nơi Phật-Pháp-Tăng để điều hành càn khôn vũ trụ. Có chơn thần của Đức Chí Tôn tức là đã có Đạo. Đạo biến sanh từ một cho đến vô cùng tận theo nguyên lý “nhất bản tán vạn thù”. Đức Ngài nuôi dưỡng và thúc đẩy sự tân hóa không cùng tận để “vạn thù quy nhất bản”.

Đức Ngài là chân lý vĩnh tồn, là Đấng Đại La Thiên Đế, là Đấng Thái Cực Thánh Hoàng cầm quyền rộng lớn mênh mông như tấm lưới trời bao phủ cả các cõi giới trong vũ trụ, Ngài tạo hóa muôn loại và cai quản, điều hành mọi sự tiến hóa của chúng sanh vạn hữu, ứng hiện không thấy làm nhưng làm tất cả, thấy rõ muôn việc lành dữ của muôn loài trong khuôn phép nhiệm mầu huyền diệu, từng việc tốt xấu đều được phân định rõ ràng công chánh. Dẫu thời tiên thiên hay hậu thiên, Đức Ngài nuôi dưỡng đồng đều như nhau không ngừng nghỉ, Đức Ngài vua của mặt trời, mặt trăng, các vì sao, chủ của Phật, Tiên, Thánh, Thần.

Cho nên cái Đạo từ Hư Vô vận chuyển biến sanh ra ngôi Thái Cực, nên đạo trời chơn chánh sâu xa, lặng lẽ nhưng vi diệu vô biên không lấy chi tả luận, có thể thiên biến vạn hóa vô biên. Đức Ngài có “hồng oai, hồng từ, vô cực, vô thượng, đại thánh, đại nguyện, đại tạo, đại bi”, vì vậy Đức Ngài thường ban phước và xá tội cho chúng sanh.

Đức Chí Tôn ngày nay đến với chúng sanh vừa ban hồng ân, giáng ban một nền đại ân xá cho chúng sanh tu hành để trở về nguồn cội, vừa đến ôm ấp con cái Người một cách gần gũi hơn, bằng tình chí thân. Đức Chí Tôn là có nhiều danh xưng như Ngọc Hoàng Thượng Đế, Trời, Nguyên Thủy Thiên Tôn, Hoàng Thiên, Đấng Hạo Thiên Thượng Đế theo tín ngưỡng Trung Hoa, Huyền Thiên Thượng Đế, Thiên Chúa theo Kito Giáo, Cha Trời, Chúa Trời hoặc Allah theo Hồi Giáo, Đấng Brahma hay Phạm Thiên Vương theo Ấn Độ Giáo. Danh xưng tùy theo mỗi thời kỳ và các học giả tôn giáo định đặt. Hầu hết tên gọi của Đấng Thượng Đế phát sinh ở Đông Phương nhiều hơn ở Phương Tây.

Ngày nay Đạo Cao Đài ra đời, Đức Ngài được tán tụng là Đấng Huyền Khung Cao Thượng Đế Ngọc Hoàng Đại Thiên Tôn. Từ thời xa xưa và trước khi

Đạo Cao Đài ra đời, hầu như các tín ngưỡng đều cho vị vua cai trị một quốc gia là Thiên Tử, là môi giới của và đại diện cho Trời nên mới được thờ Thượng Đế và thường thiết lễ tế Trời. Thần dân không được phép. Nhưng khi nền Đại Đạo ra đời, Đức Chí Tôn cho phép chúng sanh được hàng ngày cúng kính Đức Ngài trong 4 lần một ngày với phương “tứ thời nhật tụng” và các nghi lễ Đại Đạo liên quan. Mặt khác tại tư gia, con người được phép thờ Thánh Tượng Thiên Nhân để thờ Trời và lễ bái thường nhật.

Điều đó, Tân Luật của nền Đại Đạo đã nói mở rộng khai cho toàn thể chúng sanh được dễ dàng tu tập qua các hình thức nghi lễ phổ biến để thấm nhiễm mùi đạo pháp do chơn thần gần các điển quang của Đức Chí Tôn và các Đấng trọn lành nơi cõi thiêng liêng. Như vậy, Đức Chí Tôn Ngọc Hoàng Thượng Đế là đấng Tạo Đao ra càn khôn, con người phải kính nguồn cội Chí Linh. Nên ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn là ngày trọng đại, để toàn thể các môn đồ Cao Đài biết Ngài, nhớ Ngài, tưởng niệm Ngài mà nhớ đạo đức trong lòng, nương vào khuôn luật của Đại Đạo mà trau sửa thân tâm cho ra thuần chơn, chí mỹ.

Ngày Đại Lễ không cần đối với Đấng Chí Linh. Đạo cũng chẳng cần dụng âm thanh sắc tướng, miễn tự Tâm giác Tánh, trái tim nhân ái, biết tình ái vật, biết luật thương yêu, biết hòa đồng cùng tiếng nói vô hình của cơ mầu nhiệm Tạo Đao, biết hành động hợp với Thiên Lý, biết nương con thuyết bát nhã để hồi quang phản chiếu thì có lẽ Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng liêng không phải nhọc công phổ bày giáo lý, kêu gọi, dạy phương lập vị cho chúng sanh. Bởi có đó, Đạo phải dụng hình tướng, tức là Thệ Pháp Đạo để chúng sanh nhớ, học tập dần dần mà nương ánh huệ quang. Nên nghi thức đạo Cao Đài cũng phải chứa hình thức, nghi lễ mà có ngày Đại Lễ Vía Đức Chí Tôn.

2. Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.

Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung được tổ chức tại Điện Thờ Phật Mẫu trong nội ô Tòa Thánh Tây Ninh hàng năm vào ngày rằm tháng 08. Vì nền Đạo chưa xây được Điện Thờ Phật Mẫu nên Đức Phật Mẫu được thờ tạm tại Báo Ân Từ, nên cuộc chánh lễ tổ chức tại Báo Ân Từ. Đây là một nghi thức đặc sắc và rất quan trọng của nền Đạo vì đó là thể pháp và ẩn bí pháp diệu huyền.

Thời khai minh, Đại Lễ được Đức Chí Tôn và Đức Phật Mẫu dạy tam vị Hộ Pháp, Thượng Phẩm, Thượng Sanh thiết lễ, nhưng Tam Vị đều không hiểu giá trị thế nào, chỉ biết tuân mạng lệnh bày yến tiệc theo lời cơ bút. Đến khi đạo nên tướng, đại lễ được Hội Thánh tổ chức vô cùng long trọng để tỏ bí pháp nhiệm mầu của cơ Đạo.

Về bàn ghế hoa quả, tổng có 12 ghế Cửu Vị Tiên Nương và Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh. Có một bàn riêng cho Đức Phật Mẫu. Mỗi vị trí có 2 cái ly để chúc tửu và trà. Chánh lễ này do Đức Phật Mẫu chủ trì nhưng

vì kính lễ Đức Chí Tôn, nên vẫn chước tửu và trà cho Đức Chí Tôn. Thuở ban đầu, ngày lễ có sự hiện diện của Đức Chí Tôn và sau Đức Hộ Pháp có hỏi Đức Chí Tôn có mặt không, Đức Ngài trả lời có và Đức Phật Mẫu không biết vì Đức Chí Tôn dùng phép ẩn thân.

Về nhạc, đồn 05 bài Bắc và không có nhạc Tấu Huân Thiên: xàng xê, ngũ đôi thượng, ngũ đôi hạ, long đăng, tiểu khúc. Về bài thái, có 13 bài cho mỗi tầng. Nên dâng hoa, rượu, trà, phải thái ba tầng. Trình tự thái từ bài thái của Đức Phật Mẫu đến Nhứt Nương...Cửu Nương, Đức Hộ Pháp, Đức Thượng Phẩm, Đức Thượng Sanh. Chúc Sắc Hiệp Thiên Đài và đồng đạo lưỡng phái khoan tay kính lễ.

Trong ngày đại lễ, còn có các gian hàng của mỗi Đạo phận bày trí xung quanh Báo Ân Từ. Bông và các trang trí do các nghệ nhân điêu luyện, tài hoa lập nên. Về cô Tiên, cô này được thiết kế trên xe hơi, được dựng trên con chim Thanh Loan, Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương. Ngoài ra, có rồng nhang, ban nhạc Tòa Thánh, nhạc Đường Nhơn, Tàn Nhơn, học sinh Đạo Đức Học Đường cầm lòng đèn theo sau. Trong một quãng thời gian, Cửu Nương được chọn trong hàng Giáo Nhi ngồi trên cô Tiên tượng cho Cửu Nương, và những vị Giáo Nhi này buộc phải thanh sạch, chay lạc rất kỹ.

Về bửu pháp của Cửu Nương, Nhứt Nương Đàn Tỳ Bà, Nhị Nương cầm Lư Hương, Tam Nương cầm Long Tu Phiến, Tứ Nương cầm Kim Bản, Ngũ Nương cầm Như Ý, Lục Nương cầm Phướn, Thất Nương cầm Bông Sen, Bát Nương cầm Giỏ Hoa Lam, Cửu Nương cầm Ống Tiêu.

Thời Đức Hộ Pháp còn sinh tiền, khi đại lễ xong, có cầu cơ và Đức Phật Mẫu và Cửu Vị Tiên Nương có giáng cơ khuyên dạy đủ điều. Trái cây được phân chia cho muôn hưởng ân huệ, bông thì người xin về phơi khô làm trà uống như một tín ngưỡng bất diệt đối với giá trị của Đại Lễ Hội Yến.

Thê pháp của Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung tượng cho bí pháp của Đức Phật Mẫu ban cho nhơn loại ngày nay. Xưa kia, những người tu đắc pháp trở về Thánh, Tiên thì được dự Hội Yến bàn đào, có Tiên Tửu có Đào Tiên do Đức Phật Mẫu ban. Cho nên, Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì còn gọi là Hội Bàn Đào, Đức Chí Tôn cho phép lập ngay mặt thể này cho chúng sanh hưởng cái ân huệ gọi nhuần và cũng hiểu được bí pháp bí nhiệm trước khi dọn mình tham dự Đại Lễ. Chưa có một nền tôn giáo nào xưa nay được hưởng đặc ân cao cả như thế ấy.

“Hội Yến Diêu Trì là cơ quan đặc Đạo tại thể. Đức Kim Mẫu cùng Cửu Vị Nữ Phật đã giáng trần Hội Yến với chư Chức Sắc, xướng họa thi phú và dạy Đạo. Ấy là Hội Chư Tiên tại thể” [Thuyết Đạo của ĐHP], Q.1, bài 14].

Đức Chí Tôn khai Đại Đạo, Người thuộc Phật, Đức Phật Mẫu thuộc Pháp. Hai năng lực này là điển lực Âm-Dương mới sinh ra càn khôn vạn loại. Nhờ Đức Phật Mẫu làm chủ Âm Quang đào tạo cơ hữu vi nên mới có ngôi Tăng. Vì thế, bí pháp Hội Yến Diêu Trì Cung vừa là đặc ân bày cơ quan đặc đạo tại thế của Đức Chí Tôn cho phép, vừa lại biểu thị sự giảng dạy thuở sơ khai, có Đức Chí Tôn khai hóa tâm trí Hội Thánh tiền phôi, lại được Đức Phật Mẫu đến un đúc tinh thần. Nên Đạo đủ hai yếu tố Âm-Dương mới có thể duy trì và trường tồn đến thất ức niên.

“Nhân dịp ngày nay nhằm Lễ Trung Thu tức là Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung là một cuộc lễ trọng yếu trong nền Tôn Giáo của Đức Chí Tôn, Bản Đạo lấy triết lý vì có nào ngày nay Đức Phật Mẫu đến cùng chúng ta. Trong triết lý ấy do nguyên nhân của nó là phép an ninh trật tự đối với cơ Tào đoan Càn Khôn Vũ Trụ” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 47].

3. Cổ Pháp Tam Giáo và diệu quang.

Cổ Pháp Tam Giáo gồm Bình Bát Vu của nhà Phật, cây Phát Chủ của Đức Lão Tử và quyền Xuân Thu của Khổng Giáo. Ba bửu pháp này tượng cho Tam Giáo hiện hữu trong Cao Đài.

Bình Bát Vu là bình bằng vàng của Đức Phật dùng để khuất thực khi Đức Ngài rời bỏ ngôi vàng, điện ngọc quyết tìm con đường giải thoát khỏi sinh-lão-bệnh-tử cho chính mình và độ chúng sanh, nên tượng trưng cho Phật Giáo. Cây Phát Chủ là cây chổi nhằm quét sạch ô uế, vô minh, bụi trần, tượng trưng cho Tiên Giáo. Quyền Xuân Thu là bộ kinh của Đức Khổng Tử tượng trưng cho Thánh Giáo. Đây là ba bửu pháp của ba nền tôn giáo thời Nhị Kỳ Phổ Độ.

Riêng về Cổ Pháp của Đạo Cao Đài, tổng thể có bốn loại Cổ Pháp. Cổ Pháp của Hộ Pháp như Cổ Pháp Tam Giáo. Cổ Pháp của Thượng Phẩm gồm cây Phát Chủ và Long Tu Phiến. Cổ Pháp của Thượng Sanh gồm cây Phát Chủ và Thư Hùng kiếm. Cổ Pháp của Giáo Tông gồm Long Tu Phiến, Phát Chủ và Thư Hùng Kiếm. Mỗi Cổ Pháp có giá trị và ý nghĩa riêng biệt gắn liền với vai trò và nhiệm vụ của phẩm Thiên Phong.

Như đã trình bày, biểu hiện chỉ là cách thức để con người dễ hình dung đối với giáo pháp tâm linh gần nhất, nhằm biểu thị chung cho các Tam Giáo cổ kim. Vì vậy, ba bửu pháp của ba Đấng Giáo Chủ hiệp một thành Cổ Pháp Tam Giáo trong nền tôn giáo Cao Đài, đó là tượng trưng cho quyền năng linh diệu của Tam Giáo đã từng hiện hữu, là Phật, Tiên, Thánh. Các Đấng trong hàng Tam Giáo khi đoạt pháp và hoàn thành sứ mạng xuống thế của mình, các Ngài cũng trở về cõi hư linh, tiếp tục công cuộc điều hành guồng máy Tào Đoan cho Đức Chí Tôn.

Dẫu cho “Ngọc Hư Cung bác luật, Lô Âm Tự phá cổ” theo lời dạy của Đức Chí Tôn theo thiên thơ tiền định, thì những giá trị của các vị Giáo Chủ Tam Giáo

tượng trưng và những vị Tam Giáo không được tượng trưng vẫn đoạt cơ xuất thế, đào tạo cho chúng sanh những phương pháp tu học giải thoát. Lời Đức Chí Tôn tuyên phán vẫn còn văng vẳng bên tai, nhưng đạo học của Tam Giáo như đường lối “minh tâm kiến tánh” của Phật Giáo, “tu tâm luyện tánh” của Lão Giáo, “tồn tâm dưỡng tánh” của Khổng Học vẫn trường lưu trong nền tảng triết lý tu hành của người Cao Đài. Xa hơn nữa, chủ nghĩa “từ bi-bác ái” hay “tam tạng, ngũ thường, tam tòng tứ đức” cũng là đường tiêu chuẩn không thể thiếu trong pháp môn tu học theo Tân Luật của Đức Chí Tôn lập ra. Đạo vẫn như nhiên mà thành, nghĩa là căn bản của giới “tam quy”, những mực thước của Tam Giáo là thước đo và phương pháp để dọn người Cao Đài trở thành người môn đệ yêu ái và xứng đáng đối với Đấng Cao Đài.

Chẳng phải “quy hợp” để làm dễ hơn hoặc khó hơn đối với chúng sanh, mà là sự quy hợp để tạo thành một mối đạo duy lý, tổng hợp và hòa hướn cho toàn vạn hữu tiếp cận giáo pháp tân tiến phù hợp với thời đại và giai đoạn, cũng là phương pháp tận độ của Đức Chí Tôn ban cho nhân loại. Ngày nay, Đức Chí Tôn đã mở rộng con đường thiêng liêng hằng sống, một bến giải thoát.

“Hộ Pháp đến kỳ Long Hoa này cốt để rước Cửu nhị ực Nguyên Nhân là bạn chí thân của Người đã bị đọa lạc nơi hồng trần không phương giải thoát, muốn rước các bạn chí thân của Bàn Đạo, Đức Chí Tôn buộc phải lấy Pháp Giới tận độ chúng sanh” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 43].

Dẫu cho Cổ Pháp là hình vật, nhưng nó có sức ảnh hưởng sâu rộng về tâm thức, chi phối toàn các ý niệm, tri cảm của người Cao Đài trong pháp môn tu hành, dấn thân vào triết lý Đại Đạo. Nên diệu quang của Tam Giáo vẫn chói lòa cùng thời gian và là những nấc thang làm cho môn đệ Cao Đài được trỗi thẳng lên những bậc thang thiêng liêng.

4. Con đường tu chơn trong đạo Cao Đài.

Vì Đức Chí Tôn quyết đến thế gian chính mình Ngài để độ sanh chúng. Đấng Ngự Mã Thiên Quân Hộ Pháp cản ngăn và tình nguyện xuống thế lập giáo theo truyền ngôn của Đức Thượng Đế. Trước khi phục linh, Đức Chí Tôn hỏi vấn hỏi và Đức Hộ Pháp trả lời. Đức Hộ Pháp thuật lại như sau:

“Trong thời kỳ ấy Bàn Đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống thế mở Đạo thì Đức Chí Tôn mới hỏi rằng: Con phục linh xuống thế mở Đạo con mở bí pháp trước hay con mở thể pháp trước?”

- Bàn Đạo trả lời: *Xin mở bí pháp trước.*

- Chí Tôn nói:

Nếu con mở bí pháp trước thì phải khổ đa. Đang lúc đời cạnh tranh tàn bạo, nếu mở bí pháp trước cả sự bí mật huyền vi của Đạo đời thấy rõ xúm nhau tranh giành phá hoại thì mỗi Đạo phải ra thế nào. Vì thế nên mở thể pháp trước, dầu cho đời quá dữ có tranh giành phá hoại cơ thể hữu vi hữu hủy đi nữa thì cũng vô hại xin miễn mặc bí pháp còn là Đạo còn. Bí pháp là Hiệp Thiên Đài giữ...” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Điều nay đã chứng minh Đức Hộ Pháp đã xuống thế với một thiên mạng đặc biệt. Thêm nữa, Đạo phục của Đức Hộ Pháp, ngang lưng có buộc “dây sắc lệnh” ba màu vàng-xanh-đỏ tượng trưng cho chương quản Tam Giáo và nắm trọn Thể Pháp-Bí Pháp trong tay Người. Điều này được nêu rất rõ trong Pháp Chánh Truyền chú giải. Hơn vậy, Đức Hộ Pháp đến thế gian để cầm Pháp Giới tận độ chúng sanh do Đức Chí Tôn phó thác nơi mình. Với những minh chứng trên, Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh đã dung chứa cả Thể Pháp và Bí Pháp giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn.

Khi Hội Thánh được thành lập, Tân Luật được lập ra dâng lên Đức Lý xem xét, cầu nài Đức Chí Tôn thêm những điều yếu nhiệm vào bộ Tân Luật này rồi phê chuẩn để Hội Thánh bắt đầu điều hành, lập giáo, tổ chức và hoạt động với một Giáo Hội chặt chẽ. Tân Luật cũng đã ban hành về các Tịnh Thất trong chương trình phổ độ. Tịnh Thất lại đặt dưới quyền vi chủ của chi Đạo là Thượng Phẩm, tức là Hiệp Thiên Đài, trong khi đó Đức Hộ Pháp chương quản Hiệp Thiên Đài. Nên Đức Hộ Pháp lãnh trách nhiệm chính yếu trong truyền bí pháp tu đơn. Điều này hoàn toàn khác biệt so với một số người suy diễn, Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh chỉ mang trách nhiệm phổ độ.

Sau một năm lập Tân Luật, tức năm 1928, Đức Hộ Pháp lập cơ quan Phạm Môn, mở “Cửa Phật” một lối sinh hoạt tôn giáo không áo mũ, không giáo quyền, chú trọng vào hình thức Tam Lập, truyền dạy những yếu lý công phu tu tập. Đức Ngài còn cho thợ “đào viên pháp”, lập ra “thập điều giới răn”, buộc tất cả ai hiến thân nơi Phạm Môn điều trọn thi hành những tiêu chuẩn Đức Ngài đưa ra. Đức Ngài còn truyền những bí tích quan trọng trong cửa Đại Đạo cho những người Phạm Môn như bí tích Cắt Dây Oan Nghiệt, Tắm Thánh, Giải Oan, Hôn Phối, phép Bạch Đăng.

Đức Ngài còn vẽ họa đồ Tam Cung, Thiên Hỷ Động, Địa Linh Động và Nhơn Hòa Động nhưng chỉ hoàn thành được hai trung tâm tu tịnh là Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung mà thôi. Sau đó, Đức Ngài còn cho “12 bài tập khí công đạo dẫn”, Phương Luyện Kỷ để chuẩn bị hành trang cho người môn sinh nhập tịnh.

Các hoạt động sinh hoạt tu tịnh trong Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh khi Đức Hộ Pháp sanh tiền vẫn mỏng và yếu ớt. Điều đó không có nghĩa là quyền năng điển lực của Đạo không chứa bí pháp giải thoát mà là do trình độ chơn thần của người

tín đồ chưa đủ điều kiện để nhập tịnh. Hơn nữa, Đức Hộ Pháp chương quản Tam Giáo và nắm Bí Pháp và bày Pháp Giới Tận Độ chúng sanh, lẽ nào lại giấu giếm. Có chăng, hình thức tu tịnh là phương pháp rất rảo nhắt, đặc đạo tại thế, chơn thần có thể hội diện quyền năng thiêng liêng, du xuất chơn thần khi còn sống. Điều đó, không phải dễ dàng bao giờ nếu người tín đồ chưa đủ công nghiệp, phước đức tạo lập.

Ở một mặt khác, con đường giải thoát theo lối tu tắt là pháp môn dễ gây ngộ nhận cho đại đa số, Đức Ngài rất dè dặt và cân nhắc, hoạt động Bí Pháp của Đức Ngài vẫn hằng diễn ra trong các tổ chức sinh hoạt của Hội Thánh và những người đã gần gũi Đức Ngài. Nên khó có ai biết Đức Ngài đã truyền pháp cho ai, những người thọ lãnh cũng im bất giữa các hoạt động sinh hoạt cúng kiếng, công quả thường hằng.

Nhìn nhận vấn đề tu tịnh của Đại Đạo Tam Kỳ-Tòa Thánh Tây Ninh trên một bình diện khác, chúng ta biết rằng Thể Pháp Đạo là hình trạng sinh hoạt có tổ chức nề nếp của Hội Thánh và toàn thể tín đồ. Ngược lại, Bí Pháp Đạo là quyền năng diễn lực giải thoát cho chúng sanh đủ điều kiện, trong khi Đức Hộ Pháp thay Đức Chí Tôn xuống thế trần thủ Pháp Giới tận độ chúng sanh, nên Đức Hộ Pháp vốn đã đến để thúc đẩy con người vào nường dựa vào Thể Pháp rồi mới truyền Bí Pháp tận độ. Hai mặt Thể Pháp và Bí Pháp luôn song đôi mà Thánh Thể của Đức Chí Tôn có trách nhiệm thi hành hai điều này cùng một lúc mới trọn sứ mạng phổ độ chúng sanh.

Chúng ta hoàn toàn gạt bỏ khái niệm hai con đường bị chia cắt. Chơn truyền của Đức Chí Tôn là lập Thánh Thể để thay Ngài phổ độ chúng sanh. Phổ độ nghĩa là làm sao thúc đẩy chúng sanh tu hành đoạt pháp. Thể Pháp và Bí Pháp vốn là hai mặt của một thực thể, tuyệt nhiên Đức Chí Tôn không có giao Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ Tòa Thánh Tây Ninh chỉ làm môi giới phổ độ, rồi giao Bí Pháp giải thoát, tức là Tu Tịnh cho bất cứ một tổ chức nào khác.

Còn nhớ Đức Hộ Pháp đã tuyên ngôn nhân ngày trấn pháp Thiên Hỷ Động-Trí Huệ Cung:

“Hộ Pháp đến kỳ Long Hoa này cốt để rước Cửu nhị ức Nguyên Nhân là bạn chí thân của Người đã bị đọa lạc nơi hồng trần không phương giải thoát, muốn rước các bạn chí thân của Bàn Đạo, Đức Chí Tôn buộc phải lấy Pháp Giới tận độ chúng sanh. Hôm nay là ngày mở cửa Thiêng Liêng và đưa nơi tay các Đấng Nguyên Nhân ấy là một quyền năng đặng tự giải thoát lấy mình hai món Bí Pháp ấy là: Long Tu Phiến của Đức Cao Thượng Phẩm để lại. Kim Tiên của Bàn Đạo. Hiệp với ba vòng Vô Vi, tức nhiên Diệu Quang Tam Giáo hay là hình trạng Càn Khôn Vô Trụ, mà đó cũng là tượng ảnh Huệ Quang Khiếu của chúng ta đó vậy” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.3 bài 43].

Vì vậy, Thẻ Pháp của Đạo Cao Đài là hình trạng của Hội Thánh để phổ thông chơn đạo, đưa người Cao Đài dần dần nhiễm mùi đạo, thực hiện các phương châm tu hành theo áo mão, phẩm tước để phụng hiến cho Đạo và nhơn sanh, hầu tạo ra công đức. Còn Bí Pháp của Đại Đạo là con đường tiếp diễn sau khi con người lấy công trừ tội, rửa oan khiên, tiền nghiệp, chơn thân nhẹ nhàng, trong sạch đủ để Hội Thánh có thể truyền Bí Pháp tu tịnh, ấy là Bí Pháp tu chơn trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ được Tân Luật ban hành khoa tịnh luyện, được quyền năng Bát Quái Đài chuẩn phê trước khi ban hành chính thức.

5. Ba con đường trở về với Đức Chí Tôn.

**** Con đường thứ nhất.***

Đây là đường đi cho chức sắc Cửu Trùng Đài và các chức sắc tiêu cấp của Hiệp Thiên Đài dĩ chí cho đến tín đồ thấp nhất. Con đường này dựa vào nguyên tắc, đức tin, nương áo mão hữu hình làm phương tiện lập công bồi âm chất, tương công chiết tội, phụng sự đạo và nhơn sanh để khi thoát xác được trở về hội diện với Đức Chí Tôn. Tùy theo sở năng và sự cống hiến cho Đạo mà được thăng phẩm tương xứng. Các phẩm của Cửu Trùng Đài gồm từ tín đồ cho đến phẩm Giáo Tông, các vị trí này gồm Cửu Phẩm: Địa Thần, Nhơn Thần, Thiên Thần, Địa Thánh, Nhơn Thánh, Thiên Thánh, Địa Tiên, Nhơn Tiên, Thiên Tiên.

Các hoạt động tôn giáo như lễ Khai Đạo, Tuyên Ngôn Khai Đạo và Bộ Tân Luật do Hội Thánh lập, được Bát Quái Đài chuẩn phê, cùng với Pháp Chánh Truyền là Hiến Pháp Đại Đạo là cơ sở quan trọng để tổ chức và hoàn thành một Hội Thánh có Pháp Luật. Từ đó, Hội Thánh Đại Đạo dựa vào đó để thi hành các chương trình phổ độ nhơn sanh.

Cũng phải nói thêm rằng các phẩm cấp hữu hình nương quyền Đạo đã lập ra theo Pháp Chánh Truyền dấu Thiên Phong cũng chỉ là phương tiện, tượng trưng cho sự đổi phẩm với Thiên vị mà thôi. Đạo Luật dĩ nhiên buộc các phẩm ấy phải có những trách nhiệm nhất định và hoàn toàn thi hành trọn vẹn thiên chức của mình thì khi bỏ xác, mới xứng vị được Thiên Phong.

Tuy nhiên, Pháp Chánh Truyền là một bộ luật do Đức Chí Tôn và Đức Lý giảng lập, định có một Giáo Tông, ba Chương Pháp, ba Đầu Sư, ba mươi sáu Phối Sư, bảy mươi hai Giáo Sư, ba ngàn Giáo Hữu. Sự hạn hẹp trên không được tăng hay giảm, cho chúng ta thấy để được Thiên Phong như vậy, đòi hỏi người Chức Sắc phải làm sao xứng đáng. Thế nên, phẩm hữu hình có thể nói theo tính cách giả tạm. Tuy nhiên, người đã được Thiên Phong đã tỏ rõ đã được xứng đáng phần nào mới được Bát Quái Đài thọ Thiên Phong. Việc còn lại, người thọ phong phải nương theo quyền đạo mà trọn thực thi vai trò cho chánh tâm, trau dồi, tu tập để chơn thân trong sạch, bỏ xác xứng đáng “đổi phẩm” thiêng liêng vị.

“Người ở thế này muốn giàu phải kiếm phương thế làm ra của cải. Ấy là phần xác thịt. Còn Thần, Thánh, Tiên, Phật muốn cho đắc Đạo phải có công quả... Đạo vẫn như nhiên do công đức mà đăng đắc Đạo cùng chẳng đăng” [TNHT].

Do đó, công quả và công đức là những tiêu chí cơ bản trong con đường thứ nhất này để phù hợp với luật tu “như nhiên”. Chơn thần phải chơn khiết và sửa lòng trong sạch mới xứng đáng địa vị. Khi thoát xác, được hội diện quyền năng điện lực Thiêng Liêng, tức là đắc đạo.

*** Con đường thứ hai.**

Đây là con đường của Thập Nhị Đẳng Cấp Thiêng Liêng thuộc Hội Thánh Phước Thiện, được tính từ Minh Đức, Tân Dân, Thính Thiện, Hành Thiện, Giáo Thiện, Chơn Nhơn, Chí Thiện, Đạo Nhơn, Chơn Nhơn, Hiền Nhơn, Thánh Nhơn, Tiên Tử, Phật Tử. Các phẩm cấp này sẽ tùy theo sở hành, hạnh đức, công nghiệp mà được phong tuyền để thi hành cơ quan cứu thế của Đức Chí Tôn dầu thuộc bất kể cơ quan nào trong Đạo. Vừa phải nuôi Đạo, vừa phải độ Đời, nghĩa là vừa tạo của cải trợ đời, tế nghèo để vừa nuôi Đạo, vừa lo cho Đời được ấm no.

Hội Thánh đã quy định đời với những người ngoại giáo có công nghiệp muốn vào trường này, tùy theo công nghiệp đã tạo dựng mà phong vào hàng phẩm từ Minh Đức cho tới Chơn Nhơn. Còn các phẩm Hiền Nhơn cho tới Phật Tử phải được cơ bút Thiêng Liêng chấm phong và các phẩm này nắm quyền cùng Hội Thánh Đại Đạo để bảo tồn chơn pháp của Đức Chí Tôn. Con đường này cũng như con đường thứ nhất, nghĩa là nương vào đạo quyền mà tu sửa thân tâm, phụng sự nền Đạo theo luật đã định, thoát xác sẽ được đoạt đạo tùy theo công nghiệp đã làm khi còn tại mặt thế.

Có thể thấy rằng, con đường thứ nhất và thứ hai là con đường dễ dàng dễ bị phạm tâm lôi kéo, dựa vào quyền năng phẩm vị mà chạy theo “ảo ảnh” trong sinh hoạt tôn giáo. Điều ấy hằng diễn ra trong lịch sử Đạo Cao Đài, làm biến tướng và sai lệch so với chơn pháp của Đức Chí Tôn, làm sai lệch so với Tân Luật và Pháp Chánh Truyền, gây nên giục loạn, rối loạn quyền đạo. Nên, hai con đường này đòi hỏi người Cao Đài phải từng chơn luật, thực hành Luật Thương Yêu, Quyền Công Chánh, vị tha, nhân ái, tự trị bản tâm phù hợp với Thiên Lương mà vẹn toàn thiên chức của mình.

*** Con đường thứ ba.**

Con đường thứ ba mang tính đặc sắc và nhiều bí nhiệm hơn, khác hai con đường trên. Nếu hai con đường đầu nương đạo quyền, nương theo ảo mảo và khi thoát xác trở về với Đức Chí Tôn thì con đường thứ ba là con đường tu chơn, hoàn toàn không dụng ảo mảo, phẩm tước. Tu chơn là tu sửa con người không còn ham muốn điều chi, chỉ tập trung vào luyện lòng, sửa tánh cho ra chơn chánh, thiện

luong, lo lập công, lập đức, lập ngôn, tức là Tam Lập cho đến khi đủ điều kiện thọ truyền bửu pháp tu đơn, tham thiên, nhập định, xuất chơn thần khi còn mang xác thân, tức là đạt đạo.

Hai con đường cũng bị cám dỗ vì quyền đạo, vi phạm đến chơn pháp, ảnh hưởng đến đời sống tiến tu cá nhân mà còn làm ảnh hưởng đến tổ chức Giáo Hội. Con đường thứ ba cũng có những thử thách nhất định vì tâm thức tu tịnh sẽ có những hiện tượng ảo giác vô cùng tinh vi mà con người khó biết dạng.

“Muốn đi con đường thứ ba phải tập mình đừng ham muốn chi cho mình nữa, hành tàng của Chí Tôn là phận sự của mình, phải yêu ái hiếu hạnh cùng Chí Tôn và Phật Mẫu. Cái yêu ái và hiếu hạnh ấy phải là phi thường do tâm linh điều khiển, phải thương yêu hơn sanh và vật loại hơn mình và coi đồng thể, đồng sanh với mình. Phải tạo dựng cố thủ Thánh tâm cho nên Chí Thánh, và đạt cho đủ ba ngàn công quả thì sẽ đi đến, lướt đặng và vững vàng thắng muôn điều trở ngại” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 1].

Năm 1946 [Định Hối], Đức Phạm Hộ Pháp ban hành *“phương luyện kỹ đặng vào con đường thứ ba của Đại Đạo”* để toàn đạo chiêm nghiệm, thực hành khắc kỷ tu chơn cho ra chí cực thiện mỹ. Đức Ngài dạy phải thân thích cùng cả nhơn vật, ân hậu, khoan hồng, không vị kỷ, bình tĩnh, độ lượng, tha thứ, vui vẻ, điều hòa, tự chủ, quyết đoán, giữ đức tin khôn ngoan như kho chí bửu, hiếu hạnh với Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, không cố chấp oán thù, trung dung, điều tiết thất tình, dùng thiện trừ ác, tư tưởng và ẩm thực phải thanh khiết.

Con đường thứ ba là con đường rút ráo, tìm cách định trí, khai thần để có thể diện kiến với quyền năng thiêng liêng khi còn sống. Nếu con đường thứ nhất và thứ hai được đánh giá mức độ tu hành cao thấp qua quá trình hành đạo thì con đường thứ ba căn cứ vào mức độ tinh tấn của chơn thần bất luận già trẻ, theo đạo lâu hay mau. Trên chiều hướng đó, người tín đồ Cao Đài vẫn khao khát tìm về bản ngã chơn như, mong được hội kiến cùng quyền năng diễn lực của Thượng Đế, ngày đêm tịnh tu. Tuy nhiên, rất nhiều người lâm lạc trong khái niệm về con đường này. Nếu có chơn sự cân thần, truyền dạy bí pháp tu đơn thì mới mong đạt kết quả như mong đợi. Con đường tu luyện này dụng năng lực sống nội tâm, làm chuyển hóa theo tiến trình Tinh-Khí-Thần hiệp nhất.

Sự ngộ nhận về màu sắc chứng nghiệm trong con đường thứ ba là một mặt của vấn đề cần mổ sẻ. Mặt khác, yếu tố quyết định để có thể bước vào con đường thứ 3 là công quả. Ngay từ năm 1927, Đức Chí Tôn đã cho hay rằng:

“Thầy nói cho các con biết nếu công quả chưa đủ, nhân sự chưa xong thì không thể nào các con luyện thành đặng đâu mà mong. Vậy muốn đắc quả thì chỉ có một điều là phổ độ chúng sanh mà thôi. Như không làm đặng thế này thì tìm

cách khác mà làm âm chất thì cái công phu tu luyện chẳng bao nhiêu cũng có thể đạt địa vị tối cao” [TNHT-1927].

Lời dạy ấy có ai dám chối là giả? Đức Hộ Pháp lại ban hành Phương Luyện Kỷ Đăng Vào Con Đường Thứ Ba Của Đại Đạo vào năm 1947 và xác quyết phải tròn Tam Lập, Lập Công, Lập Đức, Lập Ngôn mới có thể hội đủ điều kiện môn men vào con đường tu chơn. Đức Hộ Pháp là ai? Có sứ tác động gì đối với nguồn sống chơn thần của chúng ta? Đức Chí Tôn cho biết:

“Chơn Thần là nhị xác thân các con, là khí chất nó bao bọc thân thể các con như khuôn bọc vậ nơi trung tâm của nó là óc nơi cửa xuất nhập của nó là mỏ ác gọi tiếng chữ là Vi Hộ nơi ấy Hộ Pháp hằng đứng mà gìn giữ chơn linh các con khi luyện thành Đạo”.

Phận sự vô cùng đặc biệt của Phạm Hộ Pháp là nâng đỡ, khai khiếu chơn thần chúng sanh tự giải thoát. Quyền năng diễn lược của chơn thần không khi nào chịu dưới quyền kềm nén của áo mão và hình tướng. Hễ chơn thần đủ minh triết thánh thiện thì siêu phàm nhập thánh vì pháp quyền thiêng liêng không hề thay đổi đặng. Đức Hộ Pháp có nhiệm vụ che chở, hỗ trợ thiên biến vạn hóa trong cõi vô hình đưa đẩy chơn thần hòa vào dòng diễn lược vô vi một khi chơn thần đủ minh triết.

Tóm lại, con đường thứ ba của Đại Đạo cũng giống như hai con đường kia, đều đòi hỏi Tam Công vẹn toàn. Khi đủ, thì *“Bản Đạo trực Chơn Thần của họ cho hội diện cùng quyền năng Thiêng Liêng nếu có đủ Tam lập thì vô không đủ thì ra...”*. Sự đặc đạo tương tự như hai con đường kia, duy chỉ khác có thể xuất thần diện kiến quyền năng thiêng liêng khi còn sống nếu chơn thần đủ thánh thiện, chơn khiết.

*** Nhận định chung.**

Đức Chí Tôn khai cơ ân xá kỳ ba, ban pháp giới tận độ chúng sanh và để cho con cái rộng quyền chọn lựa phương pháp nào thích hợp với đời sống của mỗi người môn đệ. Dầu con đường nào và giai đoạn nhanh hay chậm, con đường đó buộc chúng ta phải có công đức dựa vào phụng sự Chánh Giáo và phụng sự vạn linh. Mục tiêu của con người là đặc đạo, trở về với Đức Chí Tôn, chớ không phải con đường nào hay hơn con đường nào.

Vả chẳng, nếu công quả chưa xong, tâm chưa sạch, chơn thần chưa thanh khiết, không có chơn sư truyền dạy bí pháp thì những hiện tượng khó lường xảy ra khi tham thiền, nhập định. Người tín đồ Cao Đài không thể nhầm lẫn phương pháp, con đường và mục tiêu chính yếu của mình.

Người ta sẽ có những hoài cổ và đưa ra một câu tự vấn đối với con đường thứ ba của Đại Đạo sẽ như thế nào, việc tu luyện, điều dưỡng thân tâm, truyền

thần, xuất thần, tham thiền, nhập định khi Đức Hộ Pháp không còn hiện hữu bằng xác thân để chính Ngài tác động vào đời sống tu chơn.

6. Vấn đề trường dưỡng Tinh-Khí-Thần.

Đức Chí Tôn đã dạy:

“Cái xác vô hình huyền diệu Thiêng Liêng này do nơi Tinh, Khí, Thần mà luyện thành...Nó phải có bốn nguyên Chí Thánh, Chí Tiên, Chí Phật mới xuất ra Thánh, Tiên, Phật” [TNHT].

Trời nhờ có Tam Bửu là Nhứt-Nguyệt-Tinh mà dưỡng dục muôn loài, vận chuyển càn khôn vạn vật. Đất có ba món báu là Thủy-Hỏa-Phong mà giúp mưa thuận gió hòa, nuôi dưỡng có cây vạn loại, phân tiết xuân, hạ, thu, đông. Con người nhờ có Tinh-Khí-Thần, là ba món báu của con người hình thành sự sống nên ngôn ngạn hơn vật. Nếu thuận thiên lý, tu hành đúng chơn pháp thì tạo thành cái xác huyền diệu thiêng liêng do nơi Tinh-Khí-Thần hiệp nhứt mà bất tiêu, bất diệt, trở về bốn nguyên chí Thánh, vượt ra vòng tam giới, thoát khỏi vòng sinh tử luân hồi.

*** Tinh-Độ Nhứt xác thân.**

Tinh là nhục thể, là độ nhứt xác thân, được cấu tạo bởi máu huyết, tế bào và lục phủ ngũ tạng, nó là vật chất khí cấu tạo nên. Thân thể muốn được tráng kiện phải hấp thu vật thực vào để nuôi sống các tế bào và máu huyết luân lưu, nuôi sống mọi cơ quan của thân. Khi vật thực được tiếp vào cơ thể, các cơ quan thực hiện mới tinh lọc và đào thải những thức cặn bã, còn lại là bốn tinh giúp cho sự sống duy trì. Nếu người lao tâm, lao lực, ăn chơi trác tách, không biết giữ cho sự sống thuần chơn thì thể xác phải hao mòn, làm cho khí phải hao, thần tổn. Con người muốn có sự sống tươi thắm và thanh sạch phải dựa vào đời sống chay lạc và con đường sinh hoạt trong nguồn đạo đức, thánh lương.

Độ Nhứt Xác Thân là một trong những yếu tố đưa con người vào cõi phong độ hoặc trở về con đường vĩnh sanh thiêng liêng hằng sống. Cũng chính bởi cái tham luyến của thể xác mà chịu nhiều oan khiên tạo thành những cảnh tàn sát chiến tranh đau thương, máu lệ. Nếu cái sống của thể xác vô độ, tồi tàn và đi nghịch lại dòng tiến hóa thì ảnh hưởng đến chơn thần bị trọng trược và phải chịu thúc phược dưới vòng nghiệp quả trả vay, tái luân khổ ải. Thế nên, xác thân này phải được nghe lời tiếng nói của thánh tâm. Sự thắng hay đọa, dựa vào hai hành tàng đối với:

- Lập trường và hành tàng sống đối với nhân loại.
- Lập trường và lòng tin ngưỡng, thực thi đối với cơ quan vận chuyển của Đức Chí Tôn và các Đấng Thiêng Liêng.

*** Khí-Chơn Thần-Độ Nhị xác thân.**

Khí tức là Chơn Thần, tức là đệ nhị xác thân do Đức Phật Mẫu. Đức Mẹ dùng hậu thiên khí mà tạo thành hình hài này, nên nó do tinh ba của vật chất khí tạo nên dĩ chí từ phẩm Địa Thần đến Thiên Thần. Còn đối với bậc Thánh trở lên, phải do nguyên khí từ chơn linh hòa hợp mới tạo thành phẩm vị ấy. Xưa kia, các nền tôn giáo vẫn gọi đó là phách hay vía, và chất lọc từ tinh ba của vật thực sẽ nuôi sống khối sanh này.

Đức Phật Mẫu là Mẹ sanh của Chơn Thần nên Ngài có tình thương yêu, bảo bọc sự sống của Chơn Thần, Đức Ngài từng mạng lệnh Đức Chí Tôn mà cầm quyền phép hườn hư Chơn Thần cho con người đạt kiếp vĩnh sanh nơi cửa Hư Linh kia.

“Các bạn có biết Phật Mẫu là ai? Ngài dùng bảy nguyên khí tạo chơn thần ta, tức nhiên tạo phách ta. Nhà Phật gọi là thất phách. Kỳ thật khí phách ấy làm chơn thần, tức là nhị xác thân chúng ta, khi chúng ta bỏ xác trần, xác Thiêng Liêng ấy vẫn còn tồn tại” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.2 bài 46].

Tánh tức là chơn tướng của Chơn Thần. Tánh lại biểu hiệu cho tâm tức là Chơn Linh. Vì vậy, sự liên thông mật thiết đi từ Tinh-Khí-Thần rất trọng hệ. Nếu Chơn Thần không trọn vẹn thanh khiết để hiệp đồng cùng Chơn Linh, sự hiệp hòa không được mà vẫn trì trệ, không tiến bộ, chịu dưới quyền của vật chất khí, không đạt phép vĩnh sanh.

Chơn Thần làm trung gian giữa Đệ Nhứt xác thân và Đệ Tam xác thân. Nếu lấy lương năng, Chơn Thần bảo thủ sự sống hình thể. Nếu lấy lương tri, Chơn Thần nuôi lấy Chơn Linh bằng đạo đức thánh thiện. Cho nên Chơn Thần tức là cái trí khôn ngoan nơi mình vừa bảo trọng sự sống, vừa làm sao đoạt phép vĩnh sanh tương liên cùng Chơn Linh.

Chơn Thần muốn trong sạch, con người phải có đời sống nhân bản, lấy tình ái vật đối đãi, lập công, bồi đức, ý nghĩ thiện lành hợp với thiên lương, thánh chất, gạt bỏ phàm tâm, chế ngự thất tình, lục dục, tô điểm đời sống vào khuôn phép của “cách vật trí tri” để tạo lấy vật thực bảo trọng thân thể, nuôi Chơn Thần cho thăng hoa, để tấn hóa trên con đường hội diện với điển khí Chơn Linh.

*** Thần-Chơn Linh-Đệ Tam xác thân.**

Thần là Chơn Linh tức là Đệ Tam xác thân của con người. Lẽ sống của con người trường tồn là do ba năng lực tam thể cộng gộp. Chơn Linh là một điển quang của Đức Chí Tôn ban phát nên có một quyền năng vô đoán, là nhất điểm linh quang của Thượng Đế chiết ra. Cái sống đến ngày giờ theo luật thiên nhiên nhân quả định, cái sống của hai năng lực Đệ Nhị và Đệ Tam thì con người chết. Nhục thể trả về cát bụi.

Tâm là chơn tướng của Chơn Linh mà Chơn Linh thuộc Tiên Thiên Khí. Tánh lại là chơn tướng của Chơn Thần vì vậy, sự quan hệ rất chặt chẽ trong bí pháp mẫu nhiệm của cơ tạo đoan.

“Trong tâm mình như thế nào xuất tánh ra y như vậy. Nhà Nho thấy hiện tượng mà đặt tên, còn Chí Tôn chỉ rõ cho biết: Chơn thần cũng tấn bộ như chơn linh. Mỗi cá nhân đều có hai năng lực ấy có đủ quyền năng đào tạo ra hình hài xác thịt của ta. Một chơn linh cao trọng tự nhiên có một chơn thần cao trọng, bởi cả hai vẫn đi đôi đồng đường với nhau, cùng tấn triển trong con đường Thánh đức của Chí Tôn, cả hai có liên quan mật thiết” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Kiếp sống con người là giả mộng, lẽ sống của thân thể chỉ tồn tại trong mấy chục năm rồi tàn lụi theo vết thời gian. Cái thiên lương tức là Linh Hồn mới là hằng sống, bất tiêu, bất diệt và nhập vào cõi hằng sống, tức là trở về nguồn cội đã ra đi. Chơn Linh là sự sống do Đấng Chí Linh sản sinh ra, nên nó có một quyền tối trọng, tấn hóa mãi mãi, không cùng tận. Vì vậy, sự thăng đoạ của Chơn Linh cũng phải do một phần của Chơn Thần. Nếu Chơn Thần không nghe lời Chơn Linh mà hiệp cùng thể xác, sống với giác tánh thì con người sẽ trầm luân, vô nhân, bất đạo, đoạ lạc, siêu lạc ở miền địa giới khổ đau. Nếu Chơn Thần vừa bảo trọng Độ Nhất xác thân, vừa hiệp với cái Huệ của Chơn Linh thì con người đủ Huệ Trí mà làm một con người đủ tánh chất, điều độ đời sống đạo đức với nhơn sanh và tín ngưỡng mạnh mẽ nơi nguồn cội Thiêng Liêng.

*** Nhận định.**

Tinh-Khí-Thần đều có chức năng và sở dụng riêng của nó. Nếu biết điều dưỡng Tam Thể cho trọn trong sạch, sống với thánh chất, gạt bỏ khỏi phàm tâm, lấy bác ái-từ bi-trí huệ làm ngọn đèn soi sáng để thực hiện hai tiêu điểm quan trọng “sống đối với nhơn quần xã hội” và “tín ngưỡng mạnh mẽ nơi Đấng Chí Linh” thì đó là con người đã thực hiện giá trị thiết phận của “quy y Tam Bảo”. Mỗi quan hệ của tam thể xác thân rất trọng hệ, nếu biết gìn giữ và trường dưỡng theo khuôn luật Đại Đạo mà Đức Chí Tôn bày pháp giới tại thế, có điều chỉ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu hạp lượng để cho con cái Người thọ hưởng nguồn diệu pháp. Huống hồ ngày nay, Đức Chí Tôn đã mở cơ tận độ, đóng địa ngục, mở tầng thiên cho con cái Người đoạt vị, thủ hườn phép vĩnh sanh. Đức Chí Tôn đã tuyên ngôn, Thầy đến để cho con người hiệp tam thể.

“Thầy đến đặng hườn nguyên Chơn-Thần cho các con đặng đắc Đạo” [TNHT, Q.1].

Tam Bửu Tinh-Khí-Thần của con người lại được tượng trưng bởi Hoa-Rượu-Trà. Cái sắc thắm tươi xanh của hoa tượng trưng cho thể xác con người tức là Tinh. Cái cái mạnh mẽ của rượu tượng cho Khí, là Chơn Thần. Trà là loại thức uống mà theo quan niệm xưa, đợt trà khi hái xuống đã tiếp được nguồn dương khí

của Trời, nên tượng cho Thần, tức là Chơn Linh. Đức Chí Tôn buộc con cái của Ngài phải “dâng tam bửu”, tức là trọn dâng ba thể ấy cho Người tùy nghi sử dụng. Đó là một thể pháp của đạo, cũng là bí pháp giải thoát, một chìa khóa tâm linh mà Đức Thượng Đế trao nơi tay con người để định sự siêu sanh hằng sống.

Vì thế, chúng ta phải trân quý và trường dưỡng tam thể xác thân, xứng đáng để dâng ba món báu ấy cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu. Nếu thể xác không trong sạch, hàng ngày tiếp những vật thực mặn đầy trược chất, gây lấm tội lỗi, bất nhân, bất nghĩa, bất trung, bất hiếu, bất tín, tư tưởng vướng trong vòng tội tở của thất tình, lục dục chứa đầy phàm chất, trí không thông, huệ không mong tới thì việc dâng Tam Bửu kia cũng trở nên vô giá trị trước tình thương yêu của hai Đấng Chí Linh.

7. Con đường thiêng liêng hằng sống.

“Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống” là quyển sách do Đức Hộ Pháp viết và Ban Túc Ký ghi lời tựa có đoạn:

“Con Đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống” là một quyển tài-liệu đầu tiên nêu rõ vấn đề siêu-hình mà từ xưa tới nay chưa có một bộ sách nào diễn tả được tận cùng chơn-lý.

Quyển tài-liệu này không những là một ánh đuốc soi đường cho người học Đạo, mà còn là một tài-liệu chép lại đầy-đủ những cuộc đối-thoại giữa các chơn-linh cao siêu nhưng thiếu đạo-đức với các Đấng Trọn-Lành nơi cảnh Thiêng-Liêng Hằng-Sống. Ngoài ra, tài-liệu này có thể được xem là một biểu-đồ ghi rõ sự biến-thiên về cả tính cùng trình-độ tiến-hóa của con người qua không gian và thời gian”.

Hơn nữa, theo Đức Hộ Pháp thuyết, con đường thiêng liêng hằng sống theo chơn pháp của Đức Chí Tôn là con đường mà các đấng chơn hồn thoát xác, trở vào lòng của Đức Chí Tôn để định vị hoặc thăng giáng. Quyển sách do chính Đức Hộ Pháp thuyết và Ban Túc đã tích góp kỹ lưỡng để làm một cẩm nang cho toàn thể con cái của Đức Chí Tôn, lưu truyền vạn đại trong kho tàng tâm linh thuộc cảnh giới siêu hình mà chính Đức Hộ Pháp đã châu kiến, hội diện, đi từng cung, từng cảnh.

“Con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống là gì? Nếu hiểu theo Chơn-Pháp của Đức Chí-Tôn thì con đường Thiêng-Liêng Hằng-Sống là: Con đường dành cho các chơn-hồn khi thoát xác, rồi quay về với Đức Chí-Tôn để được định vị, thăng hay hạ” [Thuyết Đạo của ĐHP, bài 1 về CDTLHS].

Cụm từ “con đường thiêng liêng hằng sống” đã trở thành một thuật ngữ thông dụng trong cửa Đạo. Có lẽ khi học lời dạy của Đức Hộ Pháp, không sao tránh khỏi những sự ngộ nhận khi chỉ đọc thoáng qua. Bằng một danh từ chứa

đựng hai chữ “thiên liêng”, người ta hiểu ngay là chơn hồn đã được hội kiến cảnh giới vô hình và đạt kiếp vĩnh sanh nhờ vào hai chữ “hằng sống” trong danh từ đó. Chúng ta quay ngược lại phân tích định nghĩa của Đức Hộ Pháp, Đức Ngài nói các chơn hồn quay về với Đức Chí Tôn được định vị, thăng hay đọa. Ngài còn nói thêm “*Nhưng nếu hiểu theo triết-lý nhà Phật, thì con đường Thiên-Liên Hằng-Sống là con đường của Luân-Hồi*”. Vì vậy, con đường thiên liêng hằng sống là chỉ trạng thái vĩnh sanh, hằng sống của các đẳng chơn hồn, được định vị thiên liêng thoát sinh tử luân hồi hoặc phải chịu đọa, tức là phải tái kiếp trong vòng luân hồi.

Từ khi Đức Chí Tôn hiện ngự và phân tánh, tạo lập căn khôn vũ trụ cùng vạn linh thì mọi vật từ tinh tú, địa cầu đều vận chuyển và thay đổi không ngừng, kể cả những vật thể vi tế bào cũng tiến hóa, sanh sôi, chết sống để thay đổi trạng thái mới. Còn người cũng theo luật ấy mà biến đổi theo dòng thời gian và không gian, học hiểu, tiến hóa không ngừng. Thế thì vạn vật luôn dịch biến và có thể tiêu hủy và thay đổi, thân thể cũng già và chết, tái sinh theo một hình thể mới. Linh Tánh của con người do Đức Chí Tôn phú ban vẫn luân chuyển theo kiếp sanh và học hỏi nên chưa hề đứng ở một trạng thái ngừng nghỉ vì khi đoạt pháp, thì sự tấn bộ và khôn ngoan chí thánh, sáng suốt vô cùng.

Nên con đường mà Đức Hộ Pháp muốn nói đến “hằng sống” là đang đề cập về nguồn Đạo Pháp bất biến, chân lý bất dịch và vĩnh tồn. Con người có tam thể xác thân, phải nương theo ánh Linh Quang của Đức Thượng Đế, phải nương vào giáo pháp ân xá trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ để về với Đức Chí Tôn. Sự trở lại bản nguyên nhờ vào sự tu học là chân lý, Thượng Đế là Đấng Chí Linh là chân lý. Không tu hành, không nương tựa vào pháp giới giải thoát thì phải chịu luân hồi nhân quả là chân lý. Do đó, con đường giựt tấn của các đẳng chúng sanh là một “con đường thiên liêng hằng sống”. Nếu bỏ xác phàm, chơn hồn được định vị thiên liêng tức là hằng sống. Ngược lại, nếu chết đi mà chơn hồn không đắc quả, phải tái kiếp trả quả hoặc tu hành tiếp tục, đó là lẽ hằng sống theo lời Đức Hộ Pháp dạy.

Theo biện chứng của Hiền Tài Nguyễn Long Thành, Ngài có biện chứng về lẽ hằng sống trong cõi thăng, lẽ hằng sống trong cõi đọa và lẽ hằng sống trong thế giới vật chất để minh chứng cái “hằng sống” mà Đức Chí Tôn ban phát trong Bát Hồn trong căn khôn. Dấu hiệu theo một địa hạt hay chiều hướng nào, “Con Đường Thiên Liêng Hằng Sống” của Đạo Cao Đài muốn minh tả là con đường giựt tiến, một hành trình tìm về chính mình, chính cái Ta tự hữu linh diệu, cái Ta của sự giải thoát khỏi những ràng buộc của thế gian tính mà đoạt cơ vĩnh sanh, hằng sống hòa hợp cùng ánh diệu quang Thái Cực mà Chí Đức Chí Tôn luôn luôn lập những mối đạo để đưa chúng sanh tu hành, xa lìa huyền mộng, trở về bến giác. Đó là nhiệm

màu và con đường tấn hóa thiêng liêng đạt sự hằng sống theo ước vọng của Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

Đạo Cao Đài ra đời, Đức Chí Tôn cho mở Hội Yến Diêu Trì Cung, ban pháp giới tận độ con cái Ngài. Đó cũng là vì tình thương của hai Đấng Đại Từ Bi mong muốn chúng sanh quy hồi cửa “Phạm”, tô vẽ và chạm khắc dấu chân của môn đệ Cao Đài hầu giục tấn không ngừng trên con đường thiêng liêng hằng sống để đạt được “hằng sống”.

8. Phật Giáo trong học thuyết Cao Đài.

Đức Chí Tôn là Đấng Thượng Hoàng, luôn phủ phước và ban ân điển cũng như hằng khát khao con người có thể thức tỉnh tự tu để lìa xa bể khổ. Nhưng điều đó có lẽ hoàn toàn không khả thi nên Đức Chí Tôn mới giảng ban nhiều Đạo Giáo ở địa hoàn này hầu cứu vớt lên thuyền Bát Nhã. Trên dòng tấn hóa của nhân loại, Phật Giáo đã ra đời trong nhứt kỳ phổ độ và nhị kỳ phổ độ, cùng với những vị Phật khác đang âm thầm hóa độ suốt hành trình tu học và tấn hóa của con người.

Các học thuyết phổ rộng hoặc âm thầm không được nhắc tới là những bài toán khổ của nhân gian, đó đều coi là Đạo vì đó là phương sách cho chúng sanh, đăng đìu dắt chúng sanh khỏi bước đường gay trở với mục đích và định chuẩn phương pháp kẻ trước người sau nương Pháp Tạo Đoan mà tu tiến, đạt cơ vĩnh sanh.

Đức Hộ Pháp giảng chữ khổ là đề mục của khoa trường đời và các phẩm vị thiêng liêng Thần, Thánh, Tiên, Phật là ngôi vị dành cho trang đặc cử. Nên các bậc Giáo Chủ và các Đấng trọn lành lặng lẽ truyền rao học thuyết cho nhơn loại hầu hóa giải bài thi khổ. Đức Hộ Pháp có minh giảng:

*“Phật, vì thương đời, mà tìm cơ giải khổ.
Tiên, vì thương đời, mà bày cơ thoát khổ.
Thánh, vì thương đời, mà dạy cơ thọ khổ.
Thần, vì thương đời, mà lập cơ thắng khổ.
Hiền, vì thương đời, mà đạt cơ từng khổ”.*

Những căn bản của Phật Giáo gần nhất của Nhị Kỳ chưa hề phai mờ và vô giá trị đối với người Cao Đài. Triết lý “từ bi-bác ái”, “trực chỉ nhân tâm, kiến tánh thành Phật”, “tu tâm luyện tánh” hay “bát chánh đạo” luôn thường được nhắc nhiều trong nhiều tôn chỉ của nền Đại Đạo. Hơn nữa, giáo pháp Phật Đạo là một nền triết lý có hạ thừa, trung thừa, thượng thừa và vô thượng thừa và đã độ được 6 ức Nguyên Nhân trở về cựu vị.

Cho nên, giáo pháp liễu chứng của Phật Gia rất cao thâm, quán triệt thật tướng của vạn pháp là vô tướng, chẳng chấp nhơn hay pháp, để tâm hồn thanh thoát, tự tại như lai bất động trong mọi hoàn cảnh. Các duyên sinh, duyên hợp trở

nên tự nhiên theo trình tự của tự nhiên chi phối, mọi khổ đau hay an lạc đều phát xuất từ ý niệm trong tâm con người. Sự chấp và buông xả sẽ tạo điều kiện cho an lạc hay phiền muộn biến sanh theo từng sát na của tâm thức. Một khi chấp, vô vàn khổ đau và nguyên nhân của chuỗi phiền não vì chấp trước, chấp sau. Người con của Phật là người nhận thấy rõ các pháp không phải là pháp, mọi thứ là vô thường.

Lại nữa, Tham-Sân-Si là Tam Độc, là nguyên nhân của khổ đau cùng cực. Nếu người con của Phật bỏ mê tâm giác, dùng tuệ nhãn cũng có thể là cho tam độc biến tan thành mây khói vì thật ra, tam độc chỉ là những cơn sóng rì rào cuộn tròn trong lòng của con người mà thôi, lấy cái huệ gươm với ánh sáng của gươm huệ thì hình bóng của tam độc lặn lẽ hóa hư vô. Quán tự tại là hiểu rõ chân pháp, thấy biết những việc lớn bên ngoài, nhỏ nhất trong ý niệm phát sinh từ đâu thì hóa giải nó bằng tuệ giác liễu chứng thật tánh của vạn hữu.

Đối với Đạo Cao, “*Ngọc Hư Cung bác luật, Lôì Âm Tự phá cổ*” nhưng đạo vẫn như nhiên mà thành tự. Đức Chí Tôn là Khởi Nguyên của vũ trụ, là Bản Lai tự hữu điều hành cơ vận chuyển càn khôn nên Đức Ngài biết làm gì cho phù hợp với thời đại của quả địa hoàn 68 này, nên Ngài đến hiệp Tam Giáo về một mối để không còn bất kỳ sự kỳ thị nào diễn ra trong tâm thức còn phàm tánh của nhơn loại.

Ngày nay, Đạo Cao Đài lấy biểu tượng Bình Bát Vu làm Cổ Pháp Đạo và thượng thờ Đức Thích Ca tượng trưng cho nền Phật Giáo để thấy cái oai nghiêm và những giá trị của Phật Giáo đã đóng góp trên con đường giết tẩn Thiêng Liêng Hằng Sống của Đức Chí Tôn. Hình tượng thì lấy Đức Thích Ca nhưng khi niệm danh xưng, niệm Đức Nhiên Đăng và còn coi Đạo Cao Đài là “Phật Giáo Chấn hưng” và tán tụng công đức bằng bài kinh Thích Giáo.

9. Tiên Giáo trong học thuyết Cao Đài.

“*Tiên vì thương đời mà bày cơ thoát khổ*” như Đức Hộ Pháp giảng. Tiên Đạo cũng như Phật Tông, cũng có vô vàn Đấng trọng lành bày cơ thoát khổ cho chúng sanh. Ngày nay, Tiên Đạo được thờ phụng bằng cách tượng trưng bằng ảnh Đức Lão Tử và bửu pháp Phát Trần.

Tiên Giáo dạy “tu tâm luyện tánh”. Đạo Cao Đài đã xây dựng các tịnh thất và bộ Tân Luật được Đức Chí Tôn và Đức Lý phê chuẩn trong công cuộc thể thiên hành hóa, phổ độ nhơn sanh. Đối với việc tu đơn theo truyền thống Lão Giáo, Đức Hộ Pháp đã nắm trọn thể pháp-bí pháp trong tay và thực hiện việc truyền pháp, cân thần, cho tham thiền nhập định, nội hàm tu dưỡng làm chuyển hóa Tinh-Khí-Thần đoạt phép hằng sanh.

Về nền Lão Học, đã để lại một kho tàng về vũ trụ quan đặc sắc. Khi Đức Lão Tử hiện diện, sự ra đời của Đạo Đức Kinh đã làm cho các nhà triết học lăm đổ

gian truân trong việc tìm tòi, nghiên cứu triết luật của Đức Ngài. Chỉ vồn vẹn độ trên dưới 15 trang với mà có hàng trăm học giả đeo đuổi, khảo luận về Đức Ngài cũng như triết thuyết về Đạo và Đức trong tác phẩm triết học.

“Đạo mà có thể diễn tả được thì không phải đạo vĩnh cửu bất biến. Tên mà có thể đặt ra để gọi nó thì không phải là tên vĩnh cửu bất biến” [Đức Lão Tử].

Những danh từ, những khái niệm và các thuộc tính Đức Ngài nêu trong Đạo Đức Kinh không phải dễ lãnh hội. Nếu lãnh hội được thì có lẽ không phải hao tốn bút mực thời đó và kéo dài cho đến giai đoạn lâu sau này. Nếu sau này, có người lãnh hội toàn diện, cũng không mấy ai có thể thấu đáo và thực hiện nếp sống như Ngài luận tả theo thuyết bình sinh, hòa đồng cùng vạn hữu, thù thắng trên tất cả các pháp đề đoạt nhiệm mâu tu đơn. Nền Lão Giáo đã đóng góp vào triết lý giải thoát cho chúng sanh. Đạo Cao Đài cho biết, nền Tiên Giáo này đã độ được 2 ức Nguyên Nhân quy hồi cựu vị.

Đạo Cao Đài ra đời, Đức Chí Tôn đã đến để đơn giản hóa các khái niệm cho con người dễ hình dung và dễ hiểu, rồi hành theo. Đạo pháp vốn vô biên như Đức Phật Thích Ca và Đức Lão Tử giảng nhưng vì cơ phổ độ, Đức Chí Tôn phải dụng những tính chất nhỏ, gần, dễ hiểu, từ đơn sơ cho tới huyền bí để tùy căn cơ, chủng tánh của mỗi người mà tu học. Đạo thì có một, bất sanh, bất diệt, từ không sinh ra có, có trở về không, đạo sinh vạn vật, vạn vật phải nương đạo để trở về bản lai. Đạo tức là tự nhiên, tự nhiên là Đạo vì ngoài Đạo ra, không có cái gì khác ngoài đạo. Sự hiện hữu của vạn chủng là biểu hiệu của đạo trong đó. Cho nên, Đại Đạo phải dung nạp mọi tư tưởng từ nhỏ đến lớn, từ đơn giản tới bí nhiệm vô vi cho nhơn sanh thấu hiểu tùy khả năng nơi mình. Đó mới gọi là Đại Đạo và cơ Ân Xá Phổ Độ của Đức Chí Tôn.

Thời kỳ giao chuyển, Đức Hộ Pháp đến theo sự phó thác của Đức Chí Tôn gây dựng mối đạo, đeo nơi mình Dây Sắc Lịnh biểu hiệu chương quản Tam Giáo trong tay thì các sinh hoạt Đạo Quyền nương áo mào đã tổ chức kiện toàn, Đức Hộ Pháp tiếp diễn con đường Bí Pháp Tu Chơn, mở cửa và bày pháp giới tận độ của Đức Chí Tôn tại mặt thế.

Lão Giáo được tôn sùng và phụng thờ Đức Lão Tử trong nghi thức và tán tụng công đức bằng bài kinh Tiên Giáo và cây Phất Chủ nằm trong cổ Pháp Tam Giáo của Đạo Cao Đài.

10. Nho Giáo trong học thuyết Cao Đài.

*** Đối với Khổng Học.**

“Thánh, vì thương đời mà dạy cơ thọ khổ” là hoạt động của nền Khổng Gia. Đức Khổng Tử ra đời nhằm thời chiến quốc, phân tranh vì quyền lợi, nghĩa dân tộc, tình quân-thần bị tha hóa. Nên, Đức Ngài đã cho ra đời Lục Kinh gồm kinh

Thi, kinh Thư, kinh Dịch, kinh Lễ, kinh Nhạc, kinh Xuân Thu để chấn chỉnh Nhơn Đạo của con người trong thời kỳ cấp bách của thời cuộc đòi hỏi. Đến khi học trò là Đức Mạnh Tử ra đời, học thuyết “Khổng Mạnh” đã gần như đi vào lòng dân tộc và chính đốn triều cang, các quan hệ trong Nhơn Đạo hoàn toàn được đề xướng và thực hiện đề cải hóa, lập lại trật tự trong xã hội loạn lạc.

Đạo của Ngài tượng cho Thánh Đạo trong Cao Đài và tán tụng công đức Ngài bằng bài kinh Nho Giáo. Đạo Cao Đài còn coi là “Nho Tông chuyển thế” vì lấy cái trọng điểm Nhạc-Lễ đi vào đời sống của người tín đồ Cao Đài. Tam Cang-Ngũ Thường, Tam Tùng-Tứ Đức vẫn được tô điểm cho nếp sống người tín đồ ngày nay, nó chưa hề bị phai nhạt bao giờ. Công đức của Đức Khổng Tử được xưng tụng trong bài kinh Nho Giáo và biểu hiệu kinh Xuân Thu nằm trong Cổ Pháp của Đạo Cao Đài.

*** Đối với Thánh Gia Tô.**

Đức Chúa Jesus ra đời để gánh “tội tổ tông” cho loài người mà đổ máu trên Thánh Giá, chịu tội thay cho chúng sanh. Nên cái vinh diệu lớn lao của Đức Chúa vẫn lan truyền khắp năm châu. Chuông nhà thờ vẫn đổ vang, hình ảnh dang đôi tay chịu tội của Đức Chúa vẫn hằng ghi trong tâm của nhơn loại.

*** Sơ luận.**

Tam Giáo Đạo trong Nhị Kỳ gần nhất đối với nhân loại ngày nay, nên xưng tụng và tán dương công đức và biểu thị các bửu pháp của Tam Giáo để thị hiện tính chất quy hiệp trong nền Đại Đạo.

Mỗi thời kỳ sẽ có một tôn giáo phù hợp với lương năng và lương tri cho loài người để đáp ứng kỳ vọng của con người, cũng như theo lòng phổ độ của Đức Chí Tôn. Hơn nữa, tính chất quy hiệp nhưng không đồng hóa trên nghi thức tổ chức sinh hoạt giáo hội, cũng như công năng và sử dụng của thể pháp của mỗi tôn giáo, vì Đạo Cao Đài đã có Tân Luật và Pháp Chánh Truyền làm Thiên Luật căn bản mực thước cho chúng sanh tiêm tu, giục tấn. Các Đấng Giáo Chủ hoặc các Đấng trọn lành đã thể thiên hành hóa và đã vẫn trở về hội hiệp cùng Đức Chí Tôn và điều hành guồng máy Tạo Đoan cho Đức Chí Tôn. Còn phương diện tín lý của Tam Giáo đã được Đại Đạo làm sáng lý và chuyển hóa thành một pháp môn tổng hợp dung hòa cho chúng sanh dễ bề phù hợp với triết lý tân kỳ phổ độ.

11. Hoạt động cân thân và truyền bí pháp.

▪ Khái quát.

Cân thân truyền bí pháp là một vấn đề đặc sắc trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ và là một đề tài rất khó để truyền tải nội hàm đúng nghĩa mà Đức Hộ Pháp đã thực hiện khi còn sinh tiền.

▪ **Bí pháp.**

Bí pháp là những điều huyền bí, mật nhiệm, những quy luật vô hình tác động đến sự thăng tiến của các chơn căn trên con đường thiêng liêng hằng sống, tức là những định luật bất dịch trong căn khôn vũ trụ. Bí pháp là các phương pháp hay cơ quan luyện đạo, chứa đựng huyền diệu nhằm thúc đẩy tiến trình tu tập của môn đồ, hầu giải thoát chúng sanh thoát vòng sinh tử luân hồi, đạt được phẩm vị thiêng liêng như Thần, Thánh, Tiên, Phật.

Danh từ cũng đã nói lên tính chất bí ẩn, và không được truyền thụ công khai ra ngoài từ thầy sang trò. Thầy chỉ tâm ấn cho những đệ tử có đủ duyên đạo, đủ hạnh đức và có sự tiến hóa chơn thần ở một mức độ cần thiết tối thiểu để lãnh ngộ bí pháp tinh luyện công phu thiêng liêng. Đây gọi là tâm pháp bí truyền hay khẩu thọ tâm truyền.

▪ **Ai là người nắm giữ Bí Pháp?**

Những năm đầu tiên của nền đạo Cao Đài hãy còn phôi thay, Đức Ngài Ngô Minh Chiêu là môn đệ yêu dấu của Đức Chí Tôn nên thánh giáo Đức Chí Tôn giảng:

“Chiêu là môn đệ yêu dấu của Thầy, nó có công tu luyện, Thầy lại dùng huyền diệu mà rồi nó trước các con” [Trích Đạo Sử của Bà Nữ Đầu Sư Hương Hiếu].

Như vậy, Đức Ngô Minh Chiêu là người môn đệ được thu nhận, giáo hóa trước tiên và được Đức Chí Tôn thiên phong phẩm Giáo Tông, làm anh cả của toàn thể chư môn đệ để thực hiện cơ phổ độ sau này.

Tuy nhiên, vì một lý do nào đó, Đức Ngô không nhận phẩm do cơ bút Đức Hộ Pháp và Thượng Phẩm Cao Quỳnh Cư phò loan, và đi theo con đường riêng theo chủ trương “Ngô thân bất độ, hà thân độ”. Kể từ ngày Đức Ngài không nhận phẩm trong khi đại phục Giáo Tông đã sẵn sàng, Đức Ngài đã chọn vạch lối đi tẻ ngắt, không hòa hợp với tam vị Phạm Công Tắc, Cao Quỳnh Cư, Cao Hoài Sang thực hiện cơ giáo hóa, phổ độ và lập Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ theo lời truyền dạy của Đức Chí Tôn.

Đối với Đức Ngài Thượng Trung Nhựt, từ khi được thiên phong và Đức Chí Tôn khai ngộ bằng huyền diệu trị bệnh, Ngài một lòng, một dạ chơn thành phục vụ chơn giáo, lo cơ phổ độ, bao quát cả đối nội lẫn đối ngoại của nền Đại Đạo, vương trôn trách phận.

Mặt khác, Ngài lại không vào tịnh thất thực hiện nếp sống sinh hoạt tu luyện vì Ngài vẫn cho rằng cơ đạo còn nghèo, lo phận sự phổ độ sanh chúng, hơn là chú trọng bí pháp công phu. Thực tế, sách liệu để lại, Ngài là một trong ba vị [Ngô

Minh Chiêu, Phạm Công Tắc, Thượng Trung Nhựt] có khả năng thông công với Đức Chí Tôn, được Đức Chí Tôn giảng tâm truyền dạy cách tinh tâm tu tập hàng ngày.

Đối với Ngài Phạm Công Tắc, Đức Phạm Hộ Pháp thuyết tại Đền Thánh:

“Nhớ lại từ khi Đức Chí Tôn chọn Bàn Đạo làm Hộ Pháp, dạy Bàn Đạo phò loan và chấp bút. Đặc biệt hơn hết là chấp bút vì nhờ chấp bút mà Bàn Đạo được Đức Chí Tôn dạy cách tham thiền. Khi biết tham thiền rồi mới nhập tịnh nhưng nhập tịnh không phải dễ, chỉ sai một tí, sót một chút là có thể hỏng cả cuộc đời. Nhập tịnh mà không tới thì bị hôn trầm tức là ngủ gục, còn nhập tịnh mà quá mức thì phải điên đi mà chớ. Nhập tịnh mà đúng rồi còn phải nhờ các Đấng Thiêng Liêng mở Huệ Quang Khiếu nữa mới xuất hồn ra được. Con đường mà Chơn Thần xuất ra rồi về với Đức Chí Tôn là con đường Thiêng Liêng hằng sống đó vậy. Chính Bàn Đạo được Đức Chí Tôn mở Huệ Quang Khiếu, nên mới về được hội kiến cùng Đức Chí Tôn và đã học hỏi được nơi Đức Chí Tôn nhiều điều bí yếu, bí trọng” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Buổi Thiên Phong đầu tiên do Đức Chí Tôn thực hiện, Đức Chí Tôn đã ân phong nhiều chức sắc cao cấp với các phẩm vị của Hiệp Thiên Đài và Cửu Trùng Đài. Riêng đối với Ngài Phạm Công Tắc được Đức Chí Tôn chọn làm Hộ Pháp, dạy phò loan chấp bút, tham thiền, nhập tịnh, học hỏi nhiều điều cao trọng bí mật vô vi. Buổi Thiên Phong Hộ Pháp Phạm Công Tắc mang tính chất lạ hơn hết là trực chơn thần Phạm Công Tắc, Hộ Pháp giảng thể vào. Một trường hợp ngự thể duy nhất trong cửa Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.

“Cư, nghe dặn: Con biểu Tắc tắm rửa sạch sẽ (xông hương cho nó) biểu nó lựa một bộ quần áo tây cho sạch sẽ, ăn mặc như thường đội nón...”

Cười....

...Cả hết thầy Môn-Đệ phân làm ba ban, đều quỳ xuống biểu Tắc leo lên bàn, con chấp bút bằng nhang, đến bàn Ngũ-Lôi dâng Thầy triệu nó đến rồi mới tới trước mặt Tắc dâng Thầy trực xuất chơn-thần nó ra: nhớ biểu Hậu. Đức xông hương tay của chúng nó, như em có giựt mình té thì đỡ” [TNHT, Q.1].

Ngài Phạm Công Tắc làm Hộ Pháp, chương quản Hiệp Thiên Đài, Ngài Thượng Trung Nhựt làm Đầu Sư lo bên Cửu Trùng Đài. Nên quá rõ ràng, Ngài Phạm Công Tắc thọ bí pháp đạo Cao Đài từ Đức Chí Tôn và giữ phận sự tối trọng của cánh cửa Hiệp Thiên Đài, nhận truyền các yếu chỉ thiêng liêng của Bát Quái Đài.

▪ Cân thần là gì?

Cân thần là một hoạt động đánh giá khả năng sáng suốt hay trực chất của chơn thần người nào đó để biết có đủ hạnh, đức, trí, lực hay chưa. Nếu chưa đủ, người phải tiếp tục tu tập, lập công bồi đức thêm. Nếu xét thấy đủ, người được thực hiện nghi thức kết nạp Đào Viên Pháp, lập hồng thệ và trở thành người của Phạm Môn.

*“Phương Luyện Kỹ gần hiền lánh tục,
Phép Cân Thần hồi phục anh linh”.
[Thơ Huệ Nhật]”.*

▪ **Ai có nắm giữ quyền năng cân thần và đánh giá kết quả cân thần?**

Việc cân thần là việc hệ trọng nhằm nhận biết trình độ tấn hóa chơn thần của một môn đồ, đòi hỏi người cân thần phải có đủ khả năng đánh giá mức độ người được cân thần có đủ điều kiện thọ truyền bí pháp hay không. Cụ thể, người đủ điều kiện là người có khả năng đón nhận các luồng điển của các Đấng trọn lành vô vi ngỗ hầu thọ lãnh bí pháp tu đơn, có chơn sư dẫn dắt, khai mở huyền quang khiêu.

“Bản đạo vâng lệnh Đức Chí Tôn xuống trần mở đạo thì Đức Chí Tôn có hỏi rằng: Con phục lệnh xuống thế mở đạo, con mở bí pháp hay là mở thể pháp trước?” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Rõ ràng trong nền Đại Đạo Tam Kỳ, Đức Phạm Hộ Pháp đã thọ mạng lệnh thiêng liêng của Đức Chí Tôn xuống thế, khai mở thể pháp và cầm bí pháp của Đạo. Người đứng đầu cơ quan Hiệp Thiên Đài là Ngài Phạm Công Tắc, có trách nhiệm tối cao truyền bí pháp, nâng đỡ đời sống tâm linh của chư tín đồ Cao Đài.

Pháp Chánh Truyền quy định:

“Hiệp Thiên Đài là nơi Thầy ngự cầm quyền thiêng liêng mối đạo”.

Vì vậy, tất cả mọi quyền năng thiêng liêng điều động đi từ Bát Quái Đài ảnh hưởng đến cơ quan hữu tướng của Hội Thánh. Trong đó, cơ quan Hiệp Thiên Đài có trách nhiệm thông công giữa Cửu Trùng Đài và Bát Quái Đài để thi thố phận sự phổ độ. Hơn nữa, Hiệp Thiên Đài giữ phận sự cầm bí pháp và truyền cho các Chức Sắc. Nên, Đức Hộ Pháp là người có phận sự cân thần cho chư tín đồ để đánh giá có xứng đáng được thọ truyền bí pháp hay không.

Khi cơ đạo phải chuyển từ Phạm Môn sang Hội Thánh Phước Thiện kể từ năm 1935, Đức Hộ Pháp vẫn truyền các phép bí tích như Giải Oan, Tắm Thánh, Hôn Phối, Cắt Dây Oan Nghiệt cho các chức sắc Phước Thiện tại Hộ Pháp Đường.

Ngoài vấn đề trên, Đức Hộ Pháp còn truyền dạy phép “Bạch Đẳng” cho chư chức sắc Phước Thiện cùng một số chức sắc Cửu Trùng Đài khi gặp khó khăn trong hành đạo, vào giờ tý cầu nguyện Đức Ngài thì Đức Ngài ứng hiện trợ giúp. Điều này cho thấy quyền năng của Phạm Hộ Pháp trong cửa Đạo, Ngài tuy hữu

hình nhưng có thể ứng biến diễn lực khắp nơi để phò trợ diễn lực cho các Chức Sắc khác khi có hữu sự.

▪ **Sự điều động của các bí tích.**

Đức Phạm Hộ Pháp là người truyền bí pháp cho chư chức sắc. Tuy nhiên, sự ứng biến điều động và kết quả đạt được của bí tích phụ tùy vào hai nhân tố: thể thức và hiệu ứng.

Phương pháp bí tích là hình thức bên ngoài được truyền thụ làm chuyển động diễn quang nội thể, nhằm thực hiện giá trị của bí tích đó mang lại. Phương pháp cũng mang tính bí nhiệm nhưng có thể truyền thụ do chư Chức Sắc đi trước truyền lại Chức Sắc sau này.

Hiệu ứng đạt được hay không vẫn do phạm trù quyền năng của Bát Quái Đài, định thể giá trị điều động, dựa vào sự phù hợp diễn quang và tần số của bí tích.

▪ **Cốt tủy của bí pháp công phu**

Ai cũng biết thọ truyền bí pháp công phu tịnh luyện trong cửa Phạm Môn là chuyển hóa nội thân, trường dưỡng Tinh-Khí-Thần, lấy ý chuyển khí như phương pháp Tiên Gia. Nhưng không phải “tam niên nhũ bộ” và “cửu niên diện bích”.

Thuyết Đạo của Đức Phạm Hộ Pháp cũng đã nêu rõ, vấn đề không phải thuần túy giản đơn, mà phải đi từ bước, từ học cách tham thiền thuần thực rồi đến nhập tịnh. Nếu nhập tịnh không tới thì hôn mê ở trạng thái ngủ, nếu nhập tịnh sâu quá mức thì diễn tả xung nổi, có thể trở nên điên cuồng. Khi nhập định được, phải chờ đủ điều kiện để các Đấng Thiêng Liêng dùng diễn lực khai mở Huệ Khiếu Huyền Quang thì chơn thần mới có thể hội diện quyền năng thiêng liêng.

Về việc cân thân và truyền bí pháp hãy còn trong vòng bí ẩn mà chỉ có Đức Phạm Hộ Pháp rõ biết làm gì, đánh giá mức độ chơn thần của mỗi người sau khi được cân thân.

Khi được thọ lãnh, phải tòng khuôn pháp của Phạm Môn là Thập Điều Giới Răn. Trình độ tiến tu và nghiệp lực của mỗi người sẽ tác động đối với hiệu ứng cân thân. Tùy theo hiện trạng mà Đức Hộ Pháp dùng thiên diễn hỗ trợ, chỉ phương pháp khác nhau cho từng vị. Các bí pháp ấy vẫn là điều bí ẩn.

12. Sự khắc khe trong vấn đề tu tịnh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh.

Con đường thứ ba của Đại Đạo là con đường đề tu tịnh, xuất chơn thần khi còn tại thế, hội diện cùng quyền năng thiêng liêng. Có rất nhiều người ngộ nhận, hễ tu tịnh thì có thể giải thoát nên người ta cứ đua nhau công phu, ham cầu bí pháp

giải thoát. Chỉ khi môn đồ đủ Tam Lập theo tiêu chuẩn Đức Hộ Pháp đánh giá thì mới có thể nhận được bí pháp điều dưỡng, truyền thần và xuất thần mà thôi.

“Hôm nay mấy em biết chưa? Có lẽ phần nhiều mấy em đã biết, Phạm ấy là Phật, Phạm Môn là cửa Phật, nói rõ hơn nữa là cửa Tu Chơn của Đạo, cửa Bảo Thủ Chơn Pháp của Chí Tôn’ [Thuyết Đạo của ĐHP, Q.6].”

Cửa tu chơn là nơi các tịnh thất Trí Giác Cung, Trí Huệ Cung và Vạn Pháp Cung, có chơn sư chỉ dạy. Bí pháp ấy không phải là muốn là có, thích là cho và tùy tiện áp dụng một cách bừa bãi.

Đối với bậc thượng thừa đủ tiêu chuẩn thì được Đức Hộ Pháp thực hiện truyền bí pháp. Đối với hạ thừa, Đức Ngài truyền dạy Mười Hai Bài Tập Khí Công Đạo Dẫn và ban Phương Luyện Kỹ Đặng Vào Con Đường Thứ Ba Đại Đạo để dọn mình cho chơn thần tinh khiết để chuẩn bị hành trang đi vào con đường thứ ba.

Như vậy, cửa Đại Đạo rộng mở, quyền năng giải thoát cho con cái Đức Chí Tôn vẫn đặt đề tại thể. Vấn đề còn lại là mỗi môn đồ làm gì để đủ duyên bước đi trên con đường thượng thừa hay hạ thừa mà thôi.

Bát Nương Diêu Trì Cung cũng đã cho hay: *“Cúng kiếng thường ngày tâm đạo khởi”*. Nên cúng Tứ Thời nhật tụng là phương pháp công phu sơ đẳng mà mỗi người tín đồ thường hằng để tìm sự giao cảm giữa Trời và người.

Bí pháp và phạm pháp không thể lẫn lộn, thánh phạm hai nẻo phân minh. Hễ tâm chơn thành, trọn luật, giữ giới, rớt ráo nương mình nơi cửa từ bi, thực hiện thiết phận thì cúng kiếng là bí pháp soi dẫn con người tiếp diện diện lực vô vi, tìm chơn sư vô hình.

Kinh Xuất Hội có câu:

*“Đạo hư vô sư hư vô,
Reo chuông thoát tục phát cờ tuyệt sinh.”*

Bí pháp mà Đức Chí Tôn ban cho con người là “...trường thi công quả cho các con đắc đạo...”. Hơn nữa, con đường thứ nhất và con đường thứ hai đã mở ra cho toàn thể sanh chúng thi thố phận sự. Chúng sanh mượn hữu hình để tìm đến đạo pháp vô vi. Nếu phận sự hữu vi hoàn toàn chưa xong thì bí pháp tịnh không phương chi tìm đến.

Cho nên, cửa tu chơn của Tòa Thánh Tây Ninh hãy còn trong vòng im lặng, không phải như nhiều người lầm tưởng Đạo Cao Đài Tòa Thánh Tây Ninh không có Bí Pháp tu chơn. Đó là một ngộ nhận rất lớn lao, trái nghịch hoàn toàn với lời dạy của Đức Chí Tôn *“chi chi cũng tại Tây Ninh này mà thôi”* [TNHT, Q.1].

13. Bí Pháp Cao Đài khi Đức Hộ Pháp đã triều Thiên.

Đức Chí Tôn đã truyền dạy rằng Đức Hộ Pháp luôn hằng ngự trị nơi nơi Huyền Quang Khiếu của chúng sanh hầu nâng đỡ tinh thần, hỗ trợ điển lực. Khi đủ điều kiện, Đức Ngài nhất định sẽ mở tâm khiếu.

Dù thể thức, các tổ chức sinh hoạt tu chơn hiện nay trở nên yếu ớt hay im bất thì việc cân thân truyền bí pháp đã không còn diễn ra, nhưng chúng ta có đầy đủ đức tin nơi lời dạy của Đức Chí Tôn. Điển khí vũ trụ vô hình vẫn xoay diễn, tiếp diễn và trợ lực cho những ai đã đủ đầy công nghiệp. Tiến trình chuyển hóa năng lực vô vi vẫn tiếp diễn mà không hề đứt gãy. Mật luật vô hình và quyền pháp bí nhiệm vẫn biến chuyển.

Đạo vẫn như nhiên mà thành, nếu từng luật pháp chơn truyền Đại Đạo, lo phụng sự Đạo Pháp và Chúng Sanh làm đẹp dạ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, các Đấng Thiêng Liêng, đó là chính chúng ta đã chuyển hóa nội thân làm cho chơn thần trong sạch, tinh khiết. Tùy theo công trạng, nghiệp duyên và sự giục tấn, quyền năng điển lực sẽ tác động vào Chơn Thần con người, Chơn Sư vô hình vẫn hằng hữu bên chúng ta để thúc đẩy quá trình tu đạo của chúng sanh đó thôi.

Tại Trí Huệ Cung, Đức Phạm Hộ Pháp giảng:

“Ngày nay Đức Chí Tôn đã mở cho chúng ta một con đường Thiêng Liêng Hằng Sống và Bàn Đạo đã vâng mạng lệnh Đức Ngài tạo dựng một bến giải thoát cho toàn thể nhơn loại trên mặt địa cầu này.

Bàn Đạo nói: từ đây, kể từ ngày nay cửa Thiêng Liêng của Đạo đã mở rộng, Bàn Đạo kêu toàn thể con cái Đức Chí Tôn, ai hiểu biết mình đứng trong hàng phẩm Cửu nhị ức Nguyên Nhân (92 Ức Nguyên Nhân) hãy tỉnh mộng lại đăng về cùng Đức Chí Tôn.

Cửa này là cửa của các người đến đoạt Pháp, đăng giải thoát lấy mình đến trong lòng Đức Chí Tôn, vì Đức Chí Tôn đã đưa tay ra nâng đỡ, mà chúng ta không đến, không tưởng nghĩ đến, thì sau này ắt sẽ bị đọa lạc nơi cõi Phong Đô. Giờ phút ấy không còn trách Đức Chí Tôn rằng: không thương yêu con cái của Người, không đem cơ quan tận độ chúng sanh để nơi mặt địa cầu này cứu vớt nữa” [Thuyết Đạo của ĐHP, Q. 3].

Từ một số biện chứng và minh chứng trên, Đức Phạm Hộ Pháp là người chịu trách nhiệm cân thân và truyền bí pháp cho chư tín đồ. Dù hữu hình hay vô vi, Đức Ngài vẫn sống cùng thời gian, thực hiện trách nhiệm thiêng liêng phận, thúc đẩy sự tấn hóa chơn thần, khai mở huệ khiếu cho chúng sanh khi đủ điều kiện.

Ở một mặt khác, người ta cho rằng Tòa Thánh Tây Ninh khi còn Đức Hộ Pháp sanh tiền, hoạt động truyền pháp vẫn yếu ớt. Lý giải vấn đề này, chúng ta cũng hiểu bí pháp giải thoát là một vấn đề trọng hệ, là mật lý khẩu thọ tâm truyền, chớ không phải là hình thức áo mão mượn tặng tùy nghi. Thực tế hơn, chỉ những

người đủ công quả mới được Đức Ngài truyền thọ bí pháp, khai thị riêng biệt mang tính thâm kín. Người thọ nhận khi được khai ngộ cũng im lìm.

Pháp môn giải thoát cho chúng sanh là một ân tứ của Đức Chí Tôn, lẽ nào lại phải giấu, eo hẹp mà cho người này, giấu người kia. Chỉ tại chúng ta chưa đủ khả năng đón nhận để giựt tấn thẳng tiến trên con đường thiêng liêng hằng sống mà thôi. Vì thế, bí pháp tu luyện là một vấn đề rất trọng hệ, không thể tùy nghi thử nghiệm để phải chuốc lấy những hậu quả khôn lường.

14. Nghi thức thờ phụng và cúng lạy biểu thị pháp giới tạo đoan.

Chơn truyền của Đạo Cao Đài định các hình thể và nghi thức cúng lễ là Thể Pháp của Đạo, chẳng thể nào thiếu trong nền Tân Pháp. Có Thể Pháp được bày ra trước mắt để con người nương tựa, dần dần kiếm hiểu nhiệm lý cao sâu tức là Bí Pháp. Sự phổ bày chơn tướng của Thể Pháp do bàn tay Đức Chí Tôn nó hẳn có giá trị đối với cơ hoàng dương Chánh Pháp Đại Đạo.

Dầu Đức Chí Tôn nói:

*“Bạch-ngọc từ xưa đã ngự rồi,
Chẳng màng hạ-giới vọng cao ngời,
Sang hèn trời kệ tâm là quý,
Tâm ấy toà sen của Lão ngời.
Thi văn dạy đạo”*

Cúng kính và thờ phụng thuộc hình tướng bên ngoài, nhưng nó rất cần thiết trong cửa Đạo. Dầu cung kính đài cao, nguy nga tráng lệ mà tâm không tín ngưỡng thì Đức Chí Tôn chẳng hề ngự. Dầu sang, dầu nghèo mà tâm thật thà, chân chánh, thiết lòng, ấy là gần Trời và các Đấng Thiêng Liêng. Thờ kính tức là bày cái lý Đạo cho con người hằng nhớ nguồn cội Tạo Đoan, tức là cái tâm pháp chớ chẳng phải để cái thể cho nhộn nhịp đầy màu sắc dư thừa.

Cái thể tượng cho cái lý thiên nhiên, nên nghi thức tụng niệm và thờ cúng đều ẩn chứa một Bí Pháp nhiệm màu mà Đạo Cao Đài muốn diễn đạt. Tại Tòa Thánh Tây Ninh, nghi thức thờ phụng như sau:

*** Quả Càn Khôn** tượng trưng cho vũ trụ mệnh mông bao la, chứa cả mọi thể giới, cung cảnh, tinh cầu địa tú và tất nhiên con người là một sinh linh đã hiện hữu trong ấy. Đó là cơ quan sáng thể của cơ tạo đoan càn khôn vạn vật. Đứng trước bửu điện, chúng ta thấy một quả tròn to lớn, người ta sẽ tự vấn “từ đâu có càn khôn, pháp giới nào tạo ra mọi vạn hữu sinh tồn một cách có trật tự, ai sẽ nắm quyền điều khiển cơ vận chuyển pháp giới trong vũ trụ bao la này, con người sau khi chết sẽ đi về đâu, thăng đọa sẽ diễn tiến ra sau khi bỏ nhục thể...”. Tòa Thánh

cao vòi vọi, nghi thức trang nghiêm, Quả Càn Khôn sừng sững trước mắt của con người để đánh thức cái diệu tánh mà tìm về chữ Đạo.

“Một trái như trái đất tròn quay, hiểu không? Bề kinh tâm ba thước ba tấc, nghe con, lớn quá mà phải vậy mới dựng, vì là cơ màu nhiệm Tạo-Hóa trong ấy, mà sơn màu xanh da trời; cung Bắc-Đẩu và Tinh-Tú vẽ lên Càn-Khôn ấy. Thấy kẻ Tam-Thập-Lục-Thiên, Tứ-Đại-Bộ- Châu ở không-không trên không khí, tức là không phải Tinh-Tú, còn lại Thất-thập-nhị-Địa và Tam-Thiên thế giới thì đều là Tinh-Tú. Tính lại ba ngàn bảy mươi hai ngôi sao, con phải biểu vẽ lên đó cho đủ. ...Trên vì sao Bắc-Đẩu vẽ con mắt Thầy, con hiểu chẳng? Đáng lẽ trái ấy phải bằng chai, đúc trong một ngọn đèn cho nó thường sáng; ấy là lời cầu nguyện rất quý báu cho cả Nhơn-loại Càn-Khôn Thế-Giới đó; nhưng mà làm chẳng kịp, thì tùy con tiện làm thế nào cho kịp đại-hội - Nghe à!” [TNHT, Q.1].

* **Thiên Nhãn** được vẽ trên Quả Càn Khôn, tượng trưng cho Thượng Đế tức là ngôi Thái Cực, Đấng chủ thể, Chơn Thần đầu tiên từ Khí Hư Vô, rồi Ngôi Chí Tôn mới phân tán ra Phật, Tiên, Thánh, Thần và mọi thể trong càn khôn. Đó là vị Thần Thiên Lương tối cao chủ cả Phật-Pháp-Tăng.

* **Thái Cực đặng** là ngọn đèn luôn cháy và được đốt bằng dầu, tượng cho ánh sáng của chơn lý, tức là Đức Chí Tôn luôn luôn hiện diện, trường dưỡng và nuôi sống càn khôn vạn loại.

* **Lưỡng Nghi** là hai cây đèn hai bên. Đạo sanh nhứt là Thái Cực, Đạo sanh nhị tức là “lưỡng nghi” tức là Âm-Dương. Từ hai khí bản nguyên này, mới biến sanh ra muôn loài. Ấy là Đạo.

* **Hoa-Rượu-Trà** tượng cho Tinh-Khí-Thần-Tam Bửu mà con người mỗi khi hành lễ, cung kính dâng hiến cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu.

* **Lư Hương** gồm 05 cây nhang, tượng trưng cho ngũ khí thời tiên thiên, và ngũ hành khi chuyển sang hậu thiên.

* **Tam Giáo** được tượng trưng phụng thờ bằng tam vị Giáo Chủ Đức Thích Ca chánh giữa, Đức Lão Tử bên trái, Đức Khổng Tử bên phải.

* **Tam Trấn** là nhất trấn oai nghiêm Đức Lý Thái Bạch chính giữa, nhị trấn oai nghiêm Đức Quan Âm bên trái, tam trấn oai nghiêm Đức Quan Thánh Đế Quân bên phải.

* **Ngũ Chi** được tính từ trên xuống tức là Phật Đạo, Tiên Đạo, Thánh Đạo, Thần, Nhơn Đạo, là Đức Thích Ca, Đức, Đức Lý Bạch, Đức Chúa Jesus, Đức Khương Thượng, bảy cái Ngai gồm 01 Giáo Tông, 03 Chương Pháp, 03 Đầu Sư.

Nghi thức thờ phượng của đạo Cao Đài đã tượng lý-pháp trong cơ quan vận chuyển tạo đoạn, định vị...nói lên tính chất duy Thần từ một thể tức là Đạo. Đó là

“mệnh” mà Đức Lão Tử dùng trong Đạo Đức Kinh, nghĩa là mệnh là luật bất biến, biết luật bất biến đó thì sáng suốt. Ngược lại, nếu biết mà vọng tâm thì có thể gây họa. Quả Càn Khôn là hình ảnh của Đại Đạo, là giai đoạn tượng hình hữu sắc biến hóa từ Đạo mà ra. Triết lý thờ phụng đã dung chứa những tín lý bí nhiệm huyền năng của Trời Đất, vạn vật, Tam Giáo và Ngũ Chi tương liên với cái sống của con người về mặt đạo pháp. Từ Đạo mà hóa sinh toàn vạn hữu, vạn hữu phải nương Đạo để trường tồn vì đó là chân lý đạo Trời.

Đối với nghi thức cúng lạy, phải có **nhạc và lễ**. Nhạc tượng trưng cho sự phục sinh Bát Hồn để dâng hiến cho Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu, còn biểu thị sự điều hòa mới đảm bảo đi trong khuôn viên thiên lý mà trường tồn, tấn hóa. Lễ là trật tự ngôi thứ. Nếu thiếu nhạc-lễ là thiếu hòa và trật tự. Con người là hình ảnh của Chí Linh vì cơ Càn-Khôn hữu hạp mà biến tướng vạn linh. Vạn Linh phải nương Chí Linh mà hườn Tánh nên con người cũng phải có đặc tánh “trật tự và điều hòa” như Càn-Khôn, vừa là lễ hiến cho các Đấng Thiêng Liêng, vừa nhắc nhở lòng mình trong đời sống thường hằng.

* **Trống Lôi Âm-Chuông Bạch Ngọc** được đặt trên hai lầu của Hiệp Thiên Đài, tức là cơ quan nắm Pháp. Chuông và Trống biểu thị Âm-Dương, trống tượng cho tiếng nổ khai Thiên là Dương đặt bên Âm. Tiếng vang là Chuông, tượng cho ngôi Âm được đặt bên Dương. Lý Đạo “trung dương hữu âm, trung âm hữu dương” lột tả sự vận hành pháp giới diễn lực đào độn của Âm Dương mới sanh ra càn khôn vạn vật.

* **Kinh Phật-Pháp-Tăng** trong việc cúng kiếng cũng biểu hiệu lý “Thiên-Địa-vạn vật đồng nhất thể”. Nên con người phải nương “nhất thể” ấy để trở về tự tánh sáng suốt. Nhất thể là Phật, nhờ Pháp mới có Tăng. Khi bái lễ, con người phải kính niệm “nam mô Phật, nam mô Pháp, nam mô Tăng”. Hễ thọ giáo triết lý Đạo Trời tức hằng biết nguồn cội Chí Linh là Phật. Sống đạo nương khuôn luật thiên nhiên là tụng Pháp. Biết khuôn luật hình pháp biến sanh thì phải có nhiệm vụ độ Tăng.

Cơ an định, cơ trưởng dưỡng và cơ sanh hóa thuộc Phật-Pháp-Tăng. Tăng thuộc cơ sanh hóa tức là Tinh, Pháp thuộc cơ trưởng dưỡng là Khí. Phật thuộc cơ an định là Phật. Có cơ an định mới tới cơ trưởng dưỡng, có cơ trưởng dưỡng mới có cơ sanh hóa. Hễ sanh hóa xong, con người phải tụng quy luật mà trở về để “an định” tức là giải thoát. Khi xá vô Thiên Nhân là kính Phật, quay ra xá Khí là kính Pháp, xá ngang là kính Tăng. Xá là lễ, lễ kính Phật và Pháp tức là một Dương, một Âm, là pháp biến sanh vạn hữu từ Đạo, nhưt Âm nhưt Dương mới sanh Tứ Tượng.

Tổng thể về các cách thức thờ phụng trong nghi lễ Cao Đài có vô vàn các Thể Pháp Đạo bày trước mắt, từ cấu trúc hình thể Tòa Thánh, nghi lễ lớn nhỏ mà

con người Cao Đài cần quán xét và trí tri để tầm cái lý của Đạo mà Đức Chí Tôn đã bày chơn tướng.

15. Năm cây nhang tượng trưng cho con đường trở về với Đức Chí Tôn.

Đại Đạo dùng hình thức phổ dụng để tín ngưỡng và bày tỏ lòng thành đối với các Đấng Thiêng Liêng. Có câu:

“Đạo gốc bởi lòng thành tín hiệp,
Lòng nương nhang khói tiếp truyền ra.
Mùi lương lư ngọc bay xa,
Kính thành cầu nguyện Tiên gia chứng lòng”.

[Trích kinh Niệm Hương]

Đạo đức con người phải do nơi lòng thành chơn thật của con người hòa vào nhang khói để cảm ứng cùng các Đấng trọn lành. Kinh Lăng Nghiêm của Phật diễn đạt mùi hương khi đốt lên tỏa ngát bốn mươi dặm. Nên Đạo Cao Đài không ngoài nghĩa lý đó, vẫn dùng lư trầm và lư hương để bái lễ Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu cùng các Đấng trọn lành, vừa kính lễ, vừa tượng cho mùi hương của pháp giới, khử trừ ô uế hay trược khí, vô minh của con người để lòng thanh sạch, trọn lành đánh lễ chư Thiêng Liêng.

Lư hương được cắm với năm cây nhang. Ba cây trong được biểu thị “Ấn Tam Tài” nghĩa là kinh Thiên-Địa-Nhơn. Khi thêm hai cây bên ngoài thành năm cây hương, tượng cho ngũ khí biến sanh ngũ hành.

“Nói về 5 cây nhang, từ thủ Bản-đạo để cho Nho-gia tự do giảng-giải sao thì giảng, Còn Bản-đạo hiểu rõ là Ngũ-khí, Chí-Tôn dùng ngũ-khí mà biến thành ngũ-hành, vận-chuyển cả càn-khôn thế-giới ... Nói đúng hơn nữa là trong bát hồn vận-chuyển được phải nhờ đến ngũ khí...Nên chỉ khi làm lễ đốt đủ 5 cây nhang là đúng theo phép tín-ngưỡng là quy pháp lại mọi vật trong ngũ khí, để dâng lễ cho Chí-Tôn” [Thuyết Đạo của ĐHP].

Vì vậy theo pháp giới tạo đoan, nhờ có Ngũ Khí thuộc tiên thiên vận chuyển mới biến thành Ngũ Hành thuộc hậu thiên mà hình thành vạn vật. Vạn vật do nơi Ngũ Hành kết thành sự sống theo trình tự liên kết và hài hòa là Hỏa, Thủy, Mộc, Kim, Thổ. Trên những nguyên tắc vận hành của Ngũ Hành, chúng có luật tương sinh và tương khắc. Kỳ thực về bản chất, quy luật tương sinh và tương khắc không mang tính tuyệt đối mà chỉ tương đối. Đối với luật tương sinh, năm nguyên tố này bổ trợ lẫn nhau, xúc tiến, nương tựa lẫn nhau. Trong các học thuyết triết học, hiện tượng tương sinh vẫn tồn tại trong tính tương khắc, trong hiện tượng tương khắc lại có sự mầm mống của tương sinh. Do vậy, Ngũ Hành vận chuyển đảo độn thúc đẩy sự vận chuyển của muôn loài vạn vật.

Trong bình diện khác, tâm thức con người ví như năm cây nhang được đốt lên, biểu thị năm tầng thức, nên gọi là Ngũ Hương: giới hương, định hương, huệ hương, tri kiến hương và giải thoát hương.

Giới Hương là cây hương chính giữa thứ nhất, cắm đầu tiên ở hàng trong: nghĩa là mùi thơm của giới hương làm diệt các vô minh và ác niệm, những điều xấu xa chẳng thể xâm nhập vào người tu hành. Theo nghĩa lý này, người môn đồ tin giáo điều thì phải trọn lòng tuân thủ các giới luật của tôn giáo, khép mình tu học và gìn giữ luật đạo một cách nghiêm ngặt.

Định Hương là cây hương thứ hai hàng trong, cắm bên trái: nghĩa là mùi thơm của đạo pháp giúp con người đủ đầy đức tin nơi chánh giáo, tinh tấn học tập, định tâm để không nản lòng trước những khổ đau trần thế. Người môn đồ Cao Đài cần giữ giới, khi giới luật được trọn thì hành thì giúp chúng ta an định, không còn vô minh, biết phương pháp tiến tu, tâm thanh tịnh mà tiếp tục hành trình tu hành.

Huệ Hương là cây hương thứ ba, cắm hàng trong bên phải: đó là mùi hương thanh thoát, một thứ hương thơm của ánh sáng linh diệu bén sắt, có thể cắt những phiền não, nghiệp oan. Người môn sinh Cao Đài khi đã định được thì cái huệ trong bốn thân sẽ bắt đầu phát huy sở năng của nó, tức là khởi đầu của con đường phát huệ.

Tri Kiến Hương là cây hương thứ tư, cắm bên trái hàng bên ngoài: đó là mùi hương của hiểu biết bằng tâm thức, tức là cái huệ thanh thoát nhẹ nhàng, có thể soi sáng mọi thứ bằng cái thể của tâm thức, không chấp vụn hữu, không tà kiến, si mê hay bị trói buộc vào những thứ ngoài thân kể cả tham-sân-si mà là một mùi hương của sở tri, sở kiến để thấu suốt vạn hữu, nghiệp duyên và biết cái “ta” đang tồn tại thanh hay suy. Người môn sinh Cao Đài khi đã đến giai đoạn được phát triển huệ thì ánh sáng huệ nhãn giúp tâm tánh đồng hóa, nhận ra chân tướng, tức là tri kiến.

Giải Thoát Hương là cây hương thứ năm, cắm bên phải hàng ngoài: mùi hương giải thoát là hương vị đậm đà, bát ngát, đã cởi bỏ hoàn toàn tất cả mọi thứ thuộc giả tạm, thấy ngũ uẩn giai không và thấy ta và vạn vật đồng lý, thấy các pháp không phải là pháp, tự tâm an nhiên, vượt mọi chướng ngại, đã giải thoát khỏi lao tù của thân giả hợp. Người môn đồ Cao Đài khi đã tri kiến vạn hữu, thấu soi tất cả bằng thứ tâm thức nhận biết mà tinh tấn rốt ráo cho đến giai đoạn mới là “giải thoát”, tức là cái điểm đích của con người tầm đạo, sống đạo và đạt đạo.

Vì tất cả các pháp đã bày trong Thệ Pháp Cao Đài, chúng ta nếu soi rọi bản thân và sống với **chơn pháp** của Đức Chí Tôn, thông dong núp bóng nâu sòng, thì hành theo Luật Pháp của Đại Đạo thì an nhiên từng bước theo năm bước tiến mà pháp giới tận độ của Đức Chí Linh đã khai mở để siêu rỗi con cái của Ngài trong thời kỳ giao thoa của Thượng Ngươn Tứ Chuyển.

16. “Đạo Đức” đối với người tín hữu Cao Đài.

Đạo Đức là một trong những nhân tố hình thành một nếp sống Cao Đài theo Tân Luật của Đức Chí Tôn. Vì đạo đức là tiêu chuẩn đo lường trạng thái sống của người môn đồ, nó là thuộc tính vốn đi đôi với người theo nếp sống tâm linh đạo giáo.

Đạo đức nói lên yếu tố thị hiện trong tính cách và giá trị của con người. Có đạo đức, con người sống trong thiện lương, quy tòng chánh lý, tu sửa bản tâm làm cho cá nhân hoàn thiện, giúp gia đình an vui, xã hội công bằng, cộng đồng vì thế mà trở nên tốt đẹp, kiến tạo một trật tự bình ổn. Muốn có đạo đức và thi hành đạo đức càng phát triển, con người cần có ý chí rèn luyện, sự tinh tấn cũng như nhận thức được giá trị của chính nó đem lại cho đời sống mình.

Dầu đạo đức là thuộc tính của tôn giáo, không thể tách rời trong hoạt động phổ độ, truyền giáo và nếp sống sinh hoạt đạo, nhưng đạo đức cần có một sự liên kết đối với triết lý Đạo Cao Đài cũng như viên dung với Luật Pháp Đại Đạo để hoàn hảo hóa đời sống, hòa hợp thực sự theo tiêu chuẩn của Đạo Cao Đài. Môn đồ Cao Đài áp dụng đạo đức theo cách tự lập có thể phiêu bạt nơi nào chưa rõ ràng, nên cần có một Hội Thánh và Giáo Luật chỉ con đường để đạo đức đó thánh hóa đời sống đến mức thăng hoa vô tận.

Thế gian là một trường thế tán hóa cho vạn linh nên luôn luôn có cặp đối ngẫu thiện-ác tồn tại, tốt-xấu, đạo đức-tà mị. Để làm xứng đáng môn đệ của Đấng Cao Đài, con người phải chịu bận áo nâu sòng, khổ hạnh, phải đứng vững trước những bão tố của cuộc đời, đó là nghiệp oan của con người và những cám dỗ của khối ác, cũng như những bài thi khảo của Thiêng Liêng.

“Thầy nói cho các con hiểu rằng: muốn xứng đáng làm Môn-đệ Thầy là khổ hạnh lắm. Hễ càng thương bao nhiêu thì Thầy lại càng hành bấy nhiêu. Như đáng làm môn-đệ Thầy thì Bạch-Ngọc-Kinh mới chịu rước, còn ngã thì cửa Địa-Ngục lại mời. Thương thương ghét ghét, ai thấu đáo vậy ôi!” [TNHT, Q.1].

Nên theo luật công bình Thiên Đạo, Thiêng Liêng chẳng vì ghét mà chẳng để lời khuyên nhủ, khuyên lơn, tạo phúc duyên cho con người vịn nín lá phang, chẳng vì thương mà bỏ qua luật công bằng tạo đoạn. Hữu hình chứa bao nhiêu khổ lụy, những cám dỗ ngọt ngon; trong tâm thì khối phàm tâm luôn chì chiết, níu kéo để xa vào con đường vô minh. Con người duy chỉ nương theo đạo đức mà bảo toàn thánh đức và lòng tín ngưỡng đối với Chơn Giáo. Đức Chí Tôn đã phán:

“Bởi vậy cho nên Thầy chẳng vì ghét mà không lời khuyên dụ; cũng chẳng vì thương mà không sai quỷ dữ dành. Thầy nói trước cho các con biết mà giữ mình; chung quanh các con, dầu xa, dầu gần, Thầy đã thả một lũ hổ-lang ở lộn với các con. Thầy hằng xúi chúng nó thừa dịp mà cắn xé các con; song trước Thầy đã

cho các con mặc một bộ thiết giáp, chúng nó chẳng hề thấy nặng là đạo đức của các con.

Vậy ráng gìn-giữ bộ thiết-giáp ấy hoài cho tới ngày các con hội hiệp cùng Thầy” [TNHT, Q. 1].

Người môn sinh Cao Đài cần nắm rõ thêm những định thuyết mà Đức Lão Tử để một học thuyết “nhân sinh quan” và “vũ trụ quan” trong nền học thuyết bất dịch để truyền tả những nội hàm vô cùng sâu sắc về hai chữ “đạo đức”. Đối với thuyết này, Ngài phân ra làm hai, tức là “đạo” và “đức”. Một danh từ gồm hai chữ, nhưng Ngài chia thành hai danh từ.

“Đạo” đối với Ngài, đó là thứ không thể diễn tả bằng ngôn ngữ vì tính cách và quy luật của Đạo vốn bất dịch nhưng lại vô biên. Nên Ngài nói *“Đạo thường vô danh, phác”* nghĩa là *“Đạo vĩnh viễn không có tên, nó chất phác”*. Đạo của Ngài nói còn nói lên tính công bằng theo luật tự nhiên, “Trời đất bất nhân”, nghĩa là công bình vô tư của thiên địa theo luật vận hành vốn có. Trong triết lý của Ngài, rất cô đọng nhưng vô cùng đặc sắc, không thể lấy ví dụ hết cho đặng. *“Phản giả, đạo chi động”*, nghĩa là “luật vận hành của đạo là quay trở lại” theo cổ nhân nói *“vạn vật quy nhất bản”*. Cơ động tịnh máy Âm-Dương mới có vạn vật, vạn vật phải quay về Đạo mà trở về tự tánh vì Đạo vốn là Bản Nguyên của vũ trụ.

“Đức” dưới triết thuyết của Ngài, Đức không phải là đức nhân, đức nghĩa, đức lễ, đức trí, đức tín của Nho Học, mà đó là “Đức” Ngài muốn ám chỉ thuộc tính của Đạo để khi có vạn vật, đức nuôi dưỡng, che chở vạn vật. Mỗi vật đều chứa cái đức trong đó vì mọi vật được sinh ra từ “đạo”, cho nên “đức” sẽ nuôi nấng mỗi vật lớn dần luôn luôn.

Đức Ngài biểu tả trạng thái của “đạo đức” bằng câu *“Đạo sinh ra vạn vật, đức bao bọc, vật chất khiến cho mỗi vật thành hình, hoàn cảnh hoàn thành mỗi vật. Đạo và Đức không can thiệp, chỉ phối vạn vật mà để tự nhiên phát triển”*. Đức Ngài nói thêm *“Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân”*, nghĩa là “đạo trời không tư vị ai, luôn gia ân cho người có đức”.

Đối với học thuyết của Ngài về “đạo đức” đi vào thế giới siêu diệu và diễn tả chân lý Đạo Trời, chúng ta cần chiêm nghiệm và thấu hiểu trong những văn tự khó hiểu vì tính chất vô cùng cô đọng của Đạo Đức Kinh đã để lại.

Tóm lại, dẫu theo tính chất và nghĩa lý nào, người Cao Đài thuần hành từng bước theo nếp sống mà Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ đã để lại con đường tầm phương giải thoát. Đạo đức đó là định luật bất biến mà người Cao Đài cần trau dồi đến những trình độ thăng hoa và thâm nhiễm triết lý và bí pháp nhiệm mầu của nền chơn giáo Cao Đài.

17. Phép dưỡng sinh đối với người tín đồ Cao Đài.

Rất rõ, Đại Đạo dựa vào Quyền Đạo, Luật Pháp và Thánh Giáo, Thuyết Đạo để tổ chức mọi sinh hoạt phổ độ nền Đạo, tức là Thể Pháp để nương mình nơi bóng Chí Linh hầu tô sửa con đường mình trở về với Đức Chí Tôn bằng con đường thứ nhất là Hội Thánh Cửu Trùng và con đường thứ hai là Hội Thánh Phước Thiện.

Ngoài ra ngay từ những năm đầu, Đức Chí Tôn đã truyền Bí Pháp cho Đức Hộ Pháp, Đức Hộ Pháp phục linh xuống thế thay Đức Chí Tôn lập lập chơn tướng hình thể rồi khai pháp giới tận độ cho chúng sanh bằng cách lập ra cửa Phạm Môn không áo quyền, một cửa tu chơn cho toàn thể nhơn loại, những ai đủ điều kiện đi con đường thứ ba của Đại Đạo. Đức Ngài cũng đã truyền bí pháp cho một số người đủ tiêu chuẩn để công phu nội thân, hàm dưỡng Tinh-Khí-Thần, chuyển hóa và hội kiến Đức Chí Tôn khi còn xác thân.

Đại Đạo là một “hiện tượng” đa sắc màu để con người có thể bước trên ba bậc thang hạ-trung-thường tùy theo khả năng của mình. Tuy nhiên, mỗi tín đồ thường hằng cúng tứ thời nhứt tưng, tức là cách thức trụ tâm, được gần với các Đấng trọng lành để đúng với lời dạy “*Lễ bái thường ngày tâm đạo khởi*”. Nội bấy nhiêu chúng ta xét thấy vẫn chưa làm được trọn vẹn, khi tham gia lễ đàn, tâm phóng túng, suy trước, đoán sau, mong vọng mà chẳng giữ được lòng thanh sạch để đánh lễ cho các Đấng.

Trở lại vấn đề phép dưỡng sinh, đây cách thức phổ dụng cho tất cả mọi người nên Đức Hộ Pháp đã ban hành “bài tập khí công đạo dẫn”, các động tác tay chân, mắt, cổ, bụng ...điều huyết, hơi thở, tinh thần thanh sạch mà tưởng Thiên Nhân của Đức Chí Tôn xong để cúng thời sáng mỗi ngày. Thực tế, hầu như chúng ta lười biếng hoặc vướng vào mọi thứ phiền não mà ít người đạt ích lợi. Nên Đạo đã bày đủ mọi phương tiện cho người Cao Đài thọ lãnh, có chăng chúng ta có chịu ứng dụng và thực hiện đúng cách hay không mà thôi.

Đối với Đức Lão Tử, Ngài gọi đó là phép “nhiếp sinh”. Tưởng cũng nên nói sơ luận về phương pháp này hầu kết hợp với phép dưỡng sinh của Đức Hộ Pháp truyền dạy trong con đường tu lập thân tâm. Phép Đức Lão Tử biểu đạt trong hai chữ “*hư, tĩnh*”. Ngài nói:

*“Hết sức cực **hư**, cực **tĩnh**, xem vạn vật sinh trưởng, ta thấy được quy luật phản phục. Vạn vật phồn thịnh đều trở về căn nguyên của chúng. Trở về căn nguyên thì tĩnh...”*.

Nếu con người tĩnh được thì đạt được “tâm hư”, “hư” là để cho lòng rộng rang, trống không, “vô tri” vô dục. Khi tận hư thì trừ các mối oán cừu, lo lắng, để sự bình thản, thanh tĩnh, không vọng tưởng, chẳng nào sâu, tâm hồn nhiên tự tại. Những thứ đó là cái chuẩn mực của người tu dưỡng.

Đức Ngài còn dạy “*Không còn tư dục mà trăm **tĩnh** thì thiên hạ sẽ tự ổn định*”.

Trạng thái sống đạt “*hư, tĩnh*” thì chẳng hao mòn điều chi, thuận theo đạo tự nhiên, đạt được nhiều đức. Hễ có đức thì không có gì không khắc phục được. Để lòng hư tĩnh thì chóng hiểu được đạo tự nhiên và đồng nhất tự tánh để trường tồn. Dầu bỏ xác thân nhưng “*lòng bất tử*”, nên Ngài nói “*Tử nhi bất vong giả thọ*”, nghĩa là dầu xác thân có rã ra, nhưng vẫn bất tử. Tóm lại, phép dưỡng sinh của Đức Ngài truyền dạy không ngoài quy tắc xử kỷ, tiếp vật.

Nếu các phép dạy của Đức Hộ Pháp được chúng ta thực hành bằng lòng thành, chí nguyện, kiên trì, giữ thánh tâm, thanh lọc bốn thể, các thể tư dục, để lòng “*hư, tĩnh*” thì sẽ thành tựu trong bí pháp Đức Ngài truyền dạy. Thân thể khỏe mạnh, tín ngưỡng mạnh mẽ trọn thành nơi Đức Chí Tôn, Đức Phật Mẫu thì con đường giựt tấn tâm linh không ngừng thăng hoa. Nó chẳng phải ở nơi dưỡng sinh cho thân thể được tráng kiện, tinh thần mạnh mẽ mà thôi, đâu đó chơn sự vô hình vẫn hằng bên chúng ta để nâng đỡ lên một địa hạt tâm linh cứng cõi hơn, huệ khai, trí mở, thần gồm thì cửa tu chơn chắc hẳn không quá xa đối với chúng ta, để hồi quang phản chiếu.

18. Quan niệm về địa ngục trong Cao Đài.

Dưới ảnh hưởng của đạo giáo, tác động đến đời sống tâm linh con người, chúng ta thường nghe những khái niệm “*địa ngục*”, “*ngục môn*”, “*phong đô*”, “*âm phủ*”, “*diêm đình*”, “*địa phủ*”, “*âm ty*”, “*thập điện diêm cung*”. Theo tín ngưỡng dân gian, đó là nơi hành phạt những chơn thần gây tội lỗi trên cõi thế gian. Vậy, nơi đó ở đâu và nó có thực tồn tại không?

Địa ngục theo Hán Ngữ là “*vô lạc*” tức là không có hạnh phúc, “*khả yếm*” chỉ đau khổ, “*khô khí*” khí làm cho người đau khổ, “*khô cụ*” các giới cụ làm người ta đau khổ. Như vậy, theo khái niệm nghĩa đen này, ta thấy địa ngục ám chỉ cõi khổ cho chơn thần khi thoát xác nếu làm ác. Từ đây, chúng ta cũng thấy một phạm trù khác của một cặp đối ngẫu. Đó là “*hạnh phúc*”. Nếu luận theo góc cạnh rộng, địa ngục là nơi không có hạnh phúc trong khi hạnh phúc là “*niết bàn*”, dĩ nhiên nơi nào thiếu hạnh phúc, chứa nhiều đau khổ, nơi đó coi như địa ngục. Cho nên, địa ngục không chỉ thuần chơn là cõi giới chất chứa nhiều khổ đau mà cảnh giới, trạng thái tư tưởng đau khổ cũng chính là địa ngục.

Người ta đã cho rằng, Niết Bàn hay Thiên Đàng ở trên không tận trời cao, còn “*địa ngục*” nằm tận dưới đất sâu. Thật ra, theo triết học Cao Đài, dưới tận sâu thẳm của lòng đất là khối lửa cháy bất tận vận hành cơ thể sống của quả địa cầu.

Trong Kinh Đại Tường có câu: “*Khai cơ tận độ cứu tuyền diệt vong*” hay Kinh Thuyết Pháp cũng nói: “*Khai cơ giải thoát mở tù phong đô*”. Đã trải qua

Nhứt Kỳ và Nhị Kỳ Phổ Độ, tuy nhiên cơ cứu độ của Thiên Thor vẫn chưa thực thi hết mục tiêu giáo hoá, tận độ. Nên ngày nay, Đức Chí Tôn chính mình Ngài đến qua huyền diệu cơ bút để khai mở Tam Kỳ Tận Độ, tức là Đạo Cao Đài để “*đóng địa ngục, mở tầng Thiên*”. Như vậy, địa ngục vẫn tồn tại trong guồng máy vận hành cơ sanh hoá, thưởng phạt của Thiêng Liêng.

Bát Nương Điều Trì Cung có giảng dạy về cõi này. Từ đây, cụm từ “Cõi Âm Quang” đã thay thế cho các khái niệm trên mà Bát Nương cho là do tập tục, tín ngưỡng sai lệch. Dưới quan điểm Cao Đài Giáo, chúng ta thấy rằng các danh từ địa ngục hay các danh từ khác là những danh từ được sử dụng như những công cụ phổ dụng của các tôn giáo nhằm thánh hoá đời sống của các môn sinh trên bước đường tấn hoá, tu tập. Vì chỉ khi người ta sợ, kiêng dè luật đạo mà lo tu tâm dưỡng tánh, tôn tâm dưỡng tánh, tu tâm luyện tánh, có một đời sống phù hợp đạo Trời là Nhơn Đạo và Thiên Đạo.

Trở lại khái niệm Cõi Âm Quang, Bát Nương dạy rằng đó là cảnh giới đệ nhất sợ hãi đối với các chơn hồn khi thoát xác vì cõi này là nơi chơn hồn giải thân và định trí. Bát Nương dạy:

“Nhơn sanh biết xét mình trước khi thoát xác thì tự nhiên tránh khỏi Âm Quang”.

Như vậy, cảnh giới này dành cho chơn hồn chưa ăn năn, chưa tu tỉnh phải trải qua nó để định thân và định tỉnh “chơn thần”. Người sống biết ăn năn, làm lành, lánh dữ, trau tria hạnh đức để dục tấn trên con đường thiêng liêng hằng sống tự nhiên tránh khỏi Cõi Âm Quang này. Thế thì, Cõi Âm Quang là đối cảnh của chơn thần khi gây nghiệp nơi cõi thế gian. Cái sống của kẻ chết sẽ từng theo qui luật tự nhiên lành siêu dữ đoạ. Cái “đoạ” chính là trạng thái sống của cái chết phải đối diện với “luơng tâm”, tự xét lòng để tự diện với bao nhiêu ký ức của chơn thần.

Xét theo bình diện khác, chơn thần hằng sống, bất tiêu bất diệt và dần “thuần chơn vô ngã” cho đến khi hội hiệp cùng với Chí Linh, tức là bốn chủ của Vạn Linh. Đức Hộ Pháp gọi tiến trình tấn hoá của chơn thần là “Con Đường Thiêng Liêng Hằng Sống”. Lễ hằng sống của chơn thần từ cõi ta bà, cái sống sau khi chết và đến khi siêu sanh nơi Lạc Quốc. Như vậy, trong mọi cảnh giới, chúng sanh luôn luôn có thể có Âm Quang Cảnh nếu chưa biết tỉnh thức trọn vẹn. Nói một cách khác, Âm Quang Cảnh kia có hay không do hành tàng sống của chúng ta mà thôi.

19. “Con hạc quay đầu ra” tại Trí Giác Cung.

Đức Hộ Pháp giao thợ hồ đắp con hạc trên nóc nhà nghỉ Trí Huệ Cung, đầu quay vô Trí Huệ Cung. Khi trở về từ chuyến công du đạo sự về, Đức Ngài thấy con hạc chở thầy trò Tân Dân Tử và Tôn Võ Tử lại đắp quay đầu ra. Do vô ý mà quên lời dặn của Đức Hộ Pháp dạy, vốn dĩ con hạc chở hai thầy trò là một thể pháp quan

trọng trong cửa Đạo mà Đức Hộ Pháp muốn tượng trưng để cho toàn thể thấy bí pháp hầu gìn giữ sự sáng suốt trên con đường Đại Đạo. Ban thợ đắp xin sửa lại, nhưng Đức Ngài nói rằng lỡ làm rồi thì để vậy, Thiêng Liêng khiến vậy.

Xưa kia ông Tôn Võ Tử theo thầy là Tân Dân Tử học đạo Tiên đã 30 năm, nên đắc phẩm Nhơn Tiên. Ngày nọ, thầy trò đi du ngoạn trên con hạc. Trước khi đi, thầy dặn trò không được mên luyến phàm trần nhất là đi ngang qua chợ Thiên Vương vì đó là quê hương của trò Tôn Võ Tử, bằng chẳng vậy con hạc bay không nổi mà phải ở lại trần, không về cùng thầy đặng. Khi con hạc bay ngang qua chợ, lòng của Tôn Võ Tử bùi ngùi, nhớ cảnh xưa, con hạc liền đáp xuống và ông Tôn Võ Tử lấy người vợ đã già quá 70 tuổi. Vì không nghe lời thầy mình mà lỡ Đồi, lỡ Đạo, muốn trở về với thầy cũng không phương cách chi.

Nơi Trí Huệ Cung là Thiên Hỷ Động được, là cửa tu chơn, được trấn thân bằng các bửu pháp, trong đó có ba vòng vô vi tam thanh, là con đường trở về Bạch Ngọc Kinh- Tòa Thánh Tây Ninh. Đức Hộ Pháp lập chợ Thiên Vương trên con đường Thiên Thọ Lộ nơi xã Trường, tiếp đến là Ao Thất Bửu và cầu Đoạn Trần Kiều bắt qua con “suối mê”. Trước khi bỏ phàm, nhập thánh, con người phải tắm nơi nước thất bửu cho sạch sẽ rồi mới qua cầu Đoạn Trần Kiều, nhập vào cửa häng sống.

Đức Hộ Pháp lại giao cho Ban Kỳ Lão Phạm Môn và Hội Thánh Phước Thiện gìn giữ để bảo thủ con đường để con người nhập vào trường Thánh Đức Thiêng Liêng. Riêng con hạc chở hai thầy trò vốn dĩ tượng cho ý nghĩa chở phàm nhập Thánh nhưng nếu làm ngược lại nghĩa là chở Thánh lâm phàm. Còn việc đắp sai, Ngài nói rằng âu cũng là khiến vậy để tượng trưng dầu bậc tu chơn tu có lâm phàm mà vẫn thắng khối phàm tâm thì vẫn là Thánh, còn không thắng nổi vẫn là phàm vậy.

“Ngày nay, nếu mấy em quên làm con hạc hướng về Chợ Thiên Vương, ấy là một duyên cớ về thể pháp, tượng trưng nêu gương cho các bậc chơn tu phải cố gắng giữ lòng thanh bạch, dầu còn ở lẫn lộn nơi trần thế mà không nhiễm trần mới đắc đạo được. Đó cũng là một phương chọn Thánh lọc phàm” [Lời dạy của ĐHP].

Người đạo Cao Đài nhìn vào Thể Pháp của Đạo mà giữ gìn thánh chất, không để cho phàm ý len lỏi vào khối thánh tâm mà lỡ Đồi, mất Đạo. Cửa Đại Đạo là con thuyền từ của Đức Chí Tôn rước người trọn tâm chí thánh, đó là một giọt nhàn dương tưới lửa lòng. Nếu chẳng phải phân phàm, lọc thánh trong thân, chẳng giữ linh tâm sáng suốt giữ đạo mầu, tô điểm đạo vàng mà mê muội, lọt điểm thánh tâm thì rơi vào con đường u tối. Đây là một Thể Pháp đạo đáng lưu tâm mà người môn đồ Cao Đài nên giữ nơi tâm, nhắc nhở để nương nơi khối thánh tâm, bảo thủ chơn truyền Đại Đạo, tuân thủ Luật Pháp Đạo, hằng giữ lời Thầy là Đức Chí Tôn giảng huấn để khỏi uổng một kiếp ngộ Cao Đài.

MỤC LỤC

CHƯƠNG I: MỐI TƯƠNG QUAN GIỮA CON NGƯỜI VÀ THƯỢNG ĐẾ

1. *Sự hiện hữu của con người.*
2. *Tôn giáo đối với con người.*
3. *Thượng Đế trong lòng chúng sanh.*
4. *Đạo Trời qua các thời kỳ.*

CHƯƠNG II: SỰ RA ĐỜI CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

1. *Vũ trụ quan của Đạo Cao Đài.*
2. *Nguyên nhân xuất hiện Đạo Cao Đài.*
3. *Tại sao Việt Nam sở hữu nền văn minh Đại Đạo.*
4. *Những tiên tri về hiện tượng của nền Đại Đạo.*
5. *Thượng Đế đến bằng huyền diệu cơ bút sáng lập nền Đạo.*

CHƯƠNG III: TRIẾT LÝ TÂN KỲ CỦA ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

1. *Mục đích Đạo Cao Đài.*

2. *Tôn chỉ của Đạo Cao Đài.*
3. *Giá trị của Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*
4. *Khái niệm “Đại Đạo-Tam Kỳ-Phổ Độ”.*
5. *Đệ Tam Thiên-Nhơn Hòa Ước.*
6. *Phẩm Thiên phong.*
7. *Hội Thánh Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ.*
8. *Ý nghĩa thờ Quả Càn Khôn.*
9. *Ý nghĩa thờ Thiên Nhân.*
10. *Thánh Thể thường tại của Đức Thượng Đế.*
11. *Nghi thức lạy trong Cao Đài.*
12. *Giá trị của Tân Luật và Pháp Chánh Truyền.*
13. *Luật Đạo đã thể lòng từ bi của Đức Chí Tôn.*
14. *Ý nghĩa Tam Giáo và Ngũ Chi trong nền Đại Đạo.*
15. *Cơ tận độ của Đức Chí Tôn trong Tam Kỳ.*

CHƯƠNG IV: NHỮNG KHÁI NIỆM CƠ BẢN TRONG ĐẠI ĐẠO TAM KỲ PHỔ ĐỘ

1. *Đại Lễ Đức Chí Tôn.*
2. *Đại Lễ Hội Yến Diêu Trì Cung.*
3. *Cổ Pháp Tam Giáo và diệu quang.*
4. *Con đường tu chơn trong đạo Cao Đài.*
5. *Ba con đường trở về với Đức Chí Tôn.*
6. *Vấn đề trường dưỡng Tinh-Khí-Thần.*
7. *Con đường thiêng liêng hằng sống.*
8. *Phật Giáo trong học thuyết Cao Đài.*
9. *Tiên Giáo trong học thuyết Cao Đài.*
10. *Nho Giáo trong học thuyết Cao Đài.*
11. *Hoạt động cân thần và truyền bí pháp.*
12. *Sự khắc khe trong vấn đề tu tịnh trong Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ-Tòa Thánh Tây Ninh.*
13. *Bí Pháp Cao Đài khi Đức Hộ Pháp đã triều Thiên.*
14. *Nghi thức thờ phụng và cúng lạy biểu thị pháp giới tạo đoan.*
15. *Năm cây nhang tượng trưng cho con đường trở về với Đức Chí Tôn.*
16. *“Đạo Đức” đối với người Cao Đài.*
17. *Phép dưỡng sinh đối với người tín đồ Cao Đài.*
18. *Quan niệm về địa ngục trong Cao Đài.*
19. *“Con hạc quay đầu vô” tại Trí Giác Cung.*

Kỷ niệm ngày khai Đại Đạo Tam Kỳ Phổ Độ

Đây là bản thảo, chờ chỉnh sửa, bản quyền sẽ dâng cho Hội Thánh.

Tài liệu lưu hành nội bộ.

Khai Tâm Quách Minh Chương - 2021